

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của Cơ sở “NHÀ ĐỂ XE CAO TẦNG VÀ VĂN PHÒNG
ĐIỀU HÀNH”**

**Địa điểm: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội**

HÀ NỘI, THÁNG 2 NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Cơ sở “NHÀ ĐÈ XE CAO TẦNG VÀ VĂN PHÒNG
ĐIỀU HÀNH”

Địa điểm: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

CHỦ CƠ SỞ
TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÒA NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

HÀ NỘI, THÁNG 2 NĂM 2023

MỤC LỤC

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	8
3.2. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở.....	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	13
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.	18
2.1. Về tính nhạy cảm.....	18
2.2. Về sức chịu tải của môi trường.....	18
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa, nước rò rỉ tầng hầm.....	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	23
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	38
2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý và công trình xử lý bụi, khí thải buồng sơn.....	38
2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	46
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	49
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	51
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	54
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	54
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	64
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	70
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	70
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	71
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	73

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	74
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:.....	78
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.	78
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	78
2.1.1. Quan trắc nước thải	78
2.1.2. Quan trắc khí thải	79
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	79
2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.	79
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	81
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	82
PHỤ LỤC	83
PHỤ LỤC 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN	84
PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ VÀ CÁC GIẤY TỜ LIÊN QUAN	86
PHỤ LỤC 3. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ TẠI CƠ SỞ	87

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh học 5 ngày
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
COD	Nhu cầu oxi hoá học
CP	Cổ phần
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý nước thải
NT	Nước thải
NVS	Nhà vệ sinh
GHCP	Giới hạn cho phép
GPMT	Giấy phép môi trường
SX	Sản xuất
QĐ	Quyết định
QC	Quy chuẩn
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QLNN	Quản lý nhà nước
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng rắn lơ lửng
XD	Xây dựng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của cơ sở	14
Bảng 1.2. Nhu cầu xả nước thải hiện tại tại cơ sở.....	14
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở	15
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho sản xuất, kinh doanh.....	15
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho xử lý nước thải.....	16
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom và thoát nước mưa	22
Bảng 3.2. Các thông số của hệ thống xử lý nước thải tập trung	32
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý.....	74
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý (tiếp)	75
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	76
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải (tiếp).....	76
Bảng 6.1. Kinh phí giám sát chất lượng nước thải trong 1 năm	79

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức Tòa nhà	9
Hình 1.2. Quy trình hoạt động của quá trình bảo dưỡng xe	10
Hình 1.3. Quy trình sơn xe	11
Hình 1.4. Quy trình hoạt động tại nhà để xe	13
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước rò rỉ tầng hầm của dự án ...	20
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của cơ sở	23
Hình 3.3. Sơ đồ tạo của bể tự hoại 3 ngăn.....	26
Hình 3.4. Bể tách dầu mỡ	27
Hình 3.5. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m ³ /ngày đêm	29
Hình 3.6. Quy trình thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ buồng sơn	38
Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn sấy.....	39
Hình 3.8. Hình ảnh máy hút bụi trung tâm.....	47
Hình 3.9. Thùng và khu vực lưu chứa rác thải thông thường và sinh hoạt tại cơ sở	50
Hình 3.10. Thiết bị lưu giữ và kho CTNH tại cơ sở.....	53

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI
- Địa chỉ liên hệ: Số 5 Phố Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Hoàng Trung
Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên
- Điện thoại: 024.38241650; E-mail: transerco@transerco.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp số 0101148154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/04/2019 cho Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000871 ngày 11/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội thực hiện Dự án đầu tư: “Xây dựng nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
- Địa điểm cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường:
 - + Văn bản số 1406/QHKT-T2 ngày 11/05/2010 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội Chấp thuận về nguyên tắc Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án thiết kế sơ bộ về kiến trúc của Công trình Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại khu đất số 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 - + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 570/GP-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội.
 - + Sổ đăng ký chủ nguồn chất nguy hại mã số QLCTNH: 01.001229.T của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ngày 30/01/2013 cấp cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân;
 - + Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 81/CNTD-PCCC ngày 14/02/2011 của Phòng cảnh sát PCCC Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy tờ tương đương:

+ Quyết định số 2867/QĐ-STNMT ngày 28/12/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”. Địa điểm: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư là 219.256.000.000 đồng, căn cứ tại khoản 4 điều 9 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 nên dự án thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm B.

+ Quy mô xây dựng:

Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành được triển khai trên tổng diện tích đất là 5.378,8 m². Trong đó, tổng diện tích đất xây dựng là 5.022,8 m² và 356 m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch mở đường; Giao chủ đầu tư làm vỉa hè phục vụ chung trong khu vực. Hạng mục công trình tại cơ sở gồm:

- Tầng hầm: Khu vực để xe cho cán bộ công nhân viên và khu kỹ thuật tòa nhà. Diện tích sàn xây dựng 4.590 m².

- Tầng 1: Khu bảo dưỡng xe ô tô. Diện tích sàn xây dựng 3.330m²;

- Tầng lửng: Văn phòng điều hành. Diện tích xây dựng 1.400m²;

- Tầng 2: Khu bảo dưỡng xe ô tô. Diện tích sàn xây dựng 3.330m²;

- Tầng 3: Khu bảo dưỡng xe ô tô. Diện tích sàn xây dựng 3.330m²;

- Tầng 4: Nhà để xe với kết cấu bê tông, cốt thép, kính 4 mặt, thông thoát và có hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, sức chứa tối đa của khu để xe là 100 xe ô tô. Diện tích xây dựng 3.330 m²;

- Tầng 5: Nhà để xe với kết cấu bê tông, cốt thép, kính 4 mặt, thông thoát và có hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, sức chứa tối đa của khu để xe là 100 xe ô tô. Diện tích xây dựng 3.330 m²;

- Tầng 6: Văn phòng điều hành. Diện tích xây dựng 3.330 m²;

- Tầng 7: Văn phòng điều hành. Diện tích xây dựng 3.330 m²;

- Tầng 8: Văn phòng điều hành. Diện tích xây dựng 3.330 m²;

- Tầng tum: Văn phòng điều hành. Diện tích xây dựng 1.100 m²;

- Tầng mái: Khu vực chứa téc nước. Diện tích xây dựng 1.100 m²;

Nhóm các hạng mục bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

STT	Hạng mục	Thiết bị lưu giữ/hoạt động	Số lượng	Nơi lưu giữ
1	Chất thải sinh hoạt	Thùng 10 lít	30	Phòng ăn, phòng làm việc
		Thùng 500 lít	03	Khu lưu trữ chất thải tập trung tại cơ sở
2	Chất thải nguy hại	Thùng 70 lít	14	Kho CTNH
3	Nước thải	Hệ thống xử lý nước thải 60 m ³ /ngày đêm	01	Dưới tầng hầm
4	Khí thải	Cây xanh	100	Trong khuôn viên cơ sở
		Quạt thông gió	40	Nhà vệ sinh và các khu vực để xe, bảo dưỡng xe
		Máy hút mùi	04	Khu vực nhà ăn
		Hệ thống xử lý khí thải đồng bộ	08	08 buồng sơn

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty TNHH Một thành viên số 0101148154 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 04 năm 2019. Tòa nhà đi vào vận hành thử nghiệm vào tháng 1 năm 2013 và hoạt động ổn định từ năm 2014.

Căn cứ Hợp đồng số 01DA-IDMC-TCTVT ký ngày 26/7/2010 giữa Tổng công ty Vận tải Hà Nội và Công ty CP Quản lý đầu tư và phát triển IDMC về việc cho thuê văn phòng làm việc và căn cứ vào Quyết định số 70/QĐ-IDMC ngày 1/5/2011 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và phát triển về việc Giao diện tích thuê theo Hợp đồng số 01DA-IDMC-TCTVT cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân Quản lý.

- Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành hoạt động trên tổng diện tích đất là 5,378,8m² và diện tích đất xây dựng là 5.022,8 m². Công trình cao 8 tầng (không kể tầng hầm, tầng lửng) với tổng diện tích sàn 32.090 m². Trung bình mỗi năm cơ sở bảo dưỡng các loại xe ô tô khoảng: 15.000 lượt xe/năm tương ứng với mỗi ngày khoảng 50 lượt.

- Số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở khoảng 700 người.

- Thời gian làm việc chia làm 1 ca từ thứ hai đến thứ bảy với số ngày làm việc tương ứng là 26 ngày/tháng.

Thời gian làm việc tại cơ sở như sau:

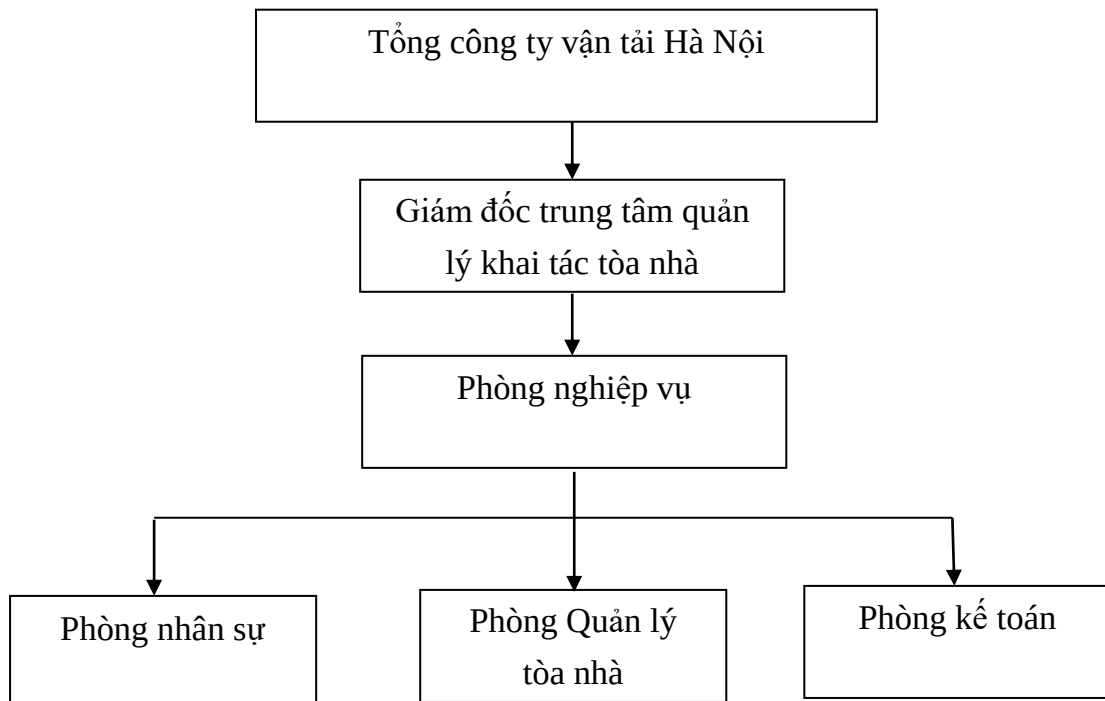
+ Sáng: Từ 7h00 đến 12h00;

+ Chiều: Từ 13h30 đến 17h30;

3.2. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở

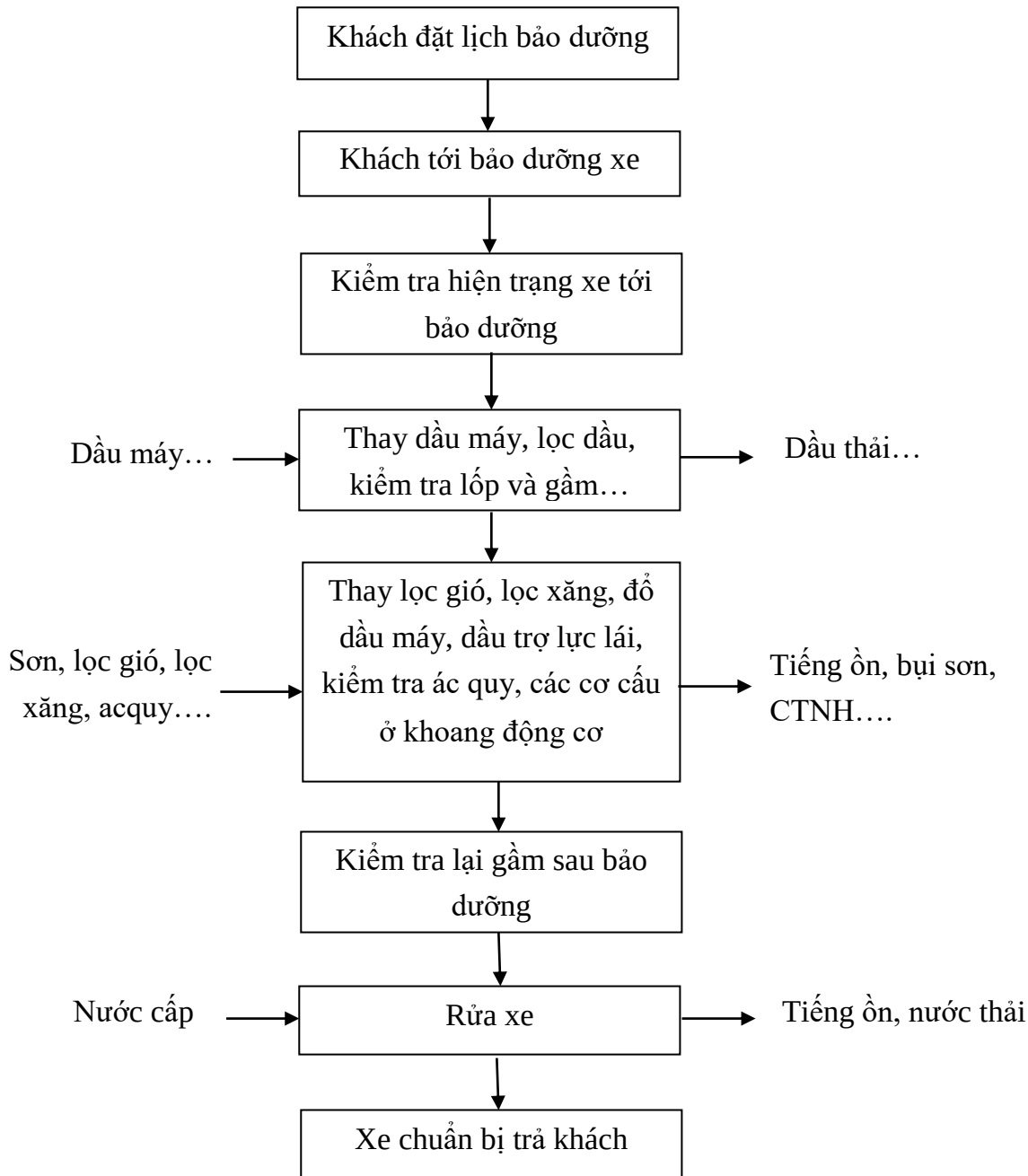
Quy trình hoạt động của Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành như sau:

a. Quy trình hoạt động của tòa nhà



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức Tòa nhà

b. Quy trình bảo dưỡng xe



Hình 1.2. Quy trình hoạt động của quá trình bảo dưỡng xe

Thuyết minh quy trình hoạt động:

Khách hàng khi tới bảo dưỡng xe ô tô tại cơ sở đặt lịch trước với bộ phận chăm sóc khách hàng để lên kế hoạch và sắp xếp lịch bảo dưỡng.

Xe tới bảo dưỡng sẽ được nhân viên kỹ thuật tại cơ sở bảo dưỡng kiểm tra hiện trạng của xe như còi xe, vô – lăng, đèn trần, gương...

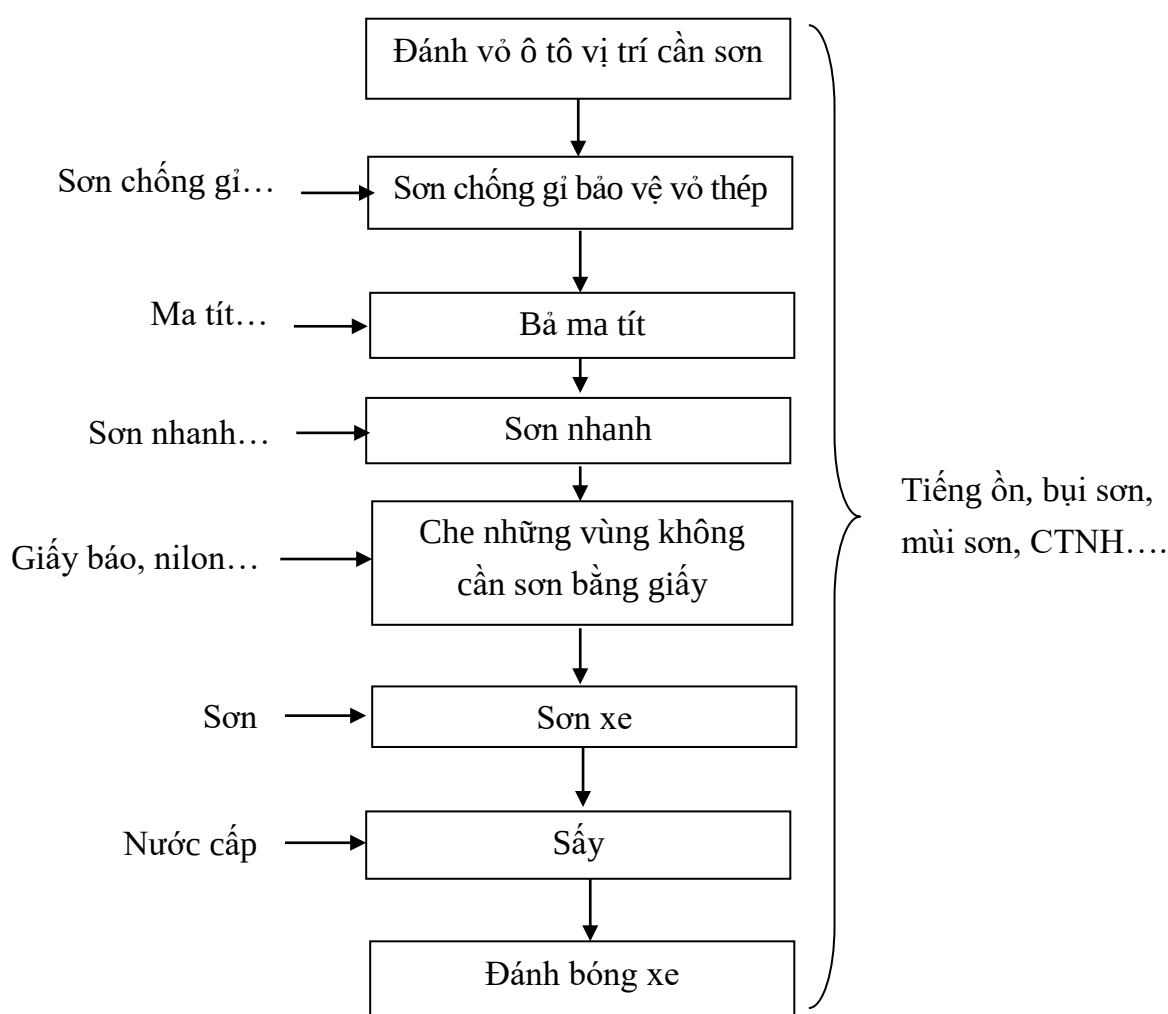
Sau khi xe được nhân viên kỹ thuật kiểm tra xe và được chuyển đến công đoạn tiếp theo để thay dầu số, bộ lọc, dầu máy và kiểm tra lốp, gầm xe. Tại công đoạn này

được kiểm tra xem có hiện tượng rò rỉ, mài mòn, móp méo nếu trong trường hợp xe bị xước sơn sẽ được sơn lại xe những bộ phận bị xước.

Kết thúc quá trình bảo dưỡng xe thì xe được chuyển qua công đoạn tiếp theo để kiểm tra lại gầm xe sau bảo dưỡng xem có hiện tượng rò rỉ dầu, dung dịch.... Nếu có hiện tượng rò rỉ dung dịch, dầu máy nhân viên kỹ thuật phải tiến hành điều chỉnh lại trước khi xe được chuyển ra khu vực rửa xe. Sau khi xe được rửa xong sẽ được chuyển qua khu vực chuẩn bị trả xe cho khách hàng.

Trong suốt quá trình bảo dưỡng xe có thể phát sinh khí thải từ quá trình kiểm tra xe, nước thải rửa xe, tiếng ồn, bụi, dầu thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

c. Quy trình phun sơn



Hình 1.3. Quy trình sơn xe

Thuyết minh quy trình hoạt động:

Trước tiên sử dụng máy mài lắp giấy ráp có độ sần thích hợp để loại bỏ lớp sơn cũ của những vùng cần sơn giúp sơn nhanh và ma tít có thể bám dính tốt nhất. Công

đoạn này được thực hiện tại khu vực riêng. Nếu có những vùng bị móp méo, vết lõm sâu thì nhân viên bảo dưỡng sẽ gò lại bằng máy hàn rút tôn tạo bề mặt phẳng tương đối theo phom xe ban đầu của nhà sản xuất. Sau đó xe được sơn nhanh, sơn chống gỉ giúp tránh bám dính hơi ẩm ngăn ngừa gỉ sét quay lại phá Sơn từ bên trong. Đợi khô lớp sơn chống rỉ, tiếp tục đánh bằng giấy ráp để tăng cường độ bám dính matit hoặc lớp sơn phủ ngoài. Bả một lớp ma tít để lấp đầy bề mặt bị trầy xước, lồi lõm, trả lại Phom xe chuẩn chính hãng của xe. Sau đó mài nhẵn chuẩn bị bề mặt cho bước tiếp theo.

Xe sau khi mài xong được phủ một lớp sơn nhanh lên trên phần matit, ngăn màu matit không lộ ra ngoài. Sơn nhanh có tác dụng khác làm nền cho lớp sơn phủ ngoài bóng đẹp hơn.

Tiếp theo, những vùng sơn còn tốt cần được bọc kỹ bằng báo hoặc nilon để sơn không vô tình gây bẩn khi tiến hành sơn; Công đoạn này không thể bỏ qua trong quy trình.

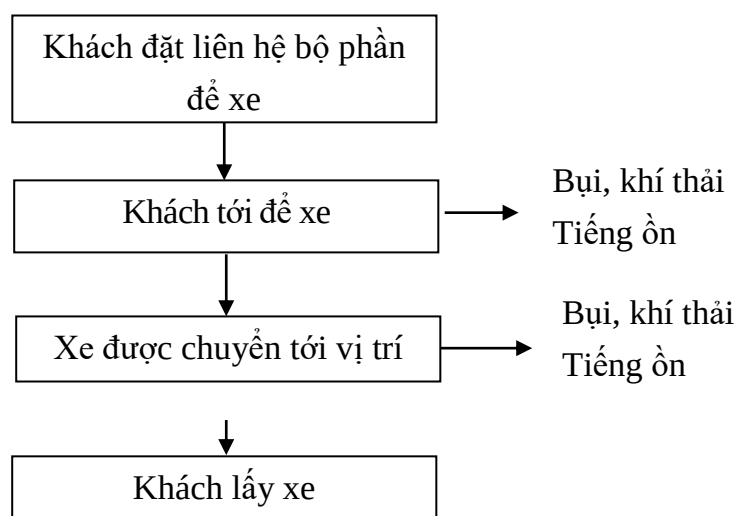
Quá trình sơn: Sử dụng súng phun sơn để sơn. Trong suốt công đoạn sơn, quạt gió cấp hút sẽ hoạt động và đưa không khí sạch từ ngoài qua bộ lọc bụi, lọc trần vào trong phòng. Không khí được hút vào và cấp xuống từ phía trần của phòng sơn sấy. Không khí sau khi được lọc sạch nhờ bộ lọc trần sẽ được đẩy xuống từ phía trên và nó luôn duy trì một áp suất lớn hơn áp suất của không khí ngoài trời để tránh bụi bay từ ngoài vào trong phòng gây ảnh hưởng đến chất lượng sơn.

Quá trình sấy: Trong quá trình sấy, sử dụng hệ thống cấp nhiệt để gia nhiệt và gia tăng nhiệt độ cho không khí trong buồng. Hai quạt hút sẽ hút gió lạnh vào và thông qua bộ hệ thống cấp nhiệt, không khí được nung nóng và cấp vào trong phòng. Hệ thống cấp nhiệt phòng sơn MKA 14ESTL sử dụng dầu diesel công suất 129.000 Kcal/h, tương đương định mức tiêu thụ dầu/1 buồng sơn sấy là 12,9kg/h. Đồng thời, cửa hút gió sẽ đóng bớt lại để che bớt lượng gió vào phòng và lượng gió còn lại sẽ được hút tuần hoàn trong phòng để tránh bị tổn hao nhiệt năng. Quá trình được lặp lại liên tục như vậy và không khí trong phòng luôn duy trì nhiệt độ đặt trước. Đồng thời, trong quá trình sấy, các quạt cấp sẽ luôn duy trì một áp suất để tránh bụi lọt vào trong phòng. Quá trình sấy khô cần được giám sát kỹ càng.

Cuối cùng xe được đánh bóng toàn bộ bề mặt thân vỏ ô tô bằng máy chuyên dụng. Giúp làm bóng vùng sơn cũ và làm mờ bớt độ bóng vùng sơn mới, đồng bộ vẻ đẹp sơn toàn xe. Sau khi đánh bóng ô tô thì chỉ những người có kinh nghiệm lâu năm mới phát hiện ra đâu là chỗ mới được sơn lại, nếu những chỗ chưa đạt tiêu chuẩn thì phải tiến hành sơn lại.

Quá trình này sẽ phát sinh ra tiếng ồn, khí thải, CTNH.... Tuy nhiên, các công đoạn của quy trình sơn được thực hiện trong buồng sơn kín do đó hạn chế khí thải, bụi, mùi sơn, tiếng ồn phát tán ra môi trường xung quanh. Nguồn khí thải này sẽ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn.

d. Quy trình đỗ xe tại nhà để xe



Hình 1.4. Quy trình hoạt động tại nhà để xe

Thuyết minh quy trình hoạt động:

Khách hàng khi tới đỗ xe tại tầng 4, 5 thì liên hệ bộ phận quản lý xe. Tại đây, mỗi khách ra vào để gửi xe đều có một thẻ gửi xe riêng biệt.

Khi khách hàng tới gửi xe sẽ gửi xe theo sự hướng dẫn của nhân viên bảo vệ tại cơ sở để sắp xếp vị trí để xe. Khách hàng tới để xe thường để xe lưu trú qua đêm.

Trong các công đoạn của quy trình đỗ xe tại nhà để xe có thể phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành hoạt động trên tổng diện tích đất là 5,378,8m² và diện tích đất xây dựng là 5.022,8 m². Công trình cao 8 tầng (không kể tầng hầm, tầng lửng) với tổng diện tích sàn 32.090m².

- Trung bình mỗi năm cơ sở bảo dưỡng các loại xe ô tô khoảng: 15.000 lượt xe/năm tương ứng với mỗi ngày khoảng 50 lượt.

- Tầng 4 và tầng 5 được sử dụng là nhà để xe (Sức chứa tối đa 200 xe ô tô)

- Số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở khoảng 700 người.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước phục vụ sinh hoạt và kinh doanh của dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của thành phố thông qua hợp đồng cung cấp nước sạch với Công ty Cổ phần Viwaco.

Nhu cầu sử dụng nước trung bình của Cơ sở trong tháng có hóa đơn tiền nước lớn nhất chỉ khoảng 53,6 m³/ngày đêm (Căn cứ vào hóa đơn tiền nước 3 tháng gần đây của cơ sở), cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu dùng nước theo tháng (m ³ /tháng)	Nhu cầu sử dụng nước trung bình trong ngày của tháng (m ³ /ngày)
1	Hóa đơn tháng 7/2022 (dùng trong tháng 6/2021)	1.262	48,5
2	Hóa đơn tháng 8/2022 (dùng trong tháng 7/2022)	1.393	53,6
3	Hóa đơn tháng 9/2022 (dùng trong tháng 8/2022)	1.352	52
	Trung bình trong tháng	2197	51,4
	Trung bình theo ngày của tháng có hóa đơn sử dụng nước lớn nhất		53,6

(Nguồn: Tổng Công ty Vận tải Hà Nội)

Cơ sở sử dụng nước cho 3 mục đích sau:

- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên
- + Hoạt động của khu vực nhà bếp
- + Hoạt động rửa xe.

Nhu cầu xả nước thải tại cơ sở được xác định dựa trên nhật ký theo dõi lưu lượng xả nước thải hàng ngày, cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu xả nước thải hiện tại tại cơ sở

STT	Tháng	Lưu lượng trung bình (m ³ /ngày đêm)	Lưu lượng lớn nhất các ngày trong tháng (m ³ /ngày đêm)
1	01/2022	49,2	56
2	02/2022	46,6	52
3	03/2022	47,3	56
4	04/2022	48	57
5	05/2022	50,3	55
6	06/2022	48,5	55
7	07/2022	52	60
8	08/2022	51	59
9	09/2022	50,7	56
Lưu lượng thải lớn nhất ngày thời điểm hiện tại		49,3	60

(Nguồn: Nhật ký theo dõi lưu lượng xả nước thải)

b. Nhu cầu tiêu thụ điện

Nguồn cấp: Dự án đấu nối từ đường điện thuộc mạng lưới cấp điện của thành phố Hà Nội theo hợp đồng với Công ty Điện lực Thanh Xuân.

Điện được sử dụng cho chiếu sáng, hệ thống điều hòa, bơm nước, thang máy, quạt gió, hệ thống xử lý nước thải và hệ thống điện nhẹ, phục vụ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, rửa xe ô tô.

Lượng điện năng tiêu thụ trung bình 1 năm gần đây tại cơ sở khoảng 369.840 Kwh/tháng (Căn cứ vào hóa đơn tiền điện từ tháng 06/2022 đến 08/2022 của cơ sở).

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu dùng điện trong tháng (kWh)
1	Hóa đơn tháng 6/2022	125.760
2	Hóa đơn tháng 7/2022	126.720
3	Hóa đơn tháng 8/2022	117.360
	Trung bình trong 1 năm gần đây	369.840

(Nguồn: Nhật ký theo dõi lưu lượng xả nước thải)

c. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Cơ sở sử dụng gas để phục vụ nhu cầu đun nấu. Lượng gas sử dụng trong 1 tháng khoảng 100kg. Do nhu cầu sử dụng gas tại cơ sở không quá lớn nên gas được cấp theo hình thức thủ công tại các bếp nấu ăn tại tầng 2 và tầng 6.

d. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Trong quá trình hoạt động, cơ sở có sử dụng một số hóa chất phục vụ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho sản xuất, kinh doanh

STT	Tên hóa chất	Quy cách đóng gói, dạng	Khối lượng		Mục đích sử dụng	Đơn vị cung cấp
			Sử dụng/năm	Tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm		
1	Xăng	Dạng lỏng, thùng phuy 200 lít	1.500 lít	200 lít	Đổ vào xe mới	Cây xăng đường Láng
2	Dầu	Dạng lỏng, thùng phuy 200 lít	1.500 lít	100 lít	Sấy phòng sơn và chạy máy phát điện	

					dự phòng	
3	Dung môi M600	Dạng lỏng, thùng 5 lít	350kg	400kg	- Lau bề mặt xe - Pha vào sơn để sơn xe	Toyota Việt Nam
4	Sơn	Đóng hộp (có 2 loại hộp: 3,7 và 5kg/hộp)	3.000kg	300kg	Sơn xe	Toyota Việt Nam
5	Dầu nhớt, dầu bôi trơn	Dạng lỏng đóng can 4 lít	55.000 lít	4.000 lít	- Thay nhớt máy cho xe ô tô	Toyota Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân)

Ngoài ra, cơ sở có sử dụng hóa chất để xử lý nước thải với khối lượng cụ thể như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho xử lý nước thải

STT	Hóa chất	Nồng độ xử lý	Khối lượng (kg/ngày)
1	PAC	120g/m ³	7,2
2	Polyme	3g/m ³	0,18
3	Javen NaOCl	5g/m ³	0,3
	Tổng		7,68

(Nguồn: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân)

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Cơ sở hoạt động phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

- Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;

- Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017;

- Phù hợp với Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 21/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hoạt động của cơ sở phát sinh ra các loại chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (Nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, CTNH, tiếng ồn). Tuy nhiên, với ý thức tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường chủ cơ sở luôn thực hiện các biện pháp BVMT trong suốt quá trình hoạt động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu:

- Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất: thực hiện thu gom xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm đảm bảo nước thải đạt QCVN 02:2014/BTNMT cột B, $C_{\max} = C$ và QCVN 14:2008/BTNMT cột B, $K=1,2$ trước khi xả ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn ô tô được xử lý tại hệ thống xử lý khí thải đi kèm với buồng sơn đảm bảo khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom vào các thùng chứa và hàng ngày được vận chuyển đi xử lý.

- CTNH được thu gom và lưu giữ tại kho CTNH diện tích 10 m² và định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Tiếng ồn phát sinh tại cơ sở đảm bảo được xử lý đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Đặc thù loại hình dự án phát sinh chất thải không nhiều, mặt khác chủ cơ sở luôn thực hiện các biện pháp giảm thiểu, BVMT đảm bảo chất lượng theo các quy định pháp luật, đảm bảo an toàn và không gây ảnh hưởng tới môi trường khu vực. Do đó hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp và đáp ứng các yêu cầu quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch BVMT tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

2.1. Về tính nhạy cảm

Khu vực thực hiện dự án nằm trên nền địa hình tương đối bằng phẳng, trong khu vực dự án và khu vực xung quanh không có vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu dự trữ thiên nhiên khác; không có công trình văn hóa, tôn giáo hay các di tích lịch sử... Như vậy, dự án không nằm trong khu vực nhạy cảm về môi trường.

2.2. Về sức chịu tải của môi trường

Môi trường không khí

Không gian kiến trúc bố trí hài hòa, thoáng mát nên khả năng khuếch tán không khí là khá tốt. Ngoài ra, quá trình phun sơn ô tô diễn ra trong buồng kín và có hệ thống xử lý khí thải đồng bộ cùng buồng sơn do vậy khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, khu vực mài vỏ sơn cũng được bố trí các thiết bị hút bụi để xử lý bụi sơn phát sinh do hoạt động này → nên không gây tác động lớn đến môi trường không khí khu vực tiếp nhận.

Môi trường nước

Đánh giá tác động tổng hợp của việc xả nước thải đối với khả năng tiếp nhận nước thải của hệ thống thoát nước khu vực.

Nước thải ra môi trường nếu không được xử lý triệt để sẽ có tác động xấu tới môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất và tới hệ sinh thái thủy sinh cũng như sức khỏe con người. Nhận thức được tính nghiêm trọng và các tác động không tốt đó tới môi trường cũng như tới con người, Chủ cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý nước thải đảm bảo nước thải đạt QCDTHN 02:2014/BTNMT cột B, $C_{\max} = C$ và QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2 trước khi xả ra môi trường.

Việc xả thải với lưu lượng lớn sẽ gây ảnh hưởng tới chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận. Tuy nhiên với lưu lượng xả thải lớn nhất tại cơ sở là 60 m³/ngày đêm

là tương đối nhỏ, chế độ xả nước thải liên tục nên không xả một cách ồ ạt vào hệ thống thoát nước của khu vực, do đó ảnh hưởng không nhiều đến khả năng tiêu thoát nước và chế độ thủy văn của khu vực.

Nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng nhà điều hành” là hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh, đây cũng là nơi tiếp nhận nước thải chung của thành phố cùng với rất nhiều nguồn thải khác nhau nên nước thải của Nhà để xe cao tầng và văn phòng nhà điều hành không phải là tác nhân chính tác động đến sự ô nhiễm của hệ thống thoát nước trong khu vực phường Khương Mai.

Hệ thống cống thoát nước khu vực là hệ thống thoát nước chung của phường Khương Mai được xây dựng bằng bê tông đúc sẵn, BXH = 1000x1000mm, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng.

Đối với chất thải rắn

Sức chịu tải của hệ thống thu gom và xử lý CTR tại khu vực được đánh giá thông qua tổng lượng phát sinh CTR và khả năng thu gom xử lý CTR.

Về lượng chất thải rắn thông thường: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân đã ký theo hợp đồng số 076.22/SC-TTX ngày 04/01/2022 với Công ty TNHH Môi trường Sông Công về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp tại cơ sở.

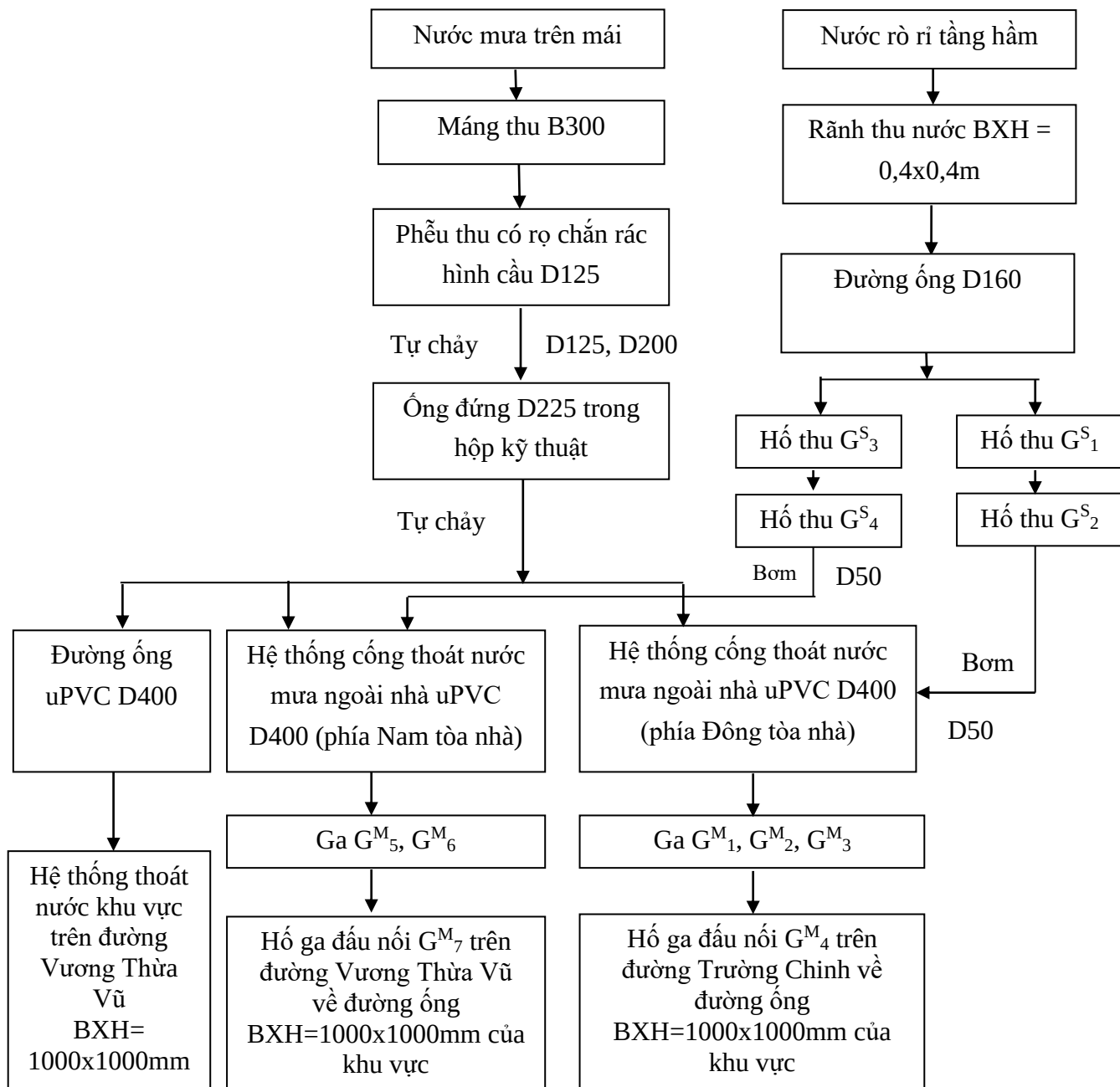
Hệ thống thu gom và xử lý CTR: Đối với CTR sinh hoạt được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý tại khu xử lý rác của thành phố đã được tính toán đảm bảo nhận và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về lượng Chất thải nguy hại phát sinh: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân đã ký theo hợp đồng số 076.22/SC-TTX ngày 04/01/2022 với Công ty TNHH Môi trường Sông Công về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp (trong đó có CTNH).

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa, nước rò rỉ tầng hầm



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước rò rỉ tầng hầm của dự án

Thuyết minh sơ đồ:

- Nước rò rỉ tầng hầm (bao gồm nước rò rỉ đường ống cấp nước; Nước rò rỉ trong trường hợp tường bị thấm nước do mạch nước ngầm bên ngoài nhà; Nước mưa lũ chảy tràn từ bên ngoài chảy vào tầng hầm). Các loại nước này chỉ phát sinh khi có các sự cố nêu trên xảy ra. Để đảm bảo khắc phục nhanh, tránh gây ngập tầng hầm làm hư hại các công trình, thiết bị tại tầng hầm bao gồm cả hệ thống xử lý nước thải tập

trung đặt ở tầng hầm của tòa nhà. Do vậy nước thải rò rỉ tầng hầm được thu gom về hố thu nước và sử dụng bơm cưỡng bức bơm ra hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà. Theo đó nước rò rỉ tầng hầm được thu về rãnh BTCT BXH = 0,4x0,4m có tổng chiều dài là 13m. Nước rò rỉ sau đó chảy về đường ống uPVC D160 dài 110m về 04 hố thu. Kích thước mỗi hố thu $D \times R \times C = 700 \times 700 \times 1000 \text{mm}$. Tại hố thu nước G^{S_2} và hố thu nước G^{S_4} bố trí 02 bơm chìm có công suất $Q=5 \text{m}^3/\text{h}$.

- + Tại hố thu số G^{S_2} , nước được theo ống thép D50 dài 7,5m bơm lên hệ thống thoát công thoát nước mưa ngoài nhà uPVC D400.

- + Tại hố thu số G^{S_4} , nước được theo ống thép D50 dài 7,5m bơm lên hệ thống thoát công thoát nước mưa ngoài nhà uPVC D400.

- Tại hộp kỹ thuật chính đặt 4 ống thoát nước mưa D225.

- + Nước mưa từ trên mái Cos +39.820 được thu gom vào các máng thu B300 dùng 8 phễu thu đường kính D125 có rọ chắn rác hình cầu → tuyến ống D125, độ dốc $i = 1\%$ → tuyến ống D200, độ dốc $i=0,5\%$ → 4 ống thoát chính D225 ở 2 hộp kỹ thuật.

- + Nước mưa từ trên mái tầng tum Cos +33.600 được thu gom vào các máng thu B300 dùng 9 phễu thu đường kính D125 có rọ chắn rác hình cầu → tuyến ống D125, độ dốc $i = 1\%$ → tuyến ống D200, độ dốc $i=0,5\%$ → 4 ống thoát chính D225 ở 2 hộp kỹ thuật.

- + Nước mưa từ trên mái tầng 7 cos +27.000 được thu vào các máng thu B300 dùng 4 phễu thu đường kính D125 có rọ chắn rác hình cầu → tuyến ống D125, độ dốc $i = 1\%$ → tuyến ống D200, độ dốc $i=0,5\%$ → 2 ống thoát chính D225 ở 2 hộp kỹ thuật.

- + Tới trần tầng hầm: 4 ống thoát nước mưa uPVC D225 được treo trên tầng hầm sau đó thoát ra tuyến công thoát nước ngoài nhà uPVC D400.

Nước mưa trên mái và nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ được thoát về 2 lưu vực:

- + Lưu vực 1:

- ✓ Nước mưa được chảy vào tuyến công uPVC D400 dài 47m ngoài nhà có bố trí hố ga lắng cặn G^{M_5} , G^{M_6} độ dốc $i = 0,002$. Nước mưa sau đó được dẫn ra hố ga đầu nối G^{M_7} kích thước $D \times R \times C = 800 \times 500 \times 1000 \text{mm}$ (điểm xả nước mưa số 1), từ đây nước mưa chảy theo công uPVC D400 vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Vương Thừa Vũ.

- ✓ Nước mưa được chảy vào tuyến công uPVC D400 dài 21m ngoài nhà có độ dốc $i = 0,002$. Nước mưa sau đó được đầu nối trực tiếp vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Vương Thừa Vũ (điểm xả nước mưa số 2).

- + Lưu vực 2: Nước mưa được chảy vào tuyến công uPVC D400 dài 44m ngoài nhà có bố trí hố ga lắng cặn G^{M_1} , G^{M_2} , G^{M_3} , độ dốc $i = 0,003$. Nước mưa sau đó được dẫn ra hố ga đầu nối G^{M_4} kích thước $D \times R \times C = 800 \times 500 \times 1000 \text{mm}$ (điểm xả nước mưa

số 3), từ đây nước mưa chảy theo 02 ống cống liền sát nhau uPVC D200 vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom và thoát nước mưa

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
1	Phễu thu nước mưa và rọ rác	- Kích thước: D125 - Số lượng: 21 cái + Vật liệu: inox
2	Ga thu nước mưa	- Số lượng: 07 hố - Ga G^M_3 : Kích thước 1200x600x1000mm - Ga $G^M_1, G^M_2, G^M_4, G^M_5, G^M_6, G^M_7$: Kích thước 600x600x1000mm - Vật liệu: BTCT, khung nắp và lưới chắn rác bằng gang.
3	Hệ thống đường ống thoát nước mưa trong nhà	- Kích thước: + Ống D125, chiều dài 32,6m; + Ống D200, chiều dài 75m; + Ống D225, chiều dài 250m; - Vật liệu: uPVC
4	Hệ thống đường ống thoát nước mưa ngoài nhà	- Kích thước: + Cống D400, chiều dài 91m; - Độ dốc $i = 0,003$ - Vật liệu: uPVC
5	Hố thu nước rò rỉ tầng hầm	- Số lượng: 04 hố - Kích thước thông thủy: 700x700x1000mm - Vật liệu: BTCT
6	Rãnh thu nước rò rỉ tầng hầm	- Kích thước: BXH= 400x400mm - Chiều dài: 10m - Vật liệu: BTCT, song chắn rác bằng thép.
7	Đường ống thu nước rò rỉ tầng hầm:	- Ống D160, chiều dài 110m. Vật liệu: uPVC - Ống D50, chiều dài 15m. Vật liệu: thép

Số lượng điểm thoát nước mưa: 03 vị trí

+ 01 vị trí tại ga đầu nối G^M_7 thoát nước mưa trên đường Vương Thừa Vũ.

Tọa độ điểm đầu nối: $X_1 = 2323233$; $Y_1 = 585518$

+ 01 vị trí tại phía Tây tòa nhà trên đường Vương Thừa Vũ.

Tọa độ điểm đầu nối: $X_2 = 2323264$; $Y_2 = 585532$

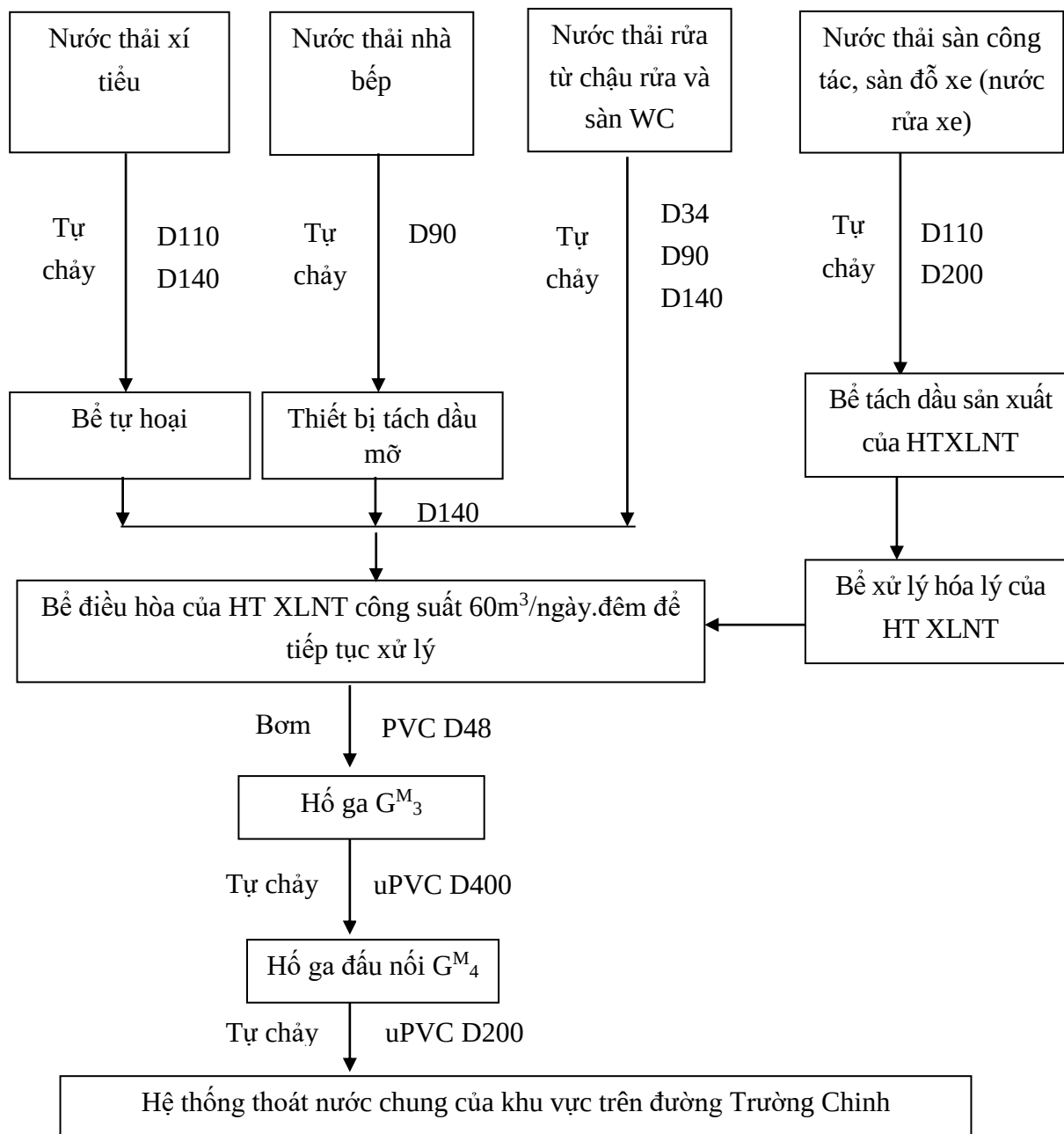
+ 01 vị trí tại ga đầu nối G^M_1 thoát nước mưa trên đường Trường Chinh.

Tọa độ điểm đầu nối: $X_3 = 2323592$; $Y_3 = 585545$

Phương thức xả nước mưa: tự chảy.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của cơ sở

- Hệ thống thoát nước trong nhà:

*) Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải xí nghiệp từ nhà vệ sinh của các tầng được thu gom theo đường ống uPVC D110 về đường ống đứng PVC D140 chạy dọc từ tầng tum xuống trần tầng hầm → Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải.

+ Nước thải từ khu vực bếp từ tầng 6 và tầng 2 của cơ sở được thu gom theo đường ống uPVC D90 về thiết bị tách dầu mỡ phía dưới bồn rửa, sau đó theo đường

ống uPVC D140 xuống trần tầng hầm → Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải.

+ Nước thải từ chậu rửa của các tầng được thu gom theo đường ống uPVC D34 sau đó cùng nước thải thoát sàn WC theo đường ống uPVC D90 chảy vào đường ống đứng uPVC D140 chạy dọc từ tầng tum xuống trần tầng hầm → Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải.

+ Nước thải từ sàn công tác, sàn đỗ xe các tầng được thu gom theo đường ống uPVC D110 về đường ống đứng uPVC D200 chạy dọc từ tầng 6 xuống trần tầng hầm → Bể tách dầu sản xuất của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải.

- **Hệ thống thoát nước thải ngoài nhà:** Hệ thống thoát nước ngoài nhà được thiết kế chảy tự nhiên.

+ Nước thải sau khi xử lý tại HTXL nước thải công suất 60m³/ngày đêm sẽ được bơm theo đường ống uPVC D48 vào hố ga G^M₃ của hệ thống thoát nước ngoài nhà uPVC D400 và tự chảy về hố ga đầu nối G^M₄ nằm trong khuôn viên của cơ sở (trùng với hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà). Nước thải từ hố ga đầu nối theo 2 đường ống uPVC D200 có tổng chiều dài 4m (Do vị trí này có độ dốc lớn, nên Chủ cơ sở đã bố trí lắp đặt 2 ống uPVC D200 liền sát nhau để tránh xảy ra tình trạng gãy đường ống) tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

- **Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom và thoát nước thải:**

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
1	Hố ga thoát nước thải ngoài nhà	- Số lượng: 3 hố ga - Kích thước thông thủy ga : G^M₄ 1200mm x 600mm x 1.000mm - Kích thước thông thủy ga : G^M₄ 600mm x 600mm x 1.000mm - Vật liệu: BTCT
2	Đường ống thoát nước thải	- Kích thước: + Ống thoát nước trong nhà: ✓ Kích thước D34, chiều dài 165m ✓ Kích thước D48, chiều dài 120m ✓ Kích thước D90, chiều dài 240m ✓ Kích thước D110, chiều dài 290m ✓ Kích thước D140, chiều dài 280m ✓ Kích thước D200, chiều dài 700m ✓ Độ dốc i = 0,03 + Ống thoát nước ngoài nhà: ✓ Kích thước D400, chiều dài 44m.

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
		✓ Kích thước D200, chiều dài 4m ✓ Độ dốc $i = 0,003$ + Vật liệu: uPVC

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Số lượng điểm xả nước thải: 01 điểm (Trùng với điểm xả nước mưa trên đường Trường Chinh).

+ Vị trí điểm xả nước thải: 01 vị trí tại ga đầu nối G^M_1 trên đường Trường Chinh. Tọa độ điểm xả: $X = 2323592$; $Y = 585545$.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy

+ Chế độ xả: liên tục;

+ Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

+ Đường ống đầu nối nước thải: Cống tròn bằng uPVC, D200, dài 4m.

(Vị trí điểm xả được thể hiện tại bản vẽ thoát nước thải đính kèm phụ lục báo cáo)

- **Đánh giá sự đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải:**

+ Nước thải của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các loại nước thải này sau khi được xử lý đã đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K=1$ đối với nước thải sinh hoạt và đạt QCVN 02:2014/BTNMT, cột B với $C_{max} = C$ đối với nước thải sản xuất trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực nên việc xả thải của Cơ sở là phù hợp và đúng quy định.

+ Cống thoát nước sử dụng là loại uPVC đặt ngầm không bị ảnh hưởng bởi hầu hết các axit ở các nồng độ khác nhau, cũng như kiềm, chất hữu cơ, các loại chất béo và dầu. Là loại vật liệu nhiệt dẻo, do đó có khả năng chịu được biến dạng do động đất, độ bền cao, chống thấm nước tốt, đảm bảo lượng nước thải không thấm vào lòng đất hoặc chảy vào nguồn tiếp nhận khác.

+ Độ dốc đường thoát nước thiết kế phù hợp $i = 0,003$, kích thước hố ga đầu nối lớn $800\text{mm} \times 600\text{mm} \times 1000\text{mm}$.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Mô tả về công trình

- Chức năng: Xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành của cơ sở.

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng bán ngầm bằng bê tông cốt thép kết hợp với các bồn Compusit.

1.3.2. Quy mô, công suất thiết kế

Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng với công suất xử lý là 60 m³/ngày đêm.

1.3.3. Công nghệ xử lý nước thải

1.3.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải

a. Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

- Nước thải từ khu vệ sinh được dẫn qua 01 bể tự hoại 3 ngăn, có dung tích 60m³ (kích thước ngăn chứa: D x B x H = 4500x3000x2550mm; kích thước ngăn lắng 1: D x B x H = 5000x2400x2550mm; kích thước ngăn lắng 2: D x B x H = 4500x2000x2550mm), bể tự hoại được đặt ngầm tại tầng hầm cạnh HTXL nước thải tập trung.

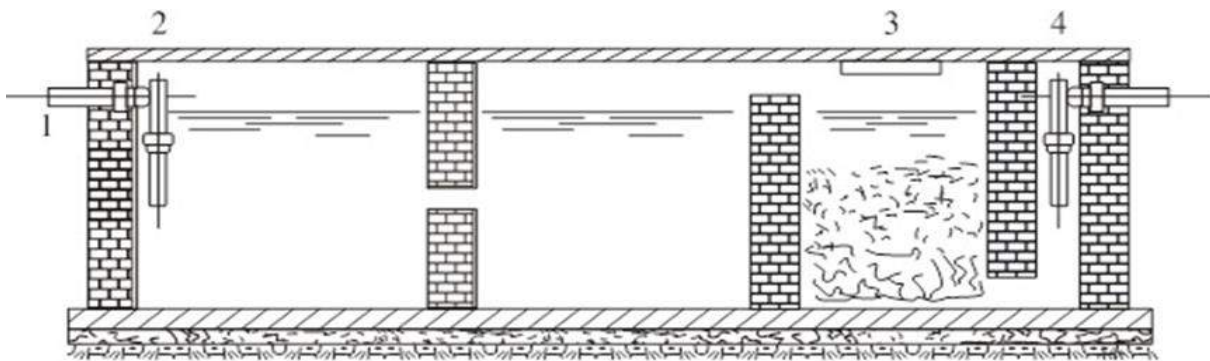
- Kết cấu bể tự hoại: Tường bể xây gạch đặc dày 220, xây trát vữa xi măng mác #75. Thành bể trát xi măng dày 10mm, đánh bóng bằng xi măng nguyên chất. Đế bể dùng bê tông # 200, đá 1×2mm. Thép sử dụng A1, Ra=2100kg/cm²; A2, Ra=2700kg/cm². Đáy bể được đóng cọc tre dài 2m, mật độ 25 cọc/m².

- Chức năng: xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt tập trung.

- Cấu tạo của bể tự hoại 2 ngăn:

+ Ngăn chứa: có vai trò chứa phân, chất thải

+ Ngăn lắng: có vai trò lắng phân trước khi thải ra bên ngoài.



Hình 3.3. Sơ đồ tạo của bể tự hoại 3 ngăn

- Nguyên lý hoạt động bể tự hoại như sau:

Bể tự hoại được xây ngầm dưới đất là một công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân huỷ chất hữu cơ. Nước thải theo đường ống thu gom được đưa vào ngăn chứa nước thải của bể phốt. Tại đây nước thải chảy qua ngăn lắng thứ 1 còn các chất hữu cơ dạng rắn lắng xuống đáy ngăn chứa để phân huỷ. Dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ dạng rắn và dạng hoà tan bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ không độc. Nước thải chảy

qua ngăn lắng thứ 1 để lắng một khoảng thời gian sau đó qua ngăn lắng thứ 2 có thiết kế một số vật liệu lọc và xử lý thoáng khí bổ sung để phân huỷ các chất hữu cơ còn lại trước khi thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại, chủ dự án thực hiện các biện pháp như:

+ Bổ sung chế phẩm BIO – PHỐT vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường các quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại. Lượng chế phẩm sử dụng: Định kỳ 3 tháng bổ sung 1 lần, liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất là 150g/1m³ bể. Tổng thể tích bể tự hoại của dự án 60m³ thì liều lượng cần sử dụng 9kg/lần.

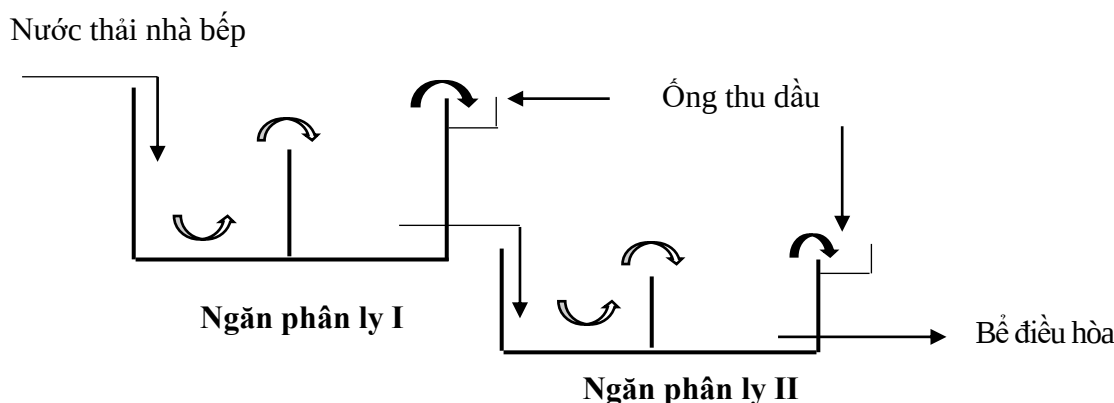
+ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn bể tự hoại với tần suất 6 tháng/lần; kiểm tra phát hiện rò rỉ, hỏng hóc các thiết bị thu gom, xử lý nước thải để thay thế kịp thời.

b. Xử lý sơ bộ nước thải khu vực bếp

- Chủ đầu tư đã lắp đặt thiết bị tách mỡ 2 ngăn phía dưới chậu rửa khu bếp tại tầng 2 và tầng 6, có thể tích 0,15m³/1 thiết bị (Kích thước D x B x H = 700x450x450mm), để xử lý sơ bộ nước thải từ các chậu bếp.

- Kết cấu thiết bị tách mỡ: Cấu tạo bằng inox, khe lưới chắn rác 10mm.

- Chức năng: tách dầu mỡ ra khỏi nước thải trước khi dẫn về HTXL nước thải tập trung.



Hình 3.4. Bể tách dầu mỡ

Hiệu quả tách mỡ của thiết bị đạt 65%. Bể được chia thành 3 vùng: vùng chứa mỡ nổi, vùng chứa nước trong và vùng chứa cặn. Ống dẫn nước thải vào bể có hình chữ T để ngăn không cho dầu mỡ nổi theo nước trong ra khỏi bể. Lớp mỡ nhẹ nổi lên trên bề mặt, cặn lắng xuống đáy thiết bị, lớp dầu mỡ trong ngăn tích tụ mỗi ngày tạo thành lớp váng dày từ 5 – 7 cm, được định kỳ vớt ra bằng biện pháp thủ công đơn giản.

Dầu mỡ được định kỳ thu gom tuần 2 lần đưa vào kho chứa chất thải nguy hại, sau đó thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý. Nước thải tiếp tục dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố.

1.3.3.2. Công trình xử lý xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm

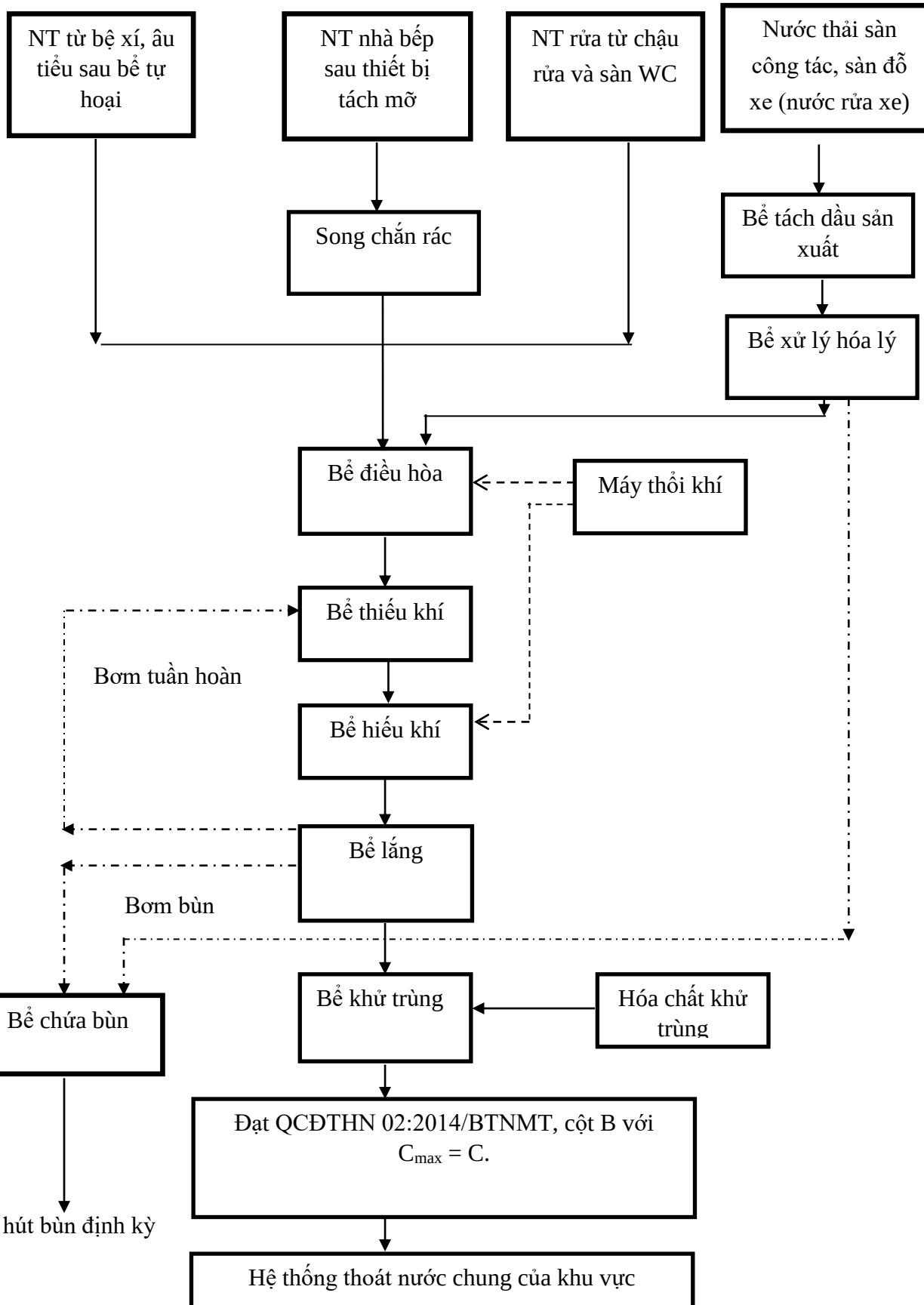
- Tên đơn vị thiết kế, thi công, nhà thầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công ty Cổ phần UDCNMT nước Việt

- Tên đơn vị giám sát thi công: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân

- Quy mô: hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 60 m³/ngày.đêm được xây dựng bán ngầm tại tầng hầm 1 trên nền diện tích khoảng 58 m².

- Công nghệ xử lý: Xử lý phương pháp sinh học kết hợp với hóa lý.

- Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 và QCĐTHN 02:2014/BTNMT, cột B với C_{max} = C.



Hình 3.5. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Bể tách dầu sản xuất:

Nước thải từ qua trình sửa chữa bảo dưỡng rửa xe của công ty được thu gom theo mương dẫn, đường ống về ngăn thứ nhất của bể tách dầu sản xuất. Bể tách dầu chia thành 04 ngăn nhỏ, dầu được tách ngay tại ngăn đầu tiên, phần nước không chứa dầu ở ngăn cuối cùng sẽ theo ống dẫn sang bể xử lý hóa lý.

Phần dầu mỡ khoáng nổi phía trên được thu gom định kỳ vào thùng chứa chuyên dụng.

- Bể xử lý hóa lý:

Bơm định lượng hóa chất PAC sẽ tự động bơm dung dịch PAC với nồng độ thích hợp lên bể xử lý hóa lý. Dung dịch PAC tác nhân keo tụ chất rắn lơ lửng và giảm một phần COD, BOD. Cùng với nó là mô tơ khuấy sẽ hoạt động khuấy trộn đều hóa chất PAC vào nước thải.

Bơm định lượng hóa chất Polyme A-101 sẽ tự động bơm dung dịch với nồng độ thích hợp lên thiết bị xử lý hóa lý. Dung dịch PAA-101 làm tác nhân trợ keo tụ cho dung dịch PAC. Mô tơ khuấy phản ứng cũng sẽ được bật để khuấy đảo đều dung dịch PAA-101 vào nước thải để trợ keo tụ cho PAC.

Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, bùn lắng tại ngăn phản ứng được tháo sang bể chứa bùn. Phần nước có chứa các bông kết tủa chất lơ lửng chưa lắng được, theo ống dẫn sang ngăn lắng.

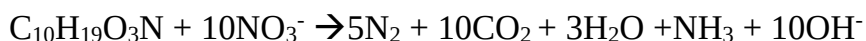
Tại ngăn lắng, phần nước trong ở phía trên được đưa xuống bể điều hòa. Phần bùn lắng được tháo sang bể chứa bùn.

- Bể điều hòa: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn), khu vực nhà bếp (sau khi xử lý sơ bộ qua thiết bị tách dầu mỡ), nước rửa từ chậu rửa và sàn WC; Nước thải sản xuất sau khi xử lý hóa lý được dẫn về bể điều hòa. Bể điều hòa đóng vai trò điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi vào các công đoạn xử lý để đảm bảo độ ổn định của hệ thống xử lý. Tại bể điều hòa, nhờ hệ thống phân phối khí, nước thải được trộn đều, ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở bể sinh ra mùi khó chịu.

Từ bể điều hòa, nước thải được bơm tới bể hiếu khí.

Hiệu quả xử lý: loại bỏ 10% BOD, COD, 5% TSS, 5% NH₄, 30% dầu mỡ.

- Bể thiếu khí: Bể thiếu khí được xây dựng để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ Nitơ. Bể thiếu khí tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa nitrat từ bể hiếu khí và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng về. Phản ứng khử nitrat trong bể với nguồn chất hữu cơ trong nước thải đầu vào đóng vai trò là chất cho điện tử:



Tại bể thiếu khí có bố trí lắp đặt giá thể vi sinh có định 4.5m³ giá thể. Kích thước: Đường kính D105mm, dày: 1,1 ± 0,1mm. Diện tích bề mặt tiếp xúc: 5500 ± 150m²/m³. Vật liệu chế tạo: HDPE. Xuất xứ: Việt Nam

Nước thải sau bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể hiếu khí.

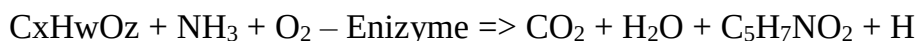
- Bể hiếu khí:

Bể hiếu khí sử dụng công nghệ MBBR - Moving Bed Biofilm Reactor, sử dụng các giá thể cho vi sinh bám dính trên đó để sinh trưởng và phát triển. Công nghệ này được đánh giá rất cao nhờ những đặc tính vượt trội của nó. Trong bể xử lý MBBR, hệ thống phân phối khí được cung cấp để tạo điều kiện lý tưởng cho hệ vi sinh vật hiếu khí phát triển. Quá trình cung cấp khí cũng sẽ đảm bảo cho các thành phần trong nước được xáo trộn đều trong suốt quá trình xử lý. Công nghệ MBBR đem lại hiệu quả xử lý Nito cao hơn so với công nghệ truyền thống Aerotank. Vi sinh vật bám trên giá thể MBBR sẽ gồm các loại vi sinh: vi sinh hiếu khí nằm trên bề mặt giá thể, vi sinh thiếu khí lớp tiếp theo trong giá thể và vi sinh yếm khí lớp trong cùng.

Các loại vi sinh vật có khả năng phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ bám dính và phát triển trên vật liệu màng. Tại đây, các vi sinh vật hiếu khí sẽ phân giải và chuyển hóa các chất hữu cơ có trong nước thải để phát triển thành sinh khối. Quần thể vi sinh này sẽ phát triển lên rất nhanh chóng, các vi sinh vật càng phát triển mạnh thì lượng chất hữu cơ trong nước thải sẽ càng suy giảm, khi vi sinh vật đạt đến độ dày nhất định, khối lượng vi sinh tăng lên, các vi sinh vật ở lớp trong cùng không tiếp xúc được với nguồn thức ăn sẽ bị chết và mất khả năng bám vào vật liệu. Một lượng nhỏ các vi sinh vật còn lại sẽ sử dụng tiếp nguồn dưỡng chất có trong nước thải để phát triển thành một quần thể mới. Những giá thể này được thiết kế sao cho diện tích bề mặt hiệu dụng lớn để màng biofilm dính bám trên bề mặt của giá thể và tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động của vi sinh vật khi những giá thể này lơ lửng trong nước.

Nhờ hệ vi sinh phát triển như trên mà phản ứng nitrate hóa và denitrate diễn ra với hiệu suất cao. Do vậy nước thải sau khi qua bể hiếu khí, hàm lượng BOD, COD, Tổng N, Tổng P giảm đáng kể.

Cơ chế phân hủy chất hữu cơ trong bể MBBR như sau:



- Khối lượng giá thể bổ sung vào nước thải là:

+ Giá thể vi sinh di động: 4 m³ giá thể. Xuất xứ: Việt Nam.

- Bể lắng: Nước có chứa bông bùn cặn từ quá trình xử lý trước sẽ được phân phối từ ống phân phối chuyển động giữa các bản vách nghiêng theo hướng từ dưới lên

và cặn lắng xuống đến bề mặt bản vách nghiêng sẽ trượt xuống theo chiều ngược lại và tập trung về hố thu cặn, từ đó theo chu kỳ được tuần hoàn trở lại bể anoxic hoặc được thải bỏ về bể chứa bùn.

Khi giảm chiều cao lắng thì giảm độ chảy rối của dòng chảy tự do, giảm được dao động của thành phần tốc độ thẳng đứng của dòng nước. Kết quả là tăng hệ số sử dụng dung tích và giảm được thời gian lắng bùn.

- **Bể khử trùng:** Bể khử trùng được tính toán với thời gian lưu nước trong bể tối thiểu là 1 tiếng. Dùng Clorin hòa tan trong bồn hóa chất, sau đó sử dụng bơm định lượng một lượng chính xác hóa chất đủ để loại bỏ các loại vi sinh vật gây bệnh trong nước trước khi thải ra môi trường.

Sau khi khử trùng nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 và QCDTHN 02:2014/BTNMT, cột B với $C_{max} = C$ được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

- **Bể chứa bùn:** Bùn dư từ bể lắng được bơm định kỳ 1 phần về bể thiếu khí. Lượng bùn dư còn lại được đưa về bể chứa bùn qua đường ống uPVC D48. Ngoài ra, bùn thải từ bể xử lý hóa lý cũng được định kỳ bơm về bể chứa bùn. Phần bùn dư trong bể chứa bùn được thu gom định kỳ bằng dịch vụ hút bùn đô thị.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.2. Các thông số của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Hạng mục	Số lượng (bể)	Kích thước (m)	Thể tích (m ³)
1	Bể tách dầu sản xuất	01	D X R X C = 3,53 x 1,2 x 1,8	7,62
2	Bể xử lý hóa lý	01	D X R X C = 2,86 x 1,61 x 1,2	5,53
3	Bể điều hòa	01	D X R X C = 5,3 x 2,6 x 2,8	38,58
4	Bể thiếu khí	01	Đường kính Ø 2m, dài 3m.	9,42
5	Bể hiếu khí	01	Đường kính Ø 2m, dài 5m.	15,70
6	Bể lắng	01	D X R X C = 1,88 x 1,2 x 2,1	4,74
7	Bể khử trùng	01	D X R X C = 1,2 x 1,0 x 2,2	2,64
8	Bể chứa bùn	01	D X R X C = 2,22 x 1,2 x 2,1	5,54

- *Kết cấu bể tách dầu sản xuất, bể xử lý hóa lý, bể điều hòa, bể lắng, bể khử trùng và bể chứa bùn:*

- + Bể được xây dựng bằng gạch đặc VXM#75
- + Tường bể trát trong ngoài VXM#75
- + Bê tông lót đáy #100 đá 2×4 dày 100mm
- + Bê tông đáy bể, mặt bể, giằng tường #250 đá 1×2; Rn=110kg/cm²

- + Cốt thép đáy bể 2 lớp thép D10@200, lớp bảo vệ 30mm
- + Cốt thép đáy bể 1 lớp thép D10@150, lớp bảo vệ 40mm
- + Cốt thép giằng tường 3 cây D12, đai dùng thép D6@250
- + Cốt thép D<10 dùng loại AI, Ra =2300kg/cm²
- + Cốt thép D≥10 dùng loại AIII, Ra =2800kg/cm²
- + Gia cố nền cọc tre L = 1,5 – 2m; khoảng cách @200
- + Phần tường nổi được quét màu sơn vàng.
- + Mặt bể được thiết kế các tấm inox có cửa thăm.

- *Kết cấu bể kỵ khí và bể hiếu khí:* Bể được thiết kế kiểu modul hợp khối dạng hình trụ nằm ngang chia làm 2 ngăn: Ngăn xử lý kỵ khí và ngăn xử lý hiếu khí. Vật liệu sử dụng là Composite, sơn màu xanh, đặt nổi tại tầng hầm của tòa nhà.

- *Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

Bảng 3.2. Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT tập trung

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	Mô tơ khuấy ngăn phản ứng	- Tốc độ khuấy: 35vòng/phút - Điện áp: 0,2kW/50Hz/380V	Tsurumi - Japan	Cái	01
2	Mô tơ khuấy ngăn tạo bông	- Tốc độ khuấy: 35vòng/phút - Điện áp: 0,2kW/50Hz/380V	Tsurumi - Japan	Cái	01
3	Mô tơ khuấy hóa chất PAC	- Tốc độ khuấy: 35vòng/phút - Điện áp: 0,2kW/50Hz/380V	Tsurumi - Japan	Cái	01
4	Bơm định lượng PAC	- Q = 22 L/h, Hmax = 5bar - Điện áp: 0,058W/380V/50Hz	Tsurumi - Japan	Cái	01
5	Bơm định lượng Polyme	- Q = 22 L/h, Hmax = 10bar - Điện áp: 0,058W/380V/50Hz	Tsurumi - Japan	Cái	01
6	Bơm chìm nước thải bể điều hòa	- Kiểu chìm - Q = 5 m ³ /h; H= 4 mH ₂ O - Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Tsurumi - Japan	Bộ	2
7	Phao báo mức bể điều hòa	- Model: KW-M15 - Loại: phao nổi - Điện áp hoạt động: AC 125-250V/50HZ - Cấp độ bảo vệ: IP68	Kawasan - Việt Nam	Bộ	2
8	Đĩa phân phối khí bể điều hòa	- Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng của đĩa: 0 - 12m ³ /h, + Lưu lượng thiết kế: 2.5 -	SSI-USA	Hệ	1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		5.0m ³ /h, + Màng đĩa: EPDM, + Thân đĩa: Polypropylene. - Đường kính đĩa (cả vành và màng đĩa): 270mm.			
9	Đệm cầu vi sinh cố định bề thiếu khí	Kích thước: Đường kính D105mm, dày: 1,1 ± 0,1mm. Diện tích bề mặt tiếp xúc: 5500 ± 150m ² /m ³ . Vật liệu chế tạo: HDPE	Việt Nam	M3	4,5
10	Máy thổi khí	Loại: Máy thổi khí đặt cạn - Cột áp: 3m H ₂ O - Lưu lượng: 5,2 m ³ /phút -Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Longtech -Taiwan	Bộ	2
11	Giá thể Vi sinh bề hiếu khí	Diện tích bề mặt bám dính vi sinh: 5500 ± 150m ² /m ³ Vật liệu: HDPE (virgin material) Đường kính trung bình: 30mm - Độ dày: 1,1 ± 0,1mm	Việt Nam	m3	4
12	Đĩa phân phối khí bề hiếu khí	- Model: ECD270 - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng của đĩa: 0 - 12m ³ /h, + Lưu lượng thiết kế: 2.5 - 5.0m ³ /h, + Màng đĩa: EPDM, + Thân đĩa: Polypropylene. - Đường kính đĩa (cả vành và màng đĩa): 270mm.	SSI-USA	Hệ	1
13	Bơm nước thải tuần hoàn bùn bề khử 2	- Điện 3pha/380V/50Hz - Lưu lượng : 2.5 m ³ /h - Cột áp: 3m H ₂ O	Việt Nam	Cái	1
14	Bơm nước tuần hoàn bùn bề lắng	- Điện 3pha 0,8kw/380V/50Hz - Lưu lượng : 2.5 m ³ /h - Cột áp: 3m H ₂ O	Việt Nam	Cái	1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
15	Bồn hóa chất khử trùng	Dung tích: 500L Vật liệu: LLDPE	Tân Á-	Cái	2
16	Bơm định lượng hóa chất	Q = 22L/h, Hmax = 5bar Điện áp: 0.25 kW/380V/50Hz	Tsurumi - Japan	Bộ	2
17	Bơm nước thải đầu ra	Bơm chìm - Lưu lượng 5m ³ /h; - Cột áp H= 10mH ₂ O - Điện áp: 3pha, 0,8KW/380V/50 Hz	Tsurumi - Japan	Bộ	1
18	Tủ điện: - Vỏ tủ: tôn dày 2mm, - Sơn tĩnh điện, có đế tự đứng. - Loại tủ trong nhà 1 lớp cánh, - Tủ dạng modul ghép nối.		Việt Nam	Hệ	1

(Nguồn: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân)

d) Quy trình vận hành và chế độ vận hành của hệ thống

d1. Quy trình vận -hành:

Bước 1: Chuẩn bị hóa chất

Chuẩn bị dung dịch PAC nồng độ 5%

Cho khoảng 100 lít nước sạch vào thùng pha hóa chất PAC (có thể tích 120 lít), sau đó thêm 5kg PAC vào thùng. Bật chế độ khuấy trộn cho đến khi PAC trong thùng tan hết thì tắt bộ khuấy trộn (khoảng 20-30 phút).

Chuẩn bị dung dịch polyme PAA nồng độ 0,1%

Cho 100 lít nước sạch vào thùng pha hóa chất PAA, sau đó bật bộ khuấy trộn, rồi rải từ từ khoảng 01 kg PAA vào thùng, chú ý phải rải từ từ và đều để tránh hiện tượng PAA bị vón cục keo. Phải pha dung dịch keo trước 2h mới được sử dụng để keo tan hết, đảm bảo cho quá trình xử lý có hiệu quả.

Chuẩn bị dung dịch Javen nồng độ 10%

Cho khoảng 100 lít nước sạch vào thùng pha hóa chất javem, sau đó bật bộ khuấy trộn, rồi rải từ từ khoảng 10 kg hóa chất javen vào thùng để Javen tan hết.

Chú ý: khi pha hóa chất phải đeo gang tay, tránh không để hóa chất tiếp xúc trực tiếp với da.

Dung dịch PAA chỉ có tác dụng trong thời gian 3 ngày, nếu pha PAA rồi mà không dùng hết phải xả hết đi và pha PAA mới. Do vậy, tùy vào lưu lượng nước thải cần xử lý, pha hóa chất cho thích hợp.

Trước khi vận hành hệ thống, nếu lượng hóa chất còn lại nằm trong thùng nằm dưới cánh khuấy thì người vận hành phải khuấy bằng tay rồi mới được vận hành hệ thống. Khi khuấy bằng tay chú ý tránh làm hỏng chỗ bơm định lượng.

Bước 2: Vận hành hệ thống sau khi đã chuẩn bị xong hóa chất

Chế độ điều khiển bằng tay:

1. Bật tất cả các attomat và cầu dao điện tại tủ điện dành cho hệ thống (Chú ý điện áp luôn là 380V)

2. Máy sục khí chìm cấp khí cho bể điều hòa và bể hiếu khí phải bắt 24/24 để cấp khí cho vi sinh vật hoạt động.

3. Bật mô tơ khuấy trộn ngăn phản ứng và ngăn tạo bông.

4. Bật ba bơm định lượng cấp hóa chất dung dịch PAC, PAA và javen (luôn chú ý để tránh tắc bơm ở đầu vào và đầu ra của bơm).

Chế độ điều khiển tự động:

1. Bật tất cả các attomat và cầu dao điện tại tủ điện dành cho hệ thống (Chú ý điện áp luôn là 380V)

2. Bơm nước sau khi xử lý và hai máy sục khí chìm được điều khiển bằng phao điện và hệ thống hẹn giờ. Sau khi bắt attomat thì phải chuyển về chế độ tự động.

3. Đưa hệ thống về chế độ vận hành tự động.

Bước 3: Điều chỉnh hoạt động của thiết bị

1. Điều chỉnh lưu lượng dung dịch PAC

Bật công tắc bơm dung dịch PAC trên tủ điện, dùng tay điều chỉnh bơm sao cho lưu lượng dung dịch PAC vào bể khoảng 5 lít/h tùy theo mức độ kết tủa của các chất trong nước thải.

2. Điều chỉnh lưu lượng dung dịch PAA

Bật công tắc bơm dung dịch PAA trên tủ điện, dùng tay điều chỉnh bơm sao cho lưu lượng dung dịch PAC vào bể khoảng 1 lít/h.

2. Điều chỉnh lưu lượng dung dịch nước Javen

Bật công tắc bơm dung dịch nước Javen trên tủ điện, dùng tay điều chỉnh bơm sao cho lưu lượng dung dịch PAC vào bể khoảng 2 lít/h.

d2. Chế độ vận hành: Tự động, liên tục 24/24h.

e. Các loại hóa chất sử dụng, định mức tiêu hao điện năng, hóa chất

- Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải:

Danh mục hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải:

+ PAC: 7,2 kg/ngày sử dụng tại bể xử lý hóa lý

+ Polyme: 0,15 kg/ngày sử dụng tại bể xử lý hóa lý.

+ Javen: 0,3 kg/ngày sử dụng để khử trùng nước thải.

- Định mức tiêu hao điện năng cho các thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải:

- Điện năng tiêu thụ cho hệ thống xử lý nước thải:

Điện năng tiêu thụ cho hệ thống xử lý nước thải khoảng 72,552 KWh/ngày (Thời gian hoạt động 24h/ngày). Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Công suất mô tơ Kw	Thời gian hoạt động Giờ/ngày	Điện năng tiêu thụ Kwh/ngày
1	Bơm bùn	0,8	0,2	0,16
2	Bơm nước thải sau xử lý	0,8	18	14,4
3	Máy thổi khí	2,2	24	52,8
4	Mô tơ khuấy ngăn phản ứng	0,2	8	1,6
5	Mô tơ khuấy ngăn tạo bông	0,2	8	1,6
6	Mô tơ khuấy hóa chất PAC	0,2	1	0,2
7	Mô tơ khuấy hóa chất PAA	0,2	1	0,2
8	Mô tơ khuấy hóa chất Javen	0,2	1	0,2
9	Bơm định lượng PAC	0,058	8	0,464
10	Bơm định lượng Polyme	0,058	8	0,464
11	Bơm định lượng Javen	0,058	8	0,464
	Tổng cộng			72,552

Hiệu suất sử dụng điện của động cơ thiết bị: 99%

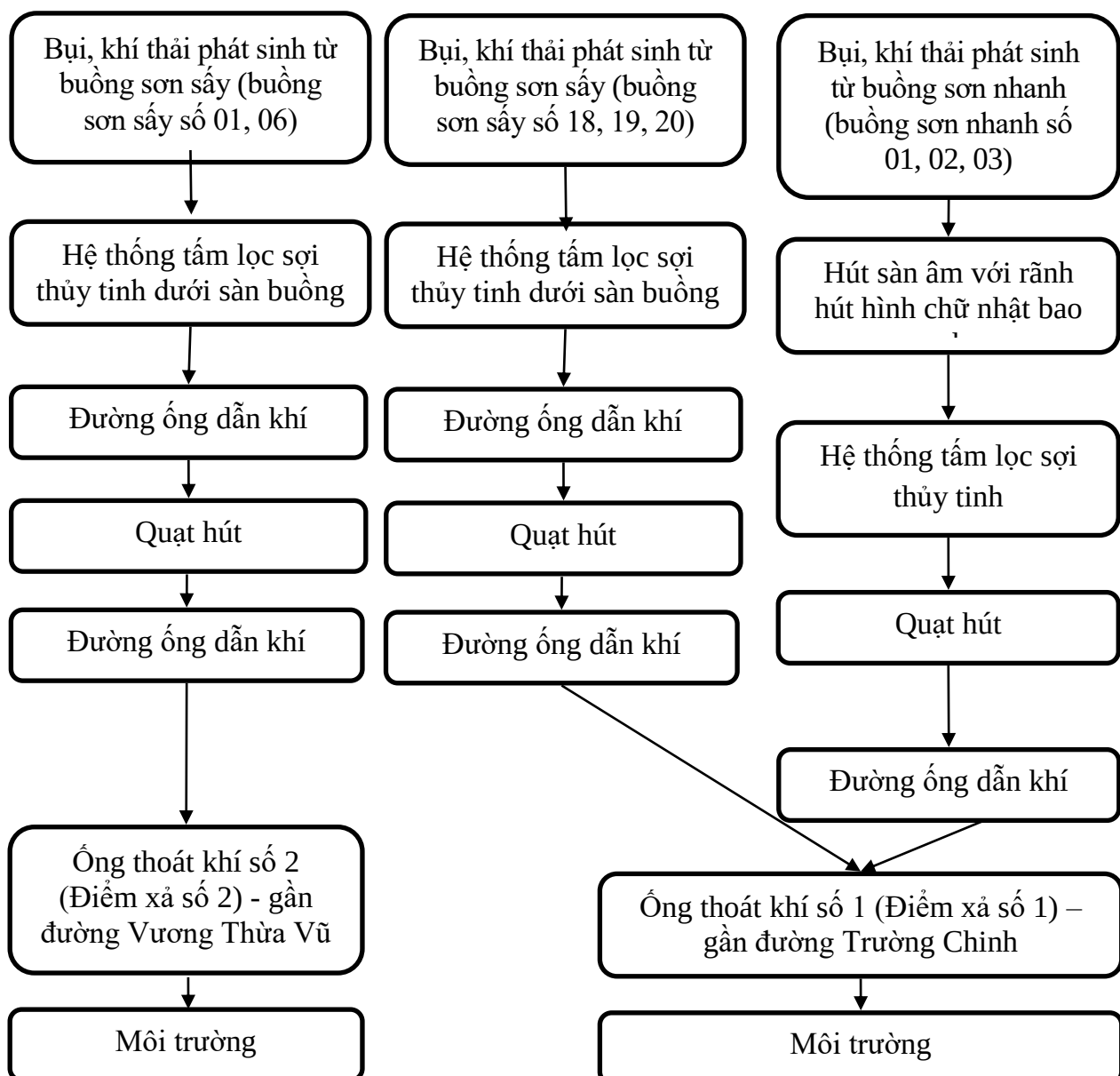
f. Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1,0 và QCĐTHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội với $C_{\max} = C$.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý và công trình xử lý bụi, khí thải buồng sơn

Để đảm bảo chất lượng môi trường khu vực phun sơn, quá trình phun sơn bề mặt được tiến hành trong phòng sơn tĩnh điện, khép kín, được thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng và gia nhiệt nhằm đảm bảo nhiệt độ quá trình phun sơn luôn đảm bảo. Trong đó phân làm 2 loại buồng sơn, sơ đồ thu gom, xử lý khí thải chung tại 2 loại buồng sơn này như sau:

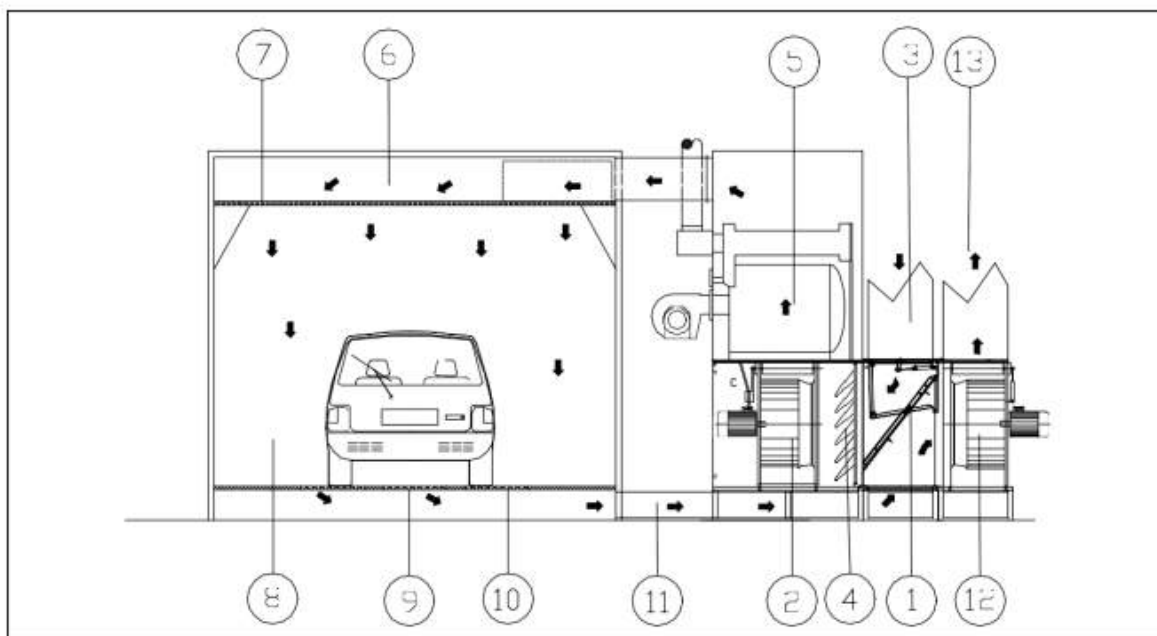


Hình 3.6. Quy trình thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ buồng sơn

2.1.1. Buồng sơn sấy

Buồng sơn sấy nhập khẩu nguyên chiếc (03 buồng tại tầng 3 và 02 buồng tại tầng 2): Hệ thống xử lý bụi và mùi sơn là tổng hợp của các thiết bị đồng bộ từ khâu cấp khí sạch tới khâu xử lý bụi và mùi sơn tạo ra 1 không gian làm việc hoàn hảo như sau:

Sơ đồ quy trình xử lý khí thải như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn sấy

Không khí từ bên ngoài → lọc số (4) → quạt đẩy (2) → bộ cấp nhiệt (5) → khoang số (6) → di chuyển xuống dưới → qua tấm lọc bằng bông thủy tinh trên trần buồng sơn (7) → di chuyển theo chuyền thẳng đứng xuống dưới (8) → Qua lỗ dưới sàn (9) → qua tấm lọc bằng bông thủy tinh dưới sàn buồng sơn (10) → đường ống dẫn khí (11) → quạt hút (12) → Đường ống dẫn khí (13) → Đường ống thoát khí bên trong hộp kỹ thuật, vượt mái tòa nhà 1,2 m → Khí sạch thoát ngoài môi trường.

Thuyết minh quy trình xử lý khí thải tại từng buồng sơn sấy:

Chu kì khóa (1) chính nó tự động mở do vậy chỉ có gió từ quạt hút từ bên ngoài vào trong buồng sơn.

- Hệ thống lọc bụi phân cấp:

+ Những hạt bụi có lẫn trong không khí đi theo từ bên ngoài vào phải qua tấm lọc bằng bông thủy tinh số (4) bởi lực đẩy của cánh quạt động cơ số (2) trước khi vào bên trong buồng sơn.

+ Lượng khí được cung cấp bởi số (2) sẽ đi qua bộ cấp nhiệt số (5) nó có thể cấp nhiệt trực tiếp bởi đốt cháy dầu diesel. Khi tiếp xúc với bộ cấp nhiệt, lượng khí nóng dần lên đến nhiệt độ cài đặt trên bảng điều khiển sẽ được đẩy vào bên trong buồng sơn.

+ Lượng khí vào trong khoang số (6) di chuyển chậm xuống dưới bên trong buồng sơn.

+ Lượng khí vượt qua trần của buồng sơn, tại đó có các tấm lọc bằng bông thủy tinh số (7) với khả năng phân tán từ 97-99,9% (khả năng tích bụi là 419 gr/m^2). Nó sẽ giữ lại những hạt có kích thước từ $2 \mu\text{m}$ đến $10 \mu\text{m}$ (Lớp bông lọc trần gồm 3 tấm kích thước $3710 \times 2320 \text{ mm}$, dày 60 mm).

- Hệ thống lọc bụi phân hút (khí thải):

Dòng khí bên trong buồng sơn đi từ trần theo chiều thẳng đứng xuống phía dưới (8) phân tán nó và đi ra ngoài theo lỗ dưới sàn (9), dòng khí này đi qua tấm lọc bông thủy tinh thô bố trí dưới sàn giữ lại những hạt sơn (10) (Lớp bông lọc sàn có kích thước $7000 \times 4000 \text{ mm}$, dày 60 mm) với khả năng tích bụi là 419 gr/m^2 , tại đây diễn ra quá trình hấp phụ các chất ô nhiễm (mùi và bụi sơn). Dòng khí thải sau khi qua lớp vật liệu hấp phụ là lớp bông thủy tinh sẽ được thu gom theo đường ống mạ kẽm 0.95 (11) kích thước $B \times H = 1100 \times 650 \text{ mm}$ về đường ống mạ kẽm có kích thước $B \times H = 1100 \times 650 \text{ mm}$ nhờ quạt hút (12) → Khí thải buồng sơn sấy sau xử lý.

Hình ảnh thực tế tại khu vực buồng sơn sấy:



Hình ảnh buồng sơn sấy



Trần và sàn buồng sơn



Hệ thống cấp nhiệt bằng dầu DO



Đường thoát khí

2.1.1. Buồng sơn nhanh

Buồng sơn nhanh được lắp ráp trong nước (03 buồng tại tầng 3): Quy trình thu gom và xử lý khí thải tại buồng sơn nhanh như sau:

Bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh (buồng sơn nhanh số 01, 02, 03) → Hút sàn âm với rãnh hút hình chữ nhật bao quanh xe → Hệ thống tấm lọc sợi thủy tinh → Quạt hút → Đường ống dẫn khí → Ống thoát khí → Môi trường.

Thuyết minh quy trình xử lý khí thải tại từng buồng sơn nhanh:

- Hệ thống lọc bụi phân cấp:

+ Những hạt bụi có lẫn trong không khí đi theo từ bên ngoài vào phải qua tấm lọc bằng bông thủy tinh (hiệu suất lọc 75%, khả năng tích bụi 276 gr/m²) bởi lực đẩy của cánh quạt động cơ trước khi vào bên trong buồng sơn.

+ Lượng khí được lấy từ bên ngoài vào di chuyển chậm qua trần của buồng sơn, tại đó có các tấm lọc bằng bông thủy tinh (hiệu suất lọc 96%, khả năng tích bụi 419 gr/m²). Lốp bông lọc trần có tổng kích thước 6700x3600mm, dày 60mm.

- Hệ thống lọc bụi phân hút (khí thải):

Bụi, khí thải trong buồng sơn nhanh sẽ phân tán từ trần theo chiều thẳng đứng xuống sàn và theo rãnh hút sàn âm hình chữ nhật bao quanh xe (kích thước BxH = 400x300mm, dài 8,8m) sau đó được đưa đến hệ thống tấm lọc bằng bông thủy tinh (dài x rộng x cao = 1200x1200x70mm) chống cháy với khả năng tích bụi là 276 gr/m², hiệu suất lọc khoảng 75%. Sau đó bụi và khí thải được thu gom về đường ống hình hộp bằng tôn mạ kẽm (kích thước BxH = 1000x1000mm, dài 8,3m) nhờ quạt hút công suất 14.000 m³/h/1 buồng sơn. Khí thải tại 3 buồng sơn nhanh tiếp tục được thu gom về đường ống hình hộp bằng tôn mạ kẽm (kích thước BxH = 1000x1000mm, dài 12m) → Khí thải buồng sơn nhanh sau xử lý.

Như vậy, tại buồng sơn sấy và buồng sơn nhanh của Công ty sử dụng vật liệu hấp phụ là bông lọc bụi thủy tinh. Bông lọc bụi sợi thủy tinh được ứng dụng rộng rãi trong lọc phòng sơn, lọc bụi sơn với đặc trưng và chỉ số cơ bản như sau:

Loại bông thủy tinh	LH/PA-60
Trọng lượng riêng	250g/m ²
Áp suất đầu vào	15 Pa
Áp suất cuối cùng	250 Pa
Tốc độ luồng khí	0.7 – 1.5.m/s
Độ thoát khí trung bình	3200 – 3600g/m ²

Nhiệt độ làm việc bình thường	170°C
Nhiệt độ tối đa	190°C
Độ dày	60mm

→ Khí thải sau xử lý tại các buồng sơn sấy và buồng sơn nhanh sau đó được đầu nối vào đường ống bằng tôn mạ kẽm có đường kính Ø200mm thoát vào ống thoát khí đường kính D300mm chạy dọc hộp kỹ thuật của tòa nhà (cao vượt mái tòa nhà 1,2m). Khí thải sau xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi thoát vào môi trường.

Hình ảnh thực tế khu vực buồng sơn nhanh:



Hình ảnh ba buồng sơn nhanh, trần và sàn buồng sơn



Bông lọc bụi thủy tinh tại đường ống thoát khí

*** Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế định kỳ:**

- Tại buồng sơn sấy:

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh trần buồng sơn sấy là 6 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 17,26 kg/năm.

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh sàn buồng sơn sấy là 2 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 561,96 kg/năm.

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh lọc khí thải đầu vào buồng sơn sấy là 6 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 6,96 kg/năm.

- Tại buồng sơn nhanh:

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh lọc khí thải đầu vào buồng sơn nhanh là 6 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 3,16 kg/năm.

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh trần buồng nhanh là 6 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 96,82 kg/năm.

+ Tần suất thay tấm lọc bông thủy tinh đầu ra (phần hút) là 2 tháng/lần → Khối lượng bông lọc bụi thủy tinh thay thế là 9,47 kg/năm.

→ Tổng khối lượng tấm lọc bông thủy tinh cần thay thế tại các buồng sơn: 850,69 kg/năm.

*** Thông số kỹ thuật có bản của hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

* *Tại buồng sơn sấy:*

- Kích thước buồng sơn sấy:

+ Buồng sơn sấy số 01, 06 có kích thước giống nhau, dài x rộng x cao = 7000x4000x2755 (mm)

+ Buồng sơn sấy số 18, 20 có kích thước giống nhau, dài x rộng x cao = 7000x4000x2725 (mm)

+ Buồng sơn sấy số 19 có kích thước dài x rộng x cao = 6900x4000x2725 (mm)

- Kích thước tấm lọc sợi thủy tinh:

+ Kích thước tấm lọc sợi thủy tinh phía trước buồng đốt tại 5 buồng sơn sấy số 01, 06, 20, 18, 19 (lọc khí đầu vào buồng sơn) giống nhau: dài x rộng x cao = 1000x1000x60 (mm)

+ Kích thước tấm lọc sợi thủy tinh trên trần buồng sơn: tại 4 buồng sơn sấy (01, 06, 18, 20) giống nhau: dài x rộng x dày = 7000x4000x60 (mm); tại buồng sơn sấy số 19 có kích thước dài x rộng x dày = 6900x4000x60 (mm)

+ Tổng kích thước tấm lọc sợi thủy tinh dưới sàn buồng sơn: tại 4 buồng sơn sấy (01, 06, 18, 20) giống nhau: dài x rộng x dày = 7000x4000x60 (mm); tại buồng sơn sấy số 19 có kích thước dài x rộng x dày = 6900x4000x60 (mm)

- Hệ thống đường ống dẫn khí:

+ Buồng sơn sấy số 01: Đường ống hộp kích thước BxH=1100x650mm, dài 12,32m; Ống D200, dài 27m;

+ Buồng sơn sấy số 06: Đường ống hộp kích thước BxH=1100x650mm, dài 12,32m; Ống D200, dài 20m;

+ Buồng sơn sấy số 18: Đường ống kích thước BxH=1100x650mm, dài 24,42m; Đường ống kích thước BxH=1600x650mm, dài 13,32m; Ống D200, dài 4m; Ống D300, dài 44m;

+ Buồng sơn sấy số 19: Đường ống kích thước BxH=1100x650mm, dài 24,42m; Đường ống kích thước BxH=1600x650mm, dài 13,32m; Ống D200, dài 4m; Ống D300, dài 46m;

+ Buồng sơn sấy số 20: Đường ống kích thước BxH=1100x650mm, dài 24,42m; Đường ống kích thước BxH=1600x650mm, dài 13,32m; Ống D200, dài 4m; Ống D300, dài 44m;

- Quạt hút:

+ Buồng sơn sấy số 01: 01 quạt công suất 2x10 (HP)/7,5 (Kw), lưu lượng 24.000m³/h.

+ Buồng sơn sấy số 06: 01 quạt công suất 2x10 (HP)/7,5 (Kw), lưu lượng 24.000m³/h.

+ Buồng sơn sấy số 18: 01 quạt công suất 2x10 (HP)/7,5 (Kw), lưu lượng 24.000m³/h.

+ Buồng sơn sấy số 19: 01 quạt công suất 2x10 (HP)/7,5 (Kw), lưu lượng 27.000m³/h.

+ Buồng sơn sấy số 20: 01 quạt công suất 2x10 (HP)/7,5 (Kw), lưu lượng 24.000m³/h.

** Tại buồng sơn nhanh:*

- Kích thước buồng sơn sấy: 3 buồng sơn nhanh số 01, 02, 03 có kích thước giống nhau, dài x rộng x cao = 6900x 3900 x2.800 (mm)

- Kích thước tấm lọc sợi thủy tinh tại đường ống dẫn khí của 3 buồng sơn nhanh số 01, 02, 03 giống nhau: dài x rộng x cao = 1200x1200x70 (mm)

- Hệ thống đường ống dẫn khí:

+ Buồng sơn nhanh số 01: Rãnh hút âm kích thước BxH=0,4x0,3m, dài 8,8m; Đường ống hộp kích thước BxH = 1,0 x1,0m, dài 8,3m;

+ Buồng sơn nhanh số 02: Rãnh hút âm kích thước BxH=0,4x0,3m, dài 8,8m; Đường ống hộp kích thước BxH = 1,0 x1,0m, dài 8,3m;

+ Buồng sơn nhanh số 03: Rãnh hút âm kích thước BxH=0,4x0,3m, dài 8,8m; Đường ống hộp kích thước BxH = 1,0 x1,0m, dài 8,3m;

+ Đường ống dẫn khí chung cho 3 buồng sơn nhanh: Đường ống hộp kích thước BxH = 1,0 x1,0m, dài 12m; Ống D200, dài 15m.

+ Vật liệu: tôn mạ kẽm.

- Quạt hút:

+ Buồng sơn nhanh số 01: 01 quạt công suất 4Kw, lưu lượng 14.000m³/h.

+ Buồng sơn nhanh số 02: 01 quạt công suất 4Kw, lưu lượng 14.000m³/h.

+ Buồng sơn nhanh số 03: 01 quạt công suất 4Kw, lưu lượng 14.000m³/h.

*** Đường ống và ống thoát khí chung:**

- Ống thoát khí số 1 (Thoát khí thải từ buồng sơn sấy số 18, 19, 20 và buồng sơn nhanh số 01, 02, 03): kích thước D300mm, chiều cao 34,8m (cao vượt mái tòa nhà 1,2 m).

- Ống thoát khí số 2 (Thoát khí thải từ buồng sơn sấy số 01, 06): kích thước D300mm, chiều cao 34,8m (cao vượt mái tòa nhà 1,2 m).

→ *Tổng lưu lượng khí thải từ hệ thống các buồng sơn: 165.000 m³/h.*

d. Chế độ vận hành:

*** Tại buồng sơn sấy:**

❖ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

- Quá trình sơn

Sử dụng công tắc ON/OFF tại bảng điều khiển và kiểm tra hệ thống chiếu sáng với nút ON, bật công tắc sang quá trình sơn, cài đặt nhiệt độ sơn (sp1). Thông thường cài đặt ở nhiệt độ $20 \div 22^{\circ}\text{C}$, bật nút Burner, bật đèn chiếu sáng.

Sau khi đã thực hiện đầy đủ công việc kiểm tra cẩn thận. người sử dụng có thể bắt đầu thực hiện quá trình sơn trong buồng sơn. Đóng cửa, quá trình sơn không giới hạn thời gian cho đến khi kết thúc, người sử dụng ra khỏi phòng sơn tới bảng điều khiển và thực hiện các lệnh của giai đoạn tiếp theo. Tắt hệ thống chiếu sáng, ấn nút BURNER nhiệt độ sấy (sp2) được điều chỉnh.

Thường điều chỉnh $50 \div 80^{\circ}\text{C}$, điều chỉnh thời gian sấy sau khi thực hiện các điểm trên, quá trình hấp thụ sẽ bắt đầu. Quá trình này được xác nhận trên bảng điều khiển bởi hai đèn sơn và sấy, đó là nút OFF. Thời gian đếm giảm dần của quá trình hấp thụ ở phía trên màn hình. Khi thời gian chạy về 0, chu trình cấp nhiệt bắt đầu. đây là chu trình van cấp gió đóng lại của quá trình này và đèn của quá trình sấy sáng lên trên bảng điều khiển khi quá trình cấp nhiệt đang chạy nhiệt độ sẽ đạt đến giá trị cài đặt của quá trình sấy. Khi đã đạt được thì quá trình sấy bắt đầu thời gian bắt đầu được đếm ngược. nhiệt độ quá trình sấy không đổi với giá trị cài đặt. Quá trình kết thúc khi quá trình đếm ngược về 0 khi đó quá trình sấy khô kết thúc. Piston khí nén mở van quá trình sấy, quá trình làm mát bắt đầu. thời gian của quá trình làm mát này có thể là 5 phút hoặc hơn và nhiệt độ của quá trình này được cài đặt là $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$

❖ TẮT BUỒNG SƠN

Ấn nút màu trắng STOP. Khi ấn nút này bạn luôn luôn phải khởi động lại quá trình sơn.

❖ DỪNG KHẨN CẤP

Chỉ ấn nút màu đỏ trong trường hợp khẩn cấp

❖ CHÚ Ý

Trước khi hệ thống hoạt động, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và cách cài đặt, nó sẽ cho bạn biết cài đặt nhiệt độ sơn (sp1), nhiệt độ sấy khô (sp2) thời gian hấp thụ và thời gian sấy khô như thế nào.

- Quạt hút được vận hành hoàn toàn tự động khi buồng sơn hoạt động.

- Thay thế định kỳ tấm lọc thủy tinh tại buồng sơn.

*** Tại buồng sơn nhanh:**

Sử dụng công tắc ON/OFF tại bảng điều khiển và kiểm tra hệ thống chiếu sáng với nút ON, bật công tắc sang quá trình sơn, cài đặt nhiệt độ sơn. Thông thường cài đặt ở nhiệt độ $20 \div 22^{\circ}\text{C}$, bật nút Burner, bật đèn chiếu sáng.

Sau khi đã thực hiện đầy đủ công việc kiểm tra cẩn thận, người sử dụng có thể bắt đầu thực hiện quá trình sơn trong buồng sơn.

TẮT BUỒNG SƠN: Ấn nút màu trắng STOP. Khi ấn nút này bạn luôn luôn phải khởi động lại quá trình sơn.

DỪNG KHẨN CẤP: Chỉ ấn nút màu đỏ trong trường hợp khẩn cấp

❖ **CHÚ Ý**

- Quạt hút được vận hành hoàn toàn tự động khi buồng sơn hoạt động.
- Thay thế định kỳ tám lọc thủy tinh tại buồng sơn.

f. Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với bụi và khí thải sau xử lý

Khí thải sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải của từng buồng sơn đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi thoát vào môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

a. Bụi từ quá trình mài vỏ ô tô vị trí cần sơn

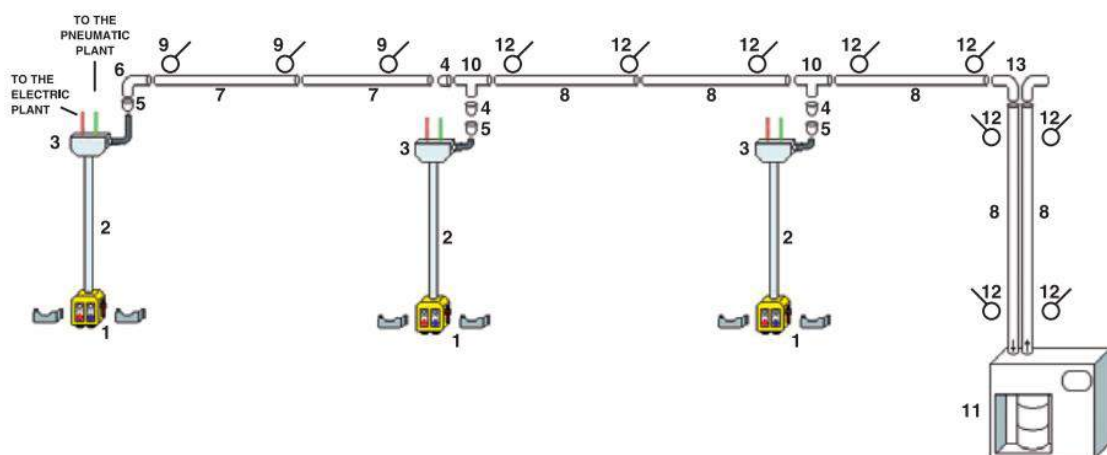
Khu vực mài vỏ sơn ô tô được Công ty bố trí tại khu vực riêng và có bố trí hệ thống máy hút bụi:

** Tại khu vực mài vỏ sơn ô tô tại tầng 3 của tòa nhà, Công ty bố trí 01 máy hút bụi, thông số kỹ thuật như sau:*

- Máy hút bụi khô trung tâm loại tự động làm sạch Filer lọc, cảm biến áp suất hệ thống tại cụm đầu hút (ON/OFF). Filter loại cartridge chống tĩnh điện.
- Model: aspircar750, toàn bộ thiết bị và phụ kiện lắp ráp thành hệ thống nhập khẩu 100% từ Italy, sản xuất và cung cấp bởi Filcar S.pA.
- Công suất: 7.5HP, 380-400V, 3 pha, 50Hz
- Lưu lượng $575 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Diện tích lọc: 5 m^2
- Khối lượng: 207kg
- Kích thước: 700x1250x1500mm
- Tốc độ động cơ: 2890rpm
- Cụm đầu hút dạng treo trần với 2 cửa hút bụi, cảm biến áp suất hệ thống với van đóng, mở tại cụm đầu hút (HANGING SERVICE UNIT):
 - + 2 đầu cấp khí nén qua lọc, 1 đầu cấp khí nén trực tiếp.

- + 2 giá treo dây hút bụi và máy cài cầm tay chạy khí nén.
- + 01 ổ cắm điện 220V 16A
- + 01 ổ cắm điện 380V 16A 3P
- Hệ thống hút bụi nhôm sơn tĩnh điện
- Dây hút bụi cho dụng cụ cầm tay kết nối với cụm đầu hút bao gồm cả dây cấp khí nén cho dụng cụ cầm tay Ø38/29, dài 6m
- Ống dẫn: uPVC D100, dài 25m.
- Mục đích: Hút bụi khô matit trung tâm dùng cho 04 khoang sửa chữa (2KTV/khoang/4 đầu hút – 8 đầu ra)
- Định kỳ 3 tháng/lần, thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy trình quản lý CTNH.

ASPIRCAR-750



Hình 3.8. Hình ảnh máy hút bụi trung tâm

** Tại khu vực mài vỏ sơn ô tô tầng 2 của tòa nhà, Công ty bố trí 01 máy hút bụi matis trung tâm*

- Thông số kỹ thuật của máy hút bụi như sau:
- Model: SET, toàn bộ thiết bị và phụ kiện lắp ráp thành hệ thống nhập khẩu 100% từ Italy, sản xuất và cung cấp bởi Filcar S.p.A.
- Công suất: 5.5HP, 400V, 3 pha, 50Hz
- Áp suất: 270 mbar
- Lưu lượng: 390 m³/h.
- Diện tích lọc: 5m²
- Khối lượng: 140kg
- Kích thước: 650x1100x1200mm
- Tốc độ động cơ: 2890rpm
- Độ ồn: 73dB
- + 2 đầu công tác cho 4 KTV TSC
- Bao gồm 2 đầu nối với ống dây hút bụi
- 3 đầu nối nhanh cấp khí nén cho thiết bị chà nhám sử dụng khí nén
- Cụm 3M treo đầu công tác
- Dây hút bụi cho dụng cụ cầm tay kết nối với cụm đầu hút bao gồm cả dây cấp khí nén cho dụng cụ cầm tay Ø38/29, dài 6m
- Ống dẫn: uPVC D100, dài 21m.
- Định kỳ 3 tháng/lần, thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy trình quản lý CTNH.

b. Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

- Vệ sinh công nghiệp: thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải, xe cộ ra vào tòa nhà;
- Bố trí các chậu cây xanh, cây cảnh trong khuôn viên cơ sở.
- Cơ sở được thiết kế với hệ thống thông gió tự nhiên giữa các phòng ban.

Ngoài ra, tại cơ sở còn được thiết kế và lắp đặt hệ thống điều hòa, hệ thống thông gió cưỡng bức. Mục đích của việc điều hòa, thông gió là làm mát không khí, làm sạch bụi và một số khí độc trong không khí... để tạo môi trường làm việc theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh lao động được quy định tại Quyết định 3733/2022/QĐ-BYT:

- Hệ thống điều hòa: lắp đặt hệ thống điều hòa tại khu vực văn phòng
- Hệ thống thông gió nhà WC: Tại cơ sở được lắp đặt quạt thông gió IAF-36C được bố trí tại nhà vệ sinh, sử dụng để thông gió thoát khí và hơi nóng ra ngoài. Số lượng quạt thông gió của cơ sở là 20 chiếc.
- + Quạt thông gió IAF-36C có thông số kỹ thuật:
- + Kích thước đường kính bên ngoài (DxDxB): 900x900x400mm

- + Đường kính cánh: 790mm
- + Tốc độ vòng quay: 560 (r/min)
- + Độ ồn: 60 dBA
- + Công suất: 0,37kW
- + Điện thế: 380V

- Hệ thống thông gió tầng hầm: Tại vị trí bảo dưỡng xe và khu vực tầng hầm, Chủ cơ sở đã bố trí khoảng 20 chiếc quạt thông gió công nghiệp tròn Deton DF Ø với thông số kỹ thuật như sau:

- + Áp suất: 68-130Pa
- + Điện áp: 220V/380V
- + Tốc độ: 1400 rpm
- + Lưu lượng: 8.500 m³/h

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng phát sinh: Căn cứ theo tình hình thực tế khối lượng rác bần giao tại cơ sở với đơn vị thu gom là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – chi nhánh Đống Đa thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 220kg/ngày, trong đó:

+ Chất thải rắn văn phòng gồm bìa, giấy vụn, đinh gim, các loại băng keo... Tổng khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/ngày.

+ Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa,..), giấy và vỏ lon, vỏ chai nhựa. Số lượng cán bộ công nhân viên tại cơ sở khoảng 700 người. Căn cứ theo khối lượng rác thải phát sinh thực tế tại cơ sở với định mức 0,3kg/người/ngày, khối lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên tại cơ sở như sau:

$$0,3 \text{ kg/người/ngày} \times 700 \text{ người} = 210 \text{ kg/ngày.}$$

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khu văn phòng (30 thùng nhựa 10 lít đựng chất thải rắn sinh hoạt)
- Tại khu vực lưu giữ chất thải (03 xe gom rác dung tích 500 lít lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt).

+ Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Nền được đổ bê tông, gần khu vực cửa phụ tầng 1 phía Đông của tòa nhà.

- Công trình, thiết bị xử lý chất thải: không thực hiện hoạt động xử lý chất thải tại cơ sở.

- Chủ dự án đã thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số HĐKL/04190495 ngày 31/12/2018 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội.

- Tần suất thu gom: hằng ngày.



Hình 3.9. Thùng và khu vực lưu chứa rác thải thông thường và sinh hoạt tại cơ sở

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm: lớp cao su, kính, kim loại phế liệu không nhiễm thành phần nguy hại, nhựa phế liệu không nhiễm thành phần kim loại.... Với khối lượng khoảng 90kg/ngày (2.340 kg/tháng).

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa:

✓ Tại khu vực bảo dưỡng xe ô tô, nhà để xe (10 thùng nhựa 15 lít đựng chất thải tái chế)

✓ Tại khu vực lưu giữ chất thải (04 thùng nhựa 240 lít đựng chất thải tái chế)

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 10 m² (cùng với chất thải rắn sinh hoạt)

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: có mái che, sàn bê tông.

- Tần suất thu gom: 1 tháng/lần.

- Công trình, thiết bị xử lý chất thải: không thực hiện hoạt động xử lý chất thải tại cơ sở.

- Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân đã thực hiện ký hợp đồng số 076.22/SC-TTX ngày 04/01/2022 với Công ty TNHH Môi trường Sông Công – Đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp để xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ dự án.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Căn cứ vào chứng từ thu gom CTNH thì lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở với tổng khối lượng khoảng 49.528,01 kg/năm. Trong đó, thành phần chủ yếu: Dầu động cơ, hộp số; giẻ lau dính dầu; bộ lọc dầu thải; sơn thải khô, matid thải.....Khối lượng chất thải nguy hại được xác định dựa trên chứng từ thu gom CTNH phát sinh thực tế tại cơ sở như sau:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”

TT	Loại CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng CTNH phát sinh theo tháng trong năm 2022 (kg)									Tổng (kg/9 tháng)	Khối lượng (kg/năm)
				1	2	3	4	5	6	7	8	9		
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	4000	2600	2600	3800	4400	3800	3800	4200	3800	33.000	44.000,00
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc (giẻ lau dính dầu, mùn cưa dính dầu, lọc buồng sơn, lọc mặt nạ, giấy giáp dính sơn và matid)	Rắn	18 02 01	95	55	70	90	88	90	88	95	98	769	1.025,33
3	Bộ lọc dầu thải	Rắn	15 01 02	8	5	6	7	6	8	7	6	7	60	80,00
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ hộp đựng dầu, sơn, dung môi)	Rắn	18 01 02	4	3	4	3	4	4	3	4	3	32	42,67
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Vỏ hộp đựng dầu, sơn, dung môi)	Rắn	18 01 03	3	2	3	4	3	4	3	3	4	29	38,67
6	Sơn thải khô, matid thải	Rắn	08 01 03	4	2	2	3	3	3	4	3	3	27	36,00
7	Dung môi pha rửa thải	Lỏng	08 01 05	120	80	100	115	105	120	125	120	115	1.000	1.333,33
8	Nước làm mát	Lỏng	19 10 01	25	15	20	25	20	20	25	25	20	195	260,00
9	Xăng dầu rửa thải	Lỏng	17 06 02	1	1	1	1	2	1	1	2	1	11	14,67
10	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	2			1	1	2	1	1	1	9	12,00
11	Phá phanh chứa amiăng	Rắn	15 01 06						2				2	2,67
12	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06						1				1	1,33
13	Kim loại dính dầu	Rắn	11 04 01	1	1	1	1	1	1	2	1	2	11	14,67
14	Cặn lắng bể xử lý nước thải	Bùn	12 06 05									2000	2.000	2.666,67
Tổng														49.528,01

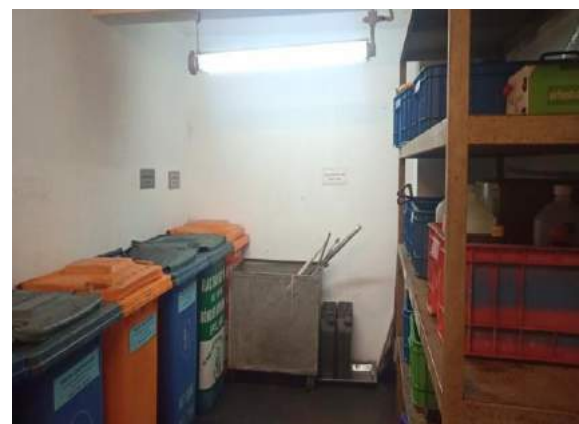
- Thiết bị lưu chứa: - Biện pháp lưu giữ CTNH: Bố trí 13 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 200L, đảm bảo lưu trữ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh. Riêng đối với bùn thải từ trạm xử lý nước thải (12 06 06), Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải đem đi xử lý định kỳ hàng quý theo quy định.

- Kho lưu chứa CTNH trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa CTNH: 18,604 m² (kích thước D x R x C = 6,2013 x 3 x 3,95m).

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa CTNH trong nhà: Tường gạch bao quanh, nền bê tông chống thấm có lót sàn bằng tấm kim loại. Có bố trí ga thu thấp hơn sàn để đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc có sự cố rò rỉ, đổ tràn. Cửa ra vào kho bằng tôn, có khóa riêng và có biển cảnh báo.

+ Hiện nay, Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công theo hợp đồng số 076.22/SC-TTX ngày 04/01/2022 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp (trong đó có CTNH).



Hình 3.10. Thiết bị lưu giữ và kho CTNH tại cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng xe vận chuyển đã qua kiểm định của cơ quan chức năng, đảm bảo độ ồn phát sinh khi hoạt động nằm trong giới hạn cho phép.
- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.
- Tắt phương tiện nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Lái xe không được quá lạm dụng còi xe ô tô và không được để phương tiện giao thông còn nổ máy khi dừng xe lâu và không có thao tác;
- Tại những nơi có độ ồn, độ rung lớn cán bộ công nhân cần được trang bị nút chống ồn.
- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở.
- Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trong quá trình hoạt động tại cơ sở chưa xảy ra các sự cố nghiêm trọng nào liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và sự cố tràn dầu.

Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Kể từ khi cơ sở mới hoạt động cho đến cuối năm 2019, hệ thống xử lý nước thải ban đầu của cơ sở đã hoạt động trong thời gian dài, công nghệ sử dụng cũ nên hiệu quả xử lý nước thải không cao. Do vậy, vào cuối năm 2019, trong quá trình xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Chủ dự án đã đề xuất phương án và cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải.

+ Hệ thống xử lý nước thải sau cải tạo từ cuối năm 2019 tại cơ sở cho đến nay hoạt động tương đối ổn định. Nước thải đầu ra đảm bảo đạt tiêu chuẩn xả thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

6.1. Phòng ngừa sự cố đường cống thu gom nước thải, khả năng tiêu thoát nước của khu vực

- Thường xuyên kiểm tra đường cống thu gom nước thải.
- Định kỳ 3 tháng/lần nạo vét được cống thu gom nước thải
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống xử lý. Nếu phát hiện các thiết bị hỏng cần kịp thời thay thế, sửa chữa.
- Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý.

- Hướng thoát nước được thiết kế theo độ dốc địa hình, đảm bảo thoát nước theo nguyên tắc tự chảy.

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung trong quá trình hoạt động

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải;
 - Định kỳ thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau xử lý;
 - Có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị hằng tuần, ghi lại các thiết bị cần sửa chữa hay dự phòng thay mới;
 - Các sự cố phát sinh ngoài khả năng của nhân viên vận hành thì báo ngay cho đơn vị xây dựng hệ thống xử lý tiến hành sửa chữa kịp thời;
- + Phối hợp với đơn vị thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải tiến hành sửa chữa với thời gian nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào hoạt động trở lại.
- + Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, bơm định lượng,...; Ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành; tuân thủ yêu cầu về thiết kế và vận hành;
- + Khi xảy ra sự cố: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp rò rỉ, vỡ đường ống do tác động ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố; (3) trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, dinh dưỡng, nuôi cấy vi sinh; (4) trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1 và QCĐTHN 02:2014/BTNMT, cột B với $C_{\max} = C$, nước thải của tại cơ sở sẽ tạm thời lưu tại bể điều hòa có dung tích 38,58m³. Lượng nước thải phát sinh tại cơ sở tối đa là 60m³. Do vậy, bể điều hòa có thể lưu chứa tối đa trong vòng 15,5h. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1 đối với nước thải sinh hoạt và QCĐTHN 02:2014/BTNMT, cột B với $C_{\max} = C$.
- + Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay và thời gian khắc phục sự cố lâu hơn thời gian lưu chứa của bể điều hòa, chủ dự án sẽ thông báo đến các phòng ban trong tòa nhà thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước đồng thời chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng tới hút nước thải đi xử lý theo quy định.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý khí thải không hoạt động

- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.
- Định kỳ 3 tháng/lần, tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống
- Định kỳ thay thế bông lọc bụi thủy tinh 6 tháng/lần đối với bông lọc trần buồng sơn, bông lọc tại đường ống thoát khí.
- Định kỳ thay thế bông lọc bụi thủy tinh 2 tuần/lần đối với bông lọc sàn buồng sơn sấy.
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân vận hành hệ thống.
- Khi có sự cố tại hệ thống xử lý khí thải xảy ra: Quạt hồng, vỡ đường ống thu gom thoát khí thải... Chủ cơ sở sẽ dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh khí thải để tiến hành khắc phục; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản...

6.4. Phòng ngừa sự cố ngập lụt trong mùa mưa bão

+ Bố trí hệ thống thoát nước tầng hầm: nước thoát sàn tại tầng hầm được rãnh BTCT BXH = 0,4x0,4m có tổng chiều dài là 13m. Nước rò rỉ sau đó chảy về đường ống uPVC D160 dài 110m về 04 hố thu. Kích thước mỗi hố thu DxRxC = 700x700x1000mm. Nước từ các hố thu được hệ thống bơm chìm bơm ngược về hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà. Tại hố thu nước G^S₂ và hố thu nước G^S₄ bố trí 02 bơm chìm có công suất Q=5m³/h.

+ Dự trữ và bố trí máy bơm dự phòng nhằm bơm cưỡng bức nước từ các tầng hầm ra ngoài đảm bảo tầng hầm không bị ngập nước trong trường hợp máy bơm hoạt động thường xuyên gặp sự cố. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị, máy bơm nước, tránh tình trạng hỏng hóc, không hoạt động.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Hiện tại, Cơ sở đã được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 81/CNTD-PCCC ngày 14/02/2011 cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội.

Hệ thống PCCC của cơ sở đã được Công ty đầu tư đồng bộ bao gồm: Hệ thống chữa cháy, hệ thống báo cháy và hệ thống đèn thoát nạn sự cố, cụ thể như sau:

STT	Tên, loại phương tiện PCCC	Số lượng	Vị trí bố trí, lắp đặt	Chất lượng hoạt động
1	Bình bột chữa cháy MFX4	30	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình
2	Bình khí chữa cháy MT3	15	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình

3	Hệ thống báo cháy tự động	01	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình
4	Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước	01	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình
5	Đèn EXIT	30	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình
6	Vòi, lăng chữa cháy	15	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình
7	Đèn chiếu sáng sự cố	30	Bố trí đều tại các tầng của tòa nhà	Trung bình

Số lượng phương tiện chữa cháy nói trên được bố trí ở tất cả các vị trí có nguy hiểm về cháy, nổ trong cơ sở. Các bình chữa cháy xách tay được đặt ở những vị trí dễ thấy, dễ lấy và đảm bảo thuận tiện khi sử dụng.

Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

- Bên trong:

+ Bể ngầm dung tích 160m³ tại cơ sở

+ Bể mái: Phục vụ hệ thống chữa cháy của tòa nhà

- Bên ngoài:

+ Trụ nước chữa cháy thành phố, lưu lượng 10l/s, trên đường Trường Chinh (169 Trường Chinh).

+ Hồ nước nhà hàng Cảnh Hồ, trữ lượng nước lớn, cách cơ sở 100m

Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ: gồm 15 người đã qua huấn luyện về PCCC. Trong đó có ông Nguyễn Văn Nghĩa làm đội trưởng.

7.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Các điểm nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất tại cơ sở như sau:

STT	Vị trí	Hóa chất đang tồn chứa	Dự báo tình huống xảy ra	Số người lao động
1	Kho xăng dầu	Xăng, dầu	Cháy nổ, tràn hoặc rò rỉ	30
2	Kho phụ tùng	Dầu bôi trơn, dầu nhớt	Cháy nổ, rò rỉ	20
3	Kho sơn và phòng pha màu sơn	Dung môi, sơn	Cháy nổ, tràn hoặc rò rỉ	40

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nếu để xảy ra sự cố như cháy nổ, hay tràn dầu sẽ gây tổn thất rất lớn về người và tài sản. Do vậy, Công ty đã ban hành biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất như sau:

7.2.1. Biện pháp phòng ngừa:

a. Biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố tại kho Phụ tùng

- Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất khu vực kho phụ tùng cần thực hiện các thao tác sau:

- Hóa chất trong kho phải được sắp xếp ngay ngắn và theo từng khu vực kệ riêng

- Thực hiện tốt quy trình sắp xếp và kiểm tra kho phụ tùng.

- Cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy can chứa đựng hóa chất, để không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ...

- Thực hiện tốt hoạt động 5S.

b. Biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố tại kho xăng dầu

- Các biện pháp thường được áp dụng bao gồm:

- Nhập hàng: Xăng dầu được vận chuyển từ cửa hàng xăng phải vận chuyển cẩn thận, tránh va đập mạnh. Nhập hàng số lượng ít, vừa đủ dự trữ để phòng trường hợp mất điện phải chạy máy phát.

- Tặng khách hàng phiếu đồ xăng dầu tại Cây xăng Đường Láng (mà công ty đã ký hợp đồng liên kết), nhằm hạn chế việc lưu trữ xăng dầu.

- Kho lưu trữ xăng dầu phải được xây dựng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo các biện pháp phòng cháy chữa cháy, lắp đặt đầu báo nhiệt, gắn biển cấm lửa, cấm hút thuốc và biển cảnh báo nguy cơ cháy nổ cao, bố trí bình cứu hỏa hợp lý.....

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị chứa (thùng phuy), loại bỏ những thùng có nguy cơ rò rỉ cao.

- Trang bị xẻng, vật liệu thấm hút như mùn cưa để kịp thời ứng phó nếu có sự cố rò rỉ, tràn dầu xảy ra.

- Báo cáo khi xảy ra sự cố tràn đổ dầu cho người có trách nhiệm để kịp thời kiểm tra phương án ứng cứu, phương án PCCC.

c. Biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố tại Kho chứa vật tư sơn và phòng pha sơn.

- Phân loại và xếp riêng biệt các loại hóa chất dễ cháy, nổ; hóa chất kỵ nước. Khu vực sắp xếp các loại hóa chất này phải có chú thích rõ ràng. Hóa chất kỵ nước nên được xếp ở gian kho riêng biệt, đảm bảo kín và cách ly với khu vực xung quanh. Hóa chất dễ cháy phải để cách xa với nguồn nhiệt tối thiểu 0,5m hoặc phải được cách ly bằng vật liệu không cháy.

- Vật chứa, bao bì phải đảm bảo kín và chắc chắn. Vật chứa, bao bì chứa hóa chất nguy hiểm phải có nhãn hàng hóa ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của Quy chế ghi nhãn hàng hóa.

- Trang bị đầy đủ đồng phục bảo hộ lao động cho KTV và nhân viên làm việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất: kính bảo hộ, mặt nạ chống độc, đồng phục bảo hộ, găng tay cao su, giày bảo hộ. Tuân thủ tuyệt đối các quy trình kỹ thuật an toàn khi tiến hành hàn, sơn.

- Không sử dụng ngọn lửa trần, hút thuốc là hoặc mang vật có thể phát lửa (bao diêm, bật lửa...) tại các vị trí có dễ hóa chất hoặc nguyên liệu dễ cháy nổ.

- Những người làm việc tiếp xúc với các hóa chất nguy hiểm phải được đào tạo và được cấp thẻ an toàn lao động. Định kỳ, cơ sở mở lớp bồi dưỡng kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh lao động và xử lý sự cố hóa chất cho nhân viên.

- Những người làm việc tại cơ sở phải được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và thường xuyên thực hành xử lý các tình huống cháy, nổ có thể xảy ra theo các phương án đã được xây dựng.

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu như: cát, bình bột chữa cháy... và trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy của hóa chất để sử dụng dập tắt đám cháy hiệu quả. Đồng thời phải trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân chống độc thích hợp khi chữa cháy.

7.2.1. Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất

* Các bước tiến hành Ứng phó sự cố môi trường do phát thải hóa chất nguy hại

Khi sự cố xảy ra, tùy theo mức độ và phạm vi ảnh hưởng, các bước thực hiện ứng phó sự cố được triển khai theo các cấp độ ưu tiên như sau:

Bước 1	Thông báo về tình hình vị trí và phạm vi sự cố tới người lãnh đạo công tác Phòng ngừa, ứng phó sự cố tại cơ sở
Bước 2	Khoanh vùng, cô lập sự cố và đảm bảo an toàn khu vực tránh sự cố dây chuyền
Bước 3	Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện cứu hộ, sơ tán người và tài sản
Bước 4	Thực hiện, phối hợp với các đơn vị chức năng trong ứng phó sự cố và khắc phục môi trường sau sự cố

** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố*

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện tích nhỏ: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trước khi tiến hành xử lý, thu hồi hóa chất, dầu mỡ tràn đổ và thùng chứa chất thải hóa học kín;

- Khi tràn đổ, rò rỉ trên diện rộng: Hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất, dầu mỡ. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải hóa học kín. Sử dụng phương pháp thu hồi không tạo ra bụi hóa chất. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

- Phụ trách kho phải báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển cơ sở y tế.

- Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố hóa chất tại hiện trường tràn đổ, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

** Bản hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất.*

Khi xảy ra các sự cố tràn đổ hóa chất và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc triển khai các biện pháp ứng phó sự cố hóa chất là vấn đề cần thiết, phải được tiến hành nhanh chóng, hiệu quả nhằm mục đích ngăn chặn, hạn chế các ảnh hưởng xấu của hóa chất đến sức khỏe người lao động và ảnh hưởng đến môi trường. Một trong những điều cần chú ý khi xử lý các vụ rò rỉ, tràn đổ hóa chất chính là phải xác định được loại hóa chất rò rỉ, mức độ rò rỉ, tràn đổ. Đồng thời người tham gia xử lý sự cố hóa chất phải đeo bảo hộ lao động thích hợp để đảm bảo không có sự cố nào khác xảy ra khi triển khai xử lý sự cố.

Tại công ty, khi công nhân mới vào làm việc đều phải tiến hành đào tạo theo cấp công ty. Sau khi được đào tạo về các quy định chung của Công ty thì công nhân được chuyển về bộ phận sản xuất trực tiếp. Trước khi làm việc tại bộ phận, công nhân lại được bộ phận đào tạo về nghiệp vụ.

* Bản liệt kê trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hóa chất: Để chuẩn bị cho công tác ứng phó khi có sự cố xảy ra, công ty đã trang bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ bảo hộ nhằm ứng cứu kịp thời và bảo đảm an toàn cho đội xử lý sự cố.

Để thông báo cho toàn Công ty và các đơn vị bên ngoài khi xảy ra sự cố, ban quản lý công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Lập danh sách các phòng ban, xưởng của công ty (Ghi đầy đủ số điện thoại, tên người phụ trách các phòng ban) và lưu giữ ở tất cả các phòng ban, xưởng để khi xảy ra sự cố có thể thông báo kịp thời.

Sau đó bộ phận thông tin sẽ thông báo cho các tổ viên trong đơn vị mình nhằm ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng gây ra do sự cố.

Lực lượng xử lý sự cố là tất cả các cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty đã được huấn luyện và nắm vững kỹ thuật xử lý sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất để tiến hành xử lý.

** Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong, phối hợp với lực lượng bên ngoài.*

Khi công ty đi vào hoạt động luôn có phương án phối hợp để ứng cứu khi có sự cố rò rỉ, cháy nổ hóa chất lớn xảy ra giữa các đơn vị trong công ty và lực lượng trên địa bàn lân cận. Phương án quy định rõ nhiệm vụ của các bộ phận nhân viên trong công ty, các công tác ứng cứu ban đầu và phối hợp của các lực lượng trên địa bàn.

Kế hoạch như sau:

STT	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng chủng loại huy động	Ghi chú
1	Lực lượng cơ sở	Dùng chuông báo động báo hiệu cho mọi người biết	Tất cả cán bộ nhân viên có mặt tại công ty	Tất cả các phương tiện hiện có đã được trang bị của công ty như: Bình bộ chữa cháy; lăng, vòi phun lấy nước từ họng chữa cháy tại các vị trí trang bị trong công ty, hệ thống máy bơm nước	
2	Cảnh sát PCCC	114	Cán bộ chiến sỹ	Phương tiện chữa cháy	Chi viện
3	Các đơn vị Y tế như: Trạm y tế Phường Khương Mai; Các bệnh viện xung quanh khu vực		Cán bộ, nhân viên ngành y tế	Giúp đỡ để giải quyết, ứng phó sự cố	Chi viện

➤ *Các hoạt động khác nhằm ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hóa chất.*

Hàng năm, công ty sẽ cử cán bộ phụ trách an toàn môi trường – hóa chất và những người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất tham gia các khóa đào tạo an toàn môi

trường hóa chất do Sở Công Thương tổ chức và các khóa đào tạo công tác PCCC của Công an PCCC thành phố. Những nhân viên không trực tiếp làm việc với hóa chất cũng sẽ được công ty phổ biến các biện pháp xử lý và ứng phó với sự cố nếu gặp phải tình huống bất ngờ. Để đảm bảo các công nhân làm việc trực tiếp với hóa chất đều được đào tạo an toàn, Công ty sẽ liên tục rà soát những công nhân mới tuyển, hoặc nhân viên mới chuyển bộ phận, để có kế hoạch tập huấn.

Qua đây, công ty sẽ phổ biến kiến thức và cho cán bộ, công nhân viên diễn tập tại hiện trường về biện pháp an toàn cần thực hiện khi tiếp xúc với hóa chất, các biện pháp sơ cứu cần thiết khi xảy ra tai nạn với người lao động, các biện pháp ứng phó, xử lý khi có sự cố hóa chất xảy ra. Ngoài ra công ty cũng đã và đang triển khai dán các biển báo, nội quy, quy định cảnh báo ở những nơi dễ xảy ra sự cố hóa chất, tai nạn lao động.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật: xây dựng củng cố kho chứa hóa chất, thiết bị cảnh báo xử lý nhanh, thiết bị, vật chất ứng phó trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm.

Xây dựng nội quy, quy chế liên quan đến hóa chất công khai tại các nơi cơ sở vật chất liên quan đến hóa chất, quy trình bảo quản, vận chuyển, sử dụng hóa chất có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất.

Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất.

7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu

- Có chế độ bảo trì độ an toàn của các supap (van thở) thận trọng.
- Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống, định kỳ kiểm tra độ an toàn của hệ thống các thùng phuy chứa dầu.
- Xây dựng hệ thống rãnh thu xung quanh khu vực đặt thùng phuy chứa dầu để thu hồi lại lượng dầu tràn đổ, rò rỉ.

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

- * Đối với phạm vi sự cố tràn dầu ở quy mô công ty tự ứng cứu
 - Khi phát hiện sự cố tràn dầu, cần thông báo ngay cho lãnh đạo công ty, đồng thời thông tin ngay cho các thành viên có mặt tại khu vực xảy ra sự cố.
 - Đánh giá mức độ, phạm vi của sự cố.
 - Dừng mọi hoạt động, di chuyển các phương tiện, làm bờ bao xung quanh để ngăn chặn dầu tràn.
 - Thu hồi dầu tràn vào các thùng phuy.
- * Đối với sự cố tràn dầu vượt quá khả năng tự ứng cứu của công ty
 - Tùy theo quy mô tràn dầu, Ban chỉ huy UPSCTD của công ty lập tức thực hiện

các biện pháp ứng phó, đồng thời thông báo tới thường trực ứng phó sự cố tràn dầu của thành phố để xin trợ giúp.

Trong thời gian chờ hỗ trợ ứng cứu, Đội ứng cứu sự cố tràn dầu của công ty chủ động thực hiện ứng cứu tại chỗ để có thể giảm thiểu mức thấp nhất lượng dầu lan ra môi trường.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

8.1. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

- Các nội dung về công trình bảo vệ môi trường thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết được thể hiện ở như sau:

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Quyết định phê duyệt đề án BVMT chi tiết của dự án	Phương án điều chỉnh, thay đổi so với Quyết định phê duyệt đề án BVMT chi tiết của dự án	Lý do thay đổi
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày đêm	Quy trình công nghệ: - Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + Nước thải nhà bếp sau bể tách dầu → Bể xử lý sinh học - Nước thải sản công tác, sàn đỗ xe (nước rửa xe) → Bể tách dầu sản xuất → Bể xử lý hóa lý → Bể tách dầu - Nước thải từ bể xử lý sinh học → Bể khử trùng → Môi trường Thông số kỹ thuật: - Bể tách dầu sản xuất: kích thước Dài x Rộng x Cao = 3,53 x 1,2 x 1,8 (m); thể tích = 7,62 m³. - Bể xử lý hóa lý: kích thước Dài x Rộng x Cao = 22,86 x 1,61 x 1,2 (m); thể tích = 5,53m³. - Bể xử lý sinh học: kích thước Dài x Rộng x Cao = 5,3 x 2,6 x 2,8 (m); thể tích = 38,58m³. - Bể lọc than hoạt tính: kích thước Dài x	Quy trình công nghệ: - Nước thải xí tiểu sau bể tự hoại + Nước thải rửa từ chậu rửa và sàn WC + Nước thải nhà bếp sau thiết bị tách mỡ → Bể điều hòa - Nước thải sản công tác, sàn đỗ xe (nước rửa xe) → Bể tách dầu sản xuất → Bể xử lý hóa lý → Bể điều hòa. - Nước thải từ bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Môi trường Thông số kỹ thuật: - Bể tách dầu sản xuất: kích thước Dài x Rộng x Cao = 3,53 x 1,2 x 1,8 (m); thể tích = 7,62 m³. - Bể xử lý hóa lý: kích thước Dài x Rộng x Cao = 22,86 x 1,61 x 1,2 (m); thể tích = 5,53m³. - Bể điều hòa: kích thước Dài x Rộng x Cao = 5,3 x 2,6 x 2,8 (m); thể tích = 38,58m³. - Bể thiếu khí: Đường kính Ø 2m, dài 3m; thể	- Thời gian cải tạo: Cuối năm 2019 - Nâng cao hiệu quả xử lý nước thải

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”

		Rộng x Cao = 1,2 x 1,0 x 2,2 (m); thể tích = 2,64m³. - Bể khử trùng: kích thước Dài x Rộng x Cao = 1,88 x 1,2 x 2,1 (m); thể tích = 4,74m³. - Bể chứa bùn: kích thước Dài x Rộng x Cao = 2,22 x 1,2 x 2,1 (m); thể tích = 5,54m³.	tích = 9,42 m³. - Bể hiếu khí: Đường kính Ø 2m, dài 5m.; thể tích = 15,70m³. - Bể lắng thứ cấp: kích thước Dài x Rộng x Cao = 1,88 x 1,2 x 2,1 (m); thể tích = 4,74m³. - Bể khử trùng: kích thước Dài x Rộng x Cao = 1,2 x 1,0 x 2,2 (m); thể tích = 2,64m³. - Bể chứa bùn: kích thước Dài x Rộng x Cao = 2,22 x 1,2 x 2,1 (m); thể tích = 5,54m³.	
2	Công trình lưu giữ chất thải nguy hại	- 01 kho chứa CTNH diện tích 20m ² (tại tầng 1)	- 01 kho chứa CTNH diện tích 18,604m ² (tại tầng 1)	Thời gian thay đổi, cải tạo kho CTNH: Tháng 12/2019 Phù hợp với thiết kế, lượng chất thải phát sinh của dự án
3	Chương trình quan trắc khí thải	- Vị trí giám sát: Ống thoát khí thải ra môi trường (buồng phun sơn). - Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn, bụi tổng, CO, NO_x (tính theo NO₂), SO₂, Toluen, axeton, Benzen.	- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phòng sơn trước khi thoát vào môi trường tiếp nhận. - Thông số giám sát: Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi tổng, CO, NO_x (tính theo NO₂), SO₂, Toluen, Benzen.	- Chủ cơ sở không tiến hành quan trắc thông số Axeton từ tháng 12/2021. - Phù hợp với quy định tại điểm 9, mục II phụ lục XXIX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Quan trắc định kỳ các thông số trong khí thải gồm Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ và các thông số ô nhiễm đặc trưng. - Phù hợp với QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”

				với một số chất hữu cơ: Không quy định giới hạn cho phép của thông số axeton
--	--	--	--	---

8.2. Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi những nội dung so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở.

a. Đánh giá tác động từ việc thay đổi công nghệ xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm

Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung 60m³/ngày.đêm tại cơ sở được mô tả trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết là công nghệ sinh học kết hợp với hóa lý. Kể từ khi cơ sở mới hoạt động cho đến cuối năm 2019, hệ thống xử lý nước thải ban đầu của cơ sở đã hoạt động trong thời gian dài, công nghệ sử dụng cũ nên hiệu quả xử lý nước thải không cao. Do vậy, vào cuối năm 2019, trong quá trình xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Chủ dự án đã đề xuất phương án và tiến hành cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải. Công ty đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 570/GP-UBND ngày 27/12/2019. Trong nội dung báo cáo xin cấp giấy phép xả thải đã thể hiện công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sau cải tạo. Theo đó, Chủ cơ sở đã tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng việc bổ sung bể điều hòa, bổ sung bể hiếu khí..... Các ưu, nhược điểm của 2 phương án xử lý nước thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 1: So sánh ưu, nhược điểm của công nghệ xử lý nước thải

TT	Đặc điểm	Công nghệ xử lý nước thải đề án BVMT chi tiết của dự án	Công nghệ xử lý nước thải hiện tại sử dụng
1	Ưu điểm	- Chi phí đầu tư hệ thống ban đầu trung bình. - Chi phí vận hành ít: chủ yếu là chi phí điện năng, nhân công vận hành và hoá chất sử dụng ít, thiết kế phù hợp với không gian tầng hầm của toà nhà. - Vận hành đơn giản	- Dễ áp dụng với các bể đang xử lý hiện hữu - Hiệu quả xử lý cao: + Bổ sung bể điều hòa: giúp lượng nước thải được điều hòa ổn định về lưu lượng và nồng độ, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý tiếp theo. + Bổ sung bể thiếu khí trước bể hiếu khí có vai trò: ▪ Tăng cường khả năng xử lý N và P thông qua quá trình khử Nitrat và Photphorin ▪ Không cần bổ sung thêm chất hữu cơ trong quá trình xử lý

			▪ Dễ dàng kiểm soát DO < 1 mg/l ▪ Phân hủy phân hữu cơ, giảm mùi khó chịu trước khi đưa ra môi trường - Vận hành ổn định và đơn giản - Giảm lượng bùn vi sinh tạo thành
2	Nhược điểm	- Lượng bùn dư khó kiểm soát - Dễ bị tắc nghẽn cần bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên - Hiệu suất xử lý thấp hơn - Dễ phát sinh mùi	- Hàm lượng Nitrat dòng vào thấp, do chưa đủ điều kiện nitrat hoá các hợp chất N thành nitrat. Vì vậy cần phải hồi lưu nước từ bể hiếu khí về bể thiếu khí.
4	Bổ sung vi sinh	- Luôn cần một lượng vi sinh bổ sung và duy trì.	
5	Kết luận	Kết luận phương án hiện tại có ưu điểm hơn so với phương án trước đây trong đề án BVMT chi tiết: - Công nghệ hiện nay cơ sở sử dụng kết hợp được cả xử lý thiếu khí và hiếu khí trong cùng 1 module công nghệ. - Trạm xử lý nước thải sử dụng ít máy móc thiết bị, công suất thiết bị cũng được giảm tối đa. - Vận hành đơn giản do hầu hết thiết bị đều được đặt ở chế độ tự động. - Chi phí vận hành ít: giảm chi phí điện năng, công nhân vận hành, không sử dụng than hoạt tính nên chi phí vận hành giảm. - Khối lượng bùn dư trong quá trình xử lý giảm đi ½ so với công nghệ mô tả trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Do bổ sung bể điều hòa và bể thiếu khí → quá trình phân hủy triệt để).	

Như vậy, việc thay đổi công nghệ xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm hoàn toàn phù hợp, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 và QCDTHN 02:2014/BTNMT, cột B với C_{max} = C.

b. Đối với công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại

Việc cải tạo, sửa chữa kho CTNH có diện tích 20 m² xuống còn 18,604 m² được thực hiện vào tháng ...năm Kho CTNH sau cải tạo vẫn đáp ứng được nhu cầu lưu

trữ tạm thời chất thải nguy hại tại cơ sở. Tùy thuộc vào khối lượng CTNH phát sinh thực tế mà có thể tăng hoặc giảm tần suất thu gom CTNH. Do vậy, việc bố trí cải tạo khu vực thu gom, lưu giữ chất thải rắn nguy hại được đánh giá là không đáng kể.

c. Đối với chương trình quan trắc khí thải tại cơ sở

Việc điều chỉnh thông số quan trắc khí thải, cụ thể số lượng vị trí lấy mẫu là phù hợp với quy định tại:

+ Điểm 9, mục II phụ lục XXIX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Quan trắc định kỳ các thông số trong khí thải gồm lưu lượng, áp suất, nhiệt độ và các thông số ô nhiễm đặc trưng.

+ Phù hợp với QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ: Không quy định giới hạn cho phép của thông số axeton.

→ Do vậy, việc điều chỉnh chương trình quan trắc khí thải tại cơ sở là phù hợp và được đánh giá là không đáng kể.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, bao gồm nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp; nước thải xí tiêu và nước thải rửa từ chậu rửa và sàn WC.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất gồm nước thải từ sàn công tác, sàn đỗ xe (nước rửa xe).

1.2. Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 60 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải:

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn xả thải trước khi chảy vào nguồn nước tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trường Chinh.

- Thiết bị đo lưu lượng nước thải: Sử dụng 01 đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 và QCĐTHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B, C_{max}=C. Cụ thể theo bảng như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép theo QCĐTHN 02:2014/BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /ngày.đêm	60
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	BOD ₅	mg/l	50
6	COD	mg/l	150
7	Sunfua	mg/l	0,5
8	Amoni	mg/l	10
9	Tổng P	mg/l	6
10	Tổng N	mg/l	40

11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
12	Coliform	MPN/100ml	5.000
13	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000 (*)
14	Nitrats (NO_3^-) (Tính theo N)	mg/l	50 (*)
15	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20 (*)
16	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10 (*)
17	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10 (*)

- QCDTHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B, $C_{\max}=C$

- (*) QCVN: 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số $K=1$): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Hệ số $K=1$ Áp dụng đối với trụ sở cơ quan có diện tích sử dụng lớn hơn hoặc bằng 10.000 m^2 .

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả tại hố ga G^M_4 tại số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN 2000): X= 2323592; Y= 585545

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Chế độ xả thải: liên tục

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 01
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 06
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 18
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 19
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 20
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh số 01
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh số 02
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh số 03

2.2. Lưu lượng phát sinh khí thải:

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 165.000 m³/h.

2.3. Dòng khí thải:

- 02 dòng khí thải đề nghị xin cấp phép. Trong đó:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 18, 19, 20 và buồng sơn nhanh số 01, 02, 03 sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải đồng bộ tại từng buồng sơn.

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 01, 06 sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải đồng bộ tại từng buồng sơn.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Thông số và giá trị của các thông số trong khí thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 01:2014/BNTMT ($K_p = 0,8$; $K_v = 0,5$) và QCVN 20:2009/BTNMT. Cụ thể theo bảng như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Hệ số		Giá trị tối đa cho phép theo QCVN 01:2014/BNTMT ($K_p = 0,8$; $K_v = 0,5$)
			K_p	K_v	
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	165.000
2	Áp suất	mBar	-	-	-
3	Nhiệt độ	°C	-	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	0,8	0,5	80
5	CO	mg/Nm ³	0,8	0,5	400
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	0,8	0,5	340
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,8	0,5	200
8	Toluen	mg/Nm ³	-	-	750 (*)
9	Benzen	mg/Nm ³	-	-	5 (*)

Ghi chú:

- QCVN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô.

+ Lý do lựa chọn K_p , K_v :

- Lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ m³/h, lựa chọn $K_p = 0,8$.
- Hệ số vùng, khu vực: Khu vực thực hiện dự án thuộc quận Thanh Xuân, lựa chọn hệ số $K_v = 0,5$.

- (*) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: có 2 điểm xả

- Vị trí điểm xả:

+ Vị trí điểm xả theo dòng thải số 01: 01 điểm xả tại đường ống dẫn khí cao 34,8m bố trí tầng mái của tòa nhà (cao vượt mái tòa nhà 1,2 m) tại số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Theo hệ tọa độ VN 2000): $X_1 = 2323369$; $Y_1 = 585353$

+ Vị trí điểm xả theo dòng thải số 02: 01 điểm xả tại đường ống dẫn khí cao 34,8m bố trí tầng mái của tòa nhà (cao vượt mái tòa nhà 1,2 m) tại số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Theo hệ tọa độ VN 2000): $X_2 = 2323358$; $Y_2 = 585326$

- Phương thức xả thải: xả cưỡng bức qua quạt hút khi hoạt động.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 1: Từ các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Nguồn số 2: Từ máy phát điện dự phòng (đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện trong trường hợp mất điện)

+ Nguồn số 3: Từ khu vực bảo dưỡng xe ô tô tầng 1

+ Nguồn số 4: Từ khu vực bảo dưỡng xe ô tô tầng 2

+ Nguồn số 5: Từ khu vực bảo dưỡng xe ô tô tầng 3

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình vận hành của cơ sở, Công ty đã tiến hành quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo chương trình giám sát trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở đã được phê duyệt và giấy phép xả nước thải của cơ sở. Kết quả quan trắc môi trường như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCĐTHN 02:2004/ BTNMT, cột B	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B
			NT					
			9/20	12/20	3/21	6/21		
1	pH	-	6,91	6,82	7,0	7,03	6-9	5-9
2	TDS	mg/l	304	365	371	492	-	1000
3	Độ màu	Pt/Co	57	59	21,22	29,7	150	-
4	TSS	mg/l	40	42	68	60	100	100
5	BOD5	mg/l	33,1	33,1	44,06	42,69	50	50
6	COD	mg/l	112	108,6	119,17	131,25	150	
7	NH ₄ ⁺	mg/l	3,5	3,6	5,13	7,34	10	10
8	NO ₃ ⁻	mg/l	1,2	1,33	0,63	0,82	-	50
9	Tổng N	mg/l	6,4	6,8	7,28	12,61	40	-
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	1,14	1,16	0,99	0,82	-	10
11	Tổng P	mg/l	1,82	1,16	2,01	2,21	6	-
12	H ₂ S	mg/l	0,084	0,092	-	26,5	0,5	4
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,2	3,4	3,0	2,0	-	20
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	3,8	3,2	3,2	2,6	10	-
15	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,5	4,8	0,52	0,557	-	10
16	Tổng Coliforms	MNP/100ml	3000	2800	4300	4300	5000	5000

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sau xử lý (tiếp)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCBTHN 02:2004/ BTNMT, cột B	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B
			NT					
			10/21	12/21	08/22	11/22		
1	pH	-	6,95	7,1	6,6	6,3	6-9	5-9
2	TDS	mg/l	422	464,6	547	184	-	1000
3	Độ màu	Pt/Co	142	123,7	72	26	150	-
4	TSS	mg/l	72	78,1	65	67	100	100
5	BOD5	mg/l	38	40,6	38,1	29,4	50	50
6	COD	mg/l	118,6	98,5	59,3	73,6	150	
7	NH ₄ ⁺	mg/l	4,7	3,4	6,8	8,1	10	10
8	NO ₃ ⁻	mg/l	1,03	1,1	8,5	0,65	-	50
9	Tổng N	mg/l	19,4	17,8	16,6	12,9	40	-
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	0,62	1,1	1,25	1,19	-	10
11	Tổng P	mg/l	4,02	3,7	1,74	1,89	6	-
12	H ₂ S	mg/l	0,22	0,17	0,44	<0,02	0,5	4
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2,4	3,1	2,7	0,6	-	20
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	8,4	7,6	1,2	0,3	10	-
15	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	3,67	3,8	3,27	0,05	-	10
16	Tổng Coliforms	MNP/100ml	3800	3600	4000	2800	5000	5000

Ghi chú:

NT: Nước thải sau xử lý

QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột B, k=1

QCĐTHN 02:2014/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Nhận xét:

Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải sau xử lý tại cơ sở trong 2 năm gần đây cho thấy: Các thông số phân tích trong nước thải có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1 và QCĐTHN 02:2014/BTNMT, cột B.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCĐTHN 01:2004/ BTNMT
			KT				
			3/21	6/21	10/21	12/21	
1	Nhiệt độ	°C	30	33	21,3	23	-
2	Hàm ẩm	%	68	68	58,7	2	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	1,18	1,49	132,6	0,00	500
4	NO _x (tính theo N)	mg/Nm ³	3,38	3,55	294,3	0,00	850
5	CO	mg/Nm ³	2,51	2,9	299,3	0,00	1000
6	Benzen	mg/Nm ³	KPH	0,272	KPH	<0,9	5 (*)
7	Xylene	mg/Nm ³	-	-	-	<0,9	870 (*)
8	Toluen	mg/Nm ³	KPH	0,246	36	<1,5	750 (*)
9	Axeton	mg/Nm ³	-	-	KPH	-	-

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải (tiếp)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCDTHN 01:2004/ BTNMT
			KT				
			3/22	5/22	08/22	11/22	
1	Nhiệt độ	°C	25	23,0	33,4	45	-
2	Hàm ẩm	%	2	2.2	5	5	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	2,62	3,48	<2,62	<2,62	500
4	NO _x (tính theo N)	mg/Nm ³	3,76	5,02	<1,88	<1,88	850
5	CO	mg/Nm ³	4,56	3,8	<1,14	<1,14	1000
6	Benzen	mg/Nm ³	<0,08	<0,08	KPH	KPH	5 (*)
7	Xylene	mg/Nm ³	<0,08	<0,08	KPH	KPH	870 (*)
8	Toluen	mg/Nm ³	<0,08	<0,08	KPH	KPH	750 (*)
9	Axeton	mg/Nm ³	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- KT: Khí thải tại ống thoát khí thải ra môi trường (buồng phun sơn)
- QCĐTHN 01:2004/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng khí thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- (*) QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Nhận xét:

Kết quả thử nghiệm mẫu khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải của cơ sở trong 2 năm gần đây cho thấy: Các thông số phân tích trong khí thải có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCĐTHN 01:2004/BTNMT và QCVN 20:2009/BTMT.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải: Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành” thuộc Tổng Công ty vận tải Hà Nội đã bắt đầu hoạt động ổn định từ năm 2014 và được cấp Giấy phép xả nước thải số 505/GP-UBND ngày 22/11/2016. Sau đó, đến năm 2019, Chủ cơ sở đã tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải và đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả nước thải số 570/GP-UBND ngày 27/12/2019 (Giấy phép môi trường thành phần), thời hạn của Giấy phép là ba (03) năm. Căn cứ theo khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

- Ngoài ra cơ sở đã và đang hoạt động nên không tiến hành giai đoạn vận hành thử nghiệm → Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Căn cứ theo Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phát sinh từ cơ sở cũng như đảm bảo tiêu chuẩn xả thải. Chủ dự án đề xuất chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Thông số giám sát: Lưu lượng, màu, pH, TSS, BOD₅, COD, sunfua, amoni, , tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, tổng chất rắn hòa tan, Nitrats (NO₃⁻) (Tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B, C_{max}=C và QCVN: 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K =1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.1.2. Quan trắc khí thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại 02 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phòng sơn trước khi thoát vào môi trường tiếp nhận.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Thông số giám sát: Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi tổng, CO, NO_x (tính theo NO₂), SO₂, Toluen, Benzen.

- Quy chuẩn áp dụng: QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô (K_p = 0,8; K_v = 0,5) và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 điều 97 và khoản 5 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

- Việc lấy mẫu, quan trắc chất lượng nước thải, sẽ được chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu, phân tích. Dự trù kinh phí như sau:

Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường như sau:

Bảng 6.1. Kinh phí giám sát chất lượng nước thải trong 1 năm

TT	Nội Dung	Đơn giá	Số lượng	Tần suất	Thành tiền
I	Chi phí phân tích nước thải				
1	Lưu lượng	80000	1	4	320.000
2	Màu	86.608	1	4	346.432
3	pH	64.020	1	4	256.080
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	200.828	1	4	803.312
5	BOD ₅ (20°C)	265.643	1	4	1.062.572
6	COD	296.455	1	4	1.185.820
7	Sunfua	514.959	1	4	2.059.836
8	Amoni (Tính theo N)	339.393	1	4	1.357.572
9	Tổng P	463.578	1	4	1.854.312
10	Tổng N	371.187	1	4	1.484.748
11	Tổng dầu mỡ khoáng	612.543	1	4	2.450.172

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”

12	Coliform	791.406	1	4	3.165.624
13	Tổng chất rắn hòa tan	86.608	1	4	346.432
14	Nitrats (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	273.756	1	4	1.095.024
15	Dầu mỡ động, thực vật	629.525	1	4	2.518.100
16	Tổng chất hoạt động bề mặt	828.268	1	4	3.313.072
17	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	313.157	1	4	1.252.628
II	Chi phí phân tích khí thải				
1	Lưu lượng	360.436	2	4	2.883.488
2	Áp suất	82.624	2	4	660.992
3	Nhiệt độ	213.293	2	4	1.706.344
4	Bụi tổng	1.069.176	2	4	8.553.408
5	CO	555.587	2	4	4.444.696
6	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	466.372	2	4	3.730.976
7	SO ₂	550.344	2	4	4.402.752
8	Toluen	675.617	2	4	5.404.936
9	Benzen	675.617	2	4	5.404.936
III	Chi phí nhân công, thuê xe vận chuyển thiết bị quan trắc	2.000.000		4	8.000.000
IV	Tổng chi phí trực tiếp				70.064.264
V	VAT 10%				7.006.426
VI	Tổng cộng				77.070.690

Ghi chú: Đơn giá chi phí quan trắc chất lượng nước thải được lập dựa trên Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017.

Kinh phí để thực hiện quan trắc chất lượng nước thải tại cơ sở là khoảng 77.070.690 đồng/năm.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần đây, Chủ cơ sở không tiếp đón Đoàn kiểm tra, thanh tra nào về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Cơ sở “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ cơ sở – Tổng Công ty vận tải Hà Nội xin cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam

- Chủ cơ sở xin cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Nước thải phát sinh tại dự án sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, $k=1,0$ và QCĐTHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B, $C_{\max}=C$.

- Khí thải phát sinh từ các buồng sơn được thu gom, xử lý đảm bảo đạt QCĐTHN 01:2014/BTNMT ($K_p = 0,8$; $K_v = 0,5$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Thực hiện thu gom, lưu chứa và chuyển giao chất thải định kỳ cho các đơn vị có chức năng và năng lực theo đúng quy định;

- Phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc mẫu nước thải theo đúng tần suất đã cam kết và kiểm soát theo tiêu chuẩn quy định làm căn cứ đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và có phương án điều chỉnh phù hợp.

- Cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

- Cam kết áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ, có các biển báo quy định các khu vực cấm lửa, khu vực dễ cháy.

- Đào tạo hướng dẫn và tập huấn cho nhân viên ở các vị trí làm việc để có nguy cơ xảy ra cháy nổ và chập điện về khả năng xử lý nhanh các tình huống tai nạn và sử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hỏa, cứu hộ.

- Cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương VI của báo cáo.

Chủ đầu tư cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường thì Công ty chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101148154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lần đầu ngày 09/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/04/2019;
2. Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000871 ngày 11/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội thực hiện Dự án đầu tư : “Xây dựng nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”.
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0105348644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân lần đầu ngày 11/05/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/07/2021;
4. Hợp đồng số 01/DA-IDMC-TCTVT ký ngày 26/07/2010 giữa Công ty CP quản lý đầu tư và phát triển IDMC và Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.
5. Biên bản bàn giao toàn bộ diện tích mặt bằng cho thuê và các hệ thống, thiết bị kèm theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01/DA-IDMC-TCTVT ký ngày 26/07/2010 giữa Công ty CP quản lý đầu tư và phát triển IDMC và Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.
6. Quyết định số 70/QĐ-IDMC ngày 01/05/2011 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và phát triển về việc giao diện tích thuê theo Hợp đồng số 01DA-IDMC-TCTVT cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân quản lý.
7. Giấy ủy quyền số 2488/GUQ-TCT ngày 02/12/2016 của Tổng công ty Vận Tải Hà Nội ủy quyền cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân thay mặt Tổng công ty Vận tải Hà Nội thực hiện các hồ sơ liên quan đến môi trường.
8. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE039042 ngày 20/07/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội
9. Văn bản số 1406/QHKT-P2 ngày 11/05/2010 của Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội về việc Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại khu đất số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
10. Sổ đăng ký chủ nguồn chất nguy hại mã số QLCTNH: 01.001229.T của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ngày 30/01/2013 cấp cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân;
11. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 81/CNTD-PCCC ngày 14/02/2011 của Phòng cảnh sát PCCC Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội.
12. Quyết định số 2867/QĐ-STNMT ngày 28/12/2016 của Sở Tài nguyên và Môi

trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Cơ sở: “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”. Địa điểm số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

13. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 570/GP-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội.
14. Hợp đồng số 076.22/SC-TTX ngày 04/01/2022 giữa Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân và Công ty TNHH Môi trường Sông Công về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp.
15. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số HĐKL/04190495 ngày 31/12/2018 giữa Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội.
16. Chứng từ thu gom CTNH định kỳ từ tháng 1 đến tháng 9/2022 tại cơ sở.
17. Hóa đơn tiền điện, nước của cơ sở

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ VÀ CÁC GIẤY TỜ LIÊN QUAN

1. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm;
2. Biên bản nghiệm thu, bàn giao hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm;
3. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, giấy chứng nhận CO, CQ của 05 buồng sơn sấy...
4. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý, giấy chứng nhận xuất xưởng của 03 buồng sơn nhanh và bản vẽ buồng sơn nhanh...
5. Mặt bằng tổng thể của dự án
6. Mặt bằng thoát nước mưa, nước thải và vị trí lấy mẫu
7. Sơ đồ nguyên lý thoát nước thải, nước mưa

PHỤ LỤC 3. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ TẠI CƠ SỞ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101148154

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 06 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 12 tháng 04 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI TRANSPORT CORPORATION LTD

Tên công ty viết tắt: TRANSERCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 5 phố Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38241650

Fax: 024.39331637

Email: transerco@transerco.com.vn

Website: http://transerco.com.vn

3. Vốn điều lệ 1.200.000.000.000,000

đồng.

Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 79 phố Đinh Tiên Hoàng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 28/12/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070000054

Ngày cấp: 06/11/2012

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T02 phòng 3012 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: T02 phòng 3012 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực.....6027.....Quyển số.....04

Ngày: 01-10-2021

Người thực hiện chứng thực
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hải Hùng
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Quyết

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số : 01121000.874

Chứng nhận: ngày 01 tháng 8 năm 2010

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của UBND Thành phố phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở đất thuộc sở hữu nhà nước của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội và 02 công ty thành viên theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 9365/UBND-KH&ĐT ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố chấp thuận cho Tổng Công ty Vận tải Hà Nội nghiên cứu lập và thực hiện Dự án Xây dựng nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 1075/BXD-HĐXD ngày 14/6/2010 của Bộ Xây dựng thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án "Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành" tại 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội tại Báo cáo số 804/BC-KH&ĐT ngày 02/8/2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận: **TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000277 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/6/2004, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/01/2007.

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Đoàn Dũng - Chức vụ: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 07 tháng 05 năm 1956.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư nhân dân số: 010303187 do Công an cấp ngày 23/7/2003

Nơi đăng ký nơi ở thường trú: Phố ...

Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: P107-70, phố Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: XÂY DỰNG NHÀ ĐỂ XE CAO TẦNG VÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án :

Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành, kinh doanh dịch vụ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

Quy mô đầu tư: Xây dựng nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành, kinh doanh dịch vụ bao gồm các nội dung sau:

Tổng diện tích đất nghiên cứu 5.348,80 m² (diện tích đất nghiên cứu xây dựng công trình là 5.087,60 m², diện tích đất nằm trong phạm vi mở đường là 261,20 m²); Diện tích xây dựng 3.300 m²; Tổng diện tích sàn xây dựng 28.345 m² (chưa kể diện tích sàn tầng hầm); Mật độ xây dựng 64%; Tầng cao công trình 08 tầng và 01 tầng hầm (theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 11/05/2010 đính kèm văn bản số 1406/QHKT-P2 ngày 11/5/2010 của Sở Quy hoạch Kiến trúc).

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 5.348,80 m².

Điều 4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 219.256 triệu đồng Việt Nam. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án: Vốn tự có (100%) 219.256 triệu đồng.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án : 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2010 - 2011 (Khởi công năm 2010; hoàn thành năm 2011).

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án: Nhà đầu tư được ưu đãi đầu tư theo quy định và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai bản) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư cấp trên cơ sở đề nghị của Nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà nước quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường; Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng cháy chữa cháy; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan; các quy định của Thành phố; văn bản số 1644/QHKT-P2 ngày 07/7/2009 của Sở Quy hoạch Kiến trúc, ý kiến của các cơ quan liên quan đối với dự án. Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện dự án sau

khi đã hoàn tất các thủ tục nêu trên; chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư dự án theo quy định; quá trình triển khai Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo Nghị định 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ, văn bản số 2162/UBND-KH&ĐT ngày 01/4/2010 của UBND Thành phố.

Nơi nhận: *✓*

- Như điều 8;
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, XD, TC, CT, GTVT; Ngân hàng NN VN;
- Các Sở: KH&ĐT(05), TN&MT, TC, XD, QHKT, GTVT; Cục thuế TPHN;
- UBND quận Thanh Xuân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *✓*

KT. CHỦ TỊCH *✓*

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0105348644

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 05 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 12 tháng 07 năm 2021.

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOYOTA THANH XUAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TOYOTA THANH XUAN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 315, đường Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 565 6666

Fax: 043 853 6868

Email:

Website: toyotathanhxuan.com.vn

3. Vốn điều lệ

124.078.500.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ không trăm bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN (IDMC)		Số 15, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	80.593.500.000	65,000	0103003804	
2	TOYOTA TSUSHO CORPORATION (TTC) ĐẠI DIỆN: MIKIO ASANO		9-8, Meieki 4-chome, Nakamura-ku, Nagoya, 450-8575, Nhật Bản	43.485.000.000	35,000	1899-01-031731	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM VĂN QUYẾT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 23/01/1969 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011393783

Ngày cấp: 28/05/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 2A7, Tổ 31, Tập thể Đại học Ngoại ngữ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 2A7, Tổ 31, Tập thể Đại học Ngoại ngữ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 09-02-2022

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Cường

Số chứng thực: 2.0.1... Quyển 801... SCT/BS



TUQ. CHỦ TỊCH
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

Ngô Hồng Quang

HỢP ĐỒNG THUÊ VĂN PHÒNG

Số:01DA-IDMC-TCTVT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Thỏa thuận Hợp tác giữa Toyota Tsusho Corporation và Công ty CP Quản lý đầu tư và phát triển IDMC.
- Căn cứ vào văn bản ngàycủa Toyota Tsusho Corporation về việc uỷ quyền cho Công ty CP Quản lý đầu tư và phát triển IDMC thỏa thuận, ký kết Hợp đồng Thuê văn phòng với Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

Hôm nay, ngày 26 tháng 07 năm 2010, tại trụ sở Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ

Tên doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI**

Trụ sở: Số 5, phố Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Telephone: (04) 38241650

Fax: (04) 39331637

Giấy phép kinh doanh số: 0106000277 cấp ngày 15/01/2007

Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

Tài khoản số: 001704060031779

Mã số thuế: 0101148154

Đại diện: Ông Bùi Xuân Dũng

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

(dưới đây Bên Cho thuê gọi là "Bên A")

BÊN THUÊ

Tên doanh nghiệp: Công ty CP quản lý đầu tư và phát triển (IDMC)

Đại diện: Bà DƯƠNG THỊ XUÂN Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trụ sở: Số 15, Đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Telephone: (043) 7686666

Fax: (043) 7686597

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0103003804 cấp ngày 18.01.2008 tại Hà Nội.

Ngân hàng nơi mở tài khoản: Sở GD Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tài khoản số: 0011002597877

Mã số thuế: 0101459230

(dưới đây Bên thuê gọi là “Bên B”)

Trong hợp đồng này, Bên A và Bên B đều có thể được gọi là “các Bên”

Điều 1: Các định nghĩa:

- 1.1 “Văn phòng” là từ gọi chung cho “ Showroom bán và giới thiệu sản phẩm xe ô tô, văn phòng làm việc và xưởng bảo dưỡng sửa chữa ô tô” thuộc Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại 315 Trường Chinh, Quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- 1.2 “Diện tích cho thuê Văn phòng” bao gồm diện tích của Showroom bán và giới thiệu sản phẩm xe ô tô, văn phòng làm việc và xưởng bảo dưỡng, sửa chữa ô tô.
- 1.3 “Diện tích sử dụng chung” là phần diện tích bao gồm bãi đỗ xe, lối đi chung, cầu thang máy, cầu thang bộ... phục vụ cho việc lưu thông của tòa nhà nằm ngoài diện tích cho thuê.
- 1.4 “Hợp đồng” là Hợp đồng thuê văn phòng giữa Tổng Công ty Vận tải Hà Nội và bên thuê là Công ty cổ phần quản lý đầu tư và phát triển (IDMC)
- 1.5 “Ngày có hiệu lực” là ngày Hợp đồng này có hiệu lực theo quy định tại điều 10 Hợp đồng này.
- 1.6 “Thời hạn Hợp đồng” là thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này được quy định chi tiết tại Điều 10 Hợp đồng này.
- 1.7 “Thuế VAT” nghĩa là thuế giá trị gia tăng đang áp dụng tại Việt Nam.
- 1.8 “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2: Diện tích thuê và giá cho thuê Văn phòng

- 2.1 Bên B đồng ý thuê và Bên A đồng ý cho thuê Văn phòng làm việc với đặc điểm như sau:
 - Showroom & phòng dịch vụ: 780 m2.
 - Văn phòng làm việc: 750 m2.
 - Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa ô tô: 6.250m2.
 - Sân và phòng chờ: 2.345,8m2

2.2 Thời hạn thuê:

- Thời hạn thuê là 25 năm, kể từ ngày Bên A bàn giao toàn bộ, một lần diện tích cho thuê Văn phòng cho Bên B để đưa vào sử dụng

2.3 Giá thuê:

- Đơn giá bình quân cho toàn bộ diện tích thuê 25 năm là 2,1USD/m².tháng (Chưa bao gồm 10% thuế VAT)
- Tổng số tiền thuê cho 25 năm là 6.363.000 USD (Chưa bao gồm 10% VAT), được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam, tính theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền;
- Giá cho thuê kể trên là giá bình quân không thay đổi trong thời gian hiệu lực của hợp đồng này.

2.4 Trong trường hợp pháp luật về thuế VAT của Việt Nam có sự thay đổi về mức thuế suất thì các Bên thống nhất áp dụng mức thuế suất đó.

2.5 Bên thuê sẽ được quyền sử dụng diện tích sử dụng chung và bãi đỗ xe không tính phí được quy định chi tiết trong Phụ lục 1.

2.6 Việc đặt biển quảng cáo của Bên B bên ngoài diện tích thuê văn phòng được thực hiện theo quy định của Điều 9.4 của Hợp đồng.

Điều 3: Thời hạn thuê Văn phòng:

3.1 Thời hạn thuê Văn phòng là 25 năm, kể từ ngày Bên A bàn giao toàn bộ, một lần diện tích cho thuê Văn phòng cho Bên B để đưa vào sử dụng. Thời hạn thuê Văn phòng có thể được các Bên thoả thuận và tiếp tục gia hạn bằng Phụ lục của Hợp đồng.

3.2 Trong thời hạn thuê Văn phòng quy định tại Điều 3.1, Bên A không có quyền đơn phương tạm ngừng, đình chỉ, hủy bỏ hoặc thay đổi các điều khoản Hợp đồng này.

3.3 Không có bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này được hiểu là có sự chuyển giao quyền sở hữu nhà và/hoặc quyền sử dụng đất của Bên A đối với Bên B.

Điều 4: Đặt cọc và phương thức thanh toán

4.1 Đặt cọc

Bên B chuyển trả trước tiền đặt cọc thuê Văn phòng, bằng số tiền thuê một tháng cho Bên A với số tiền là 21.210 USD (hai mươi một ngàn hai trăm mười Đô La Mỹ) ngay sau khi ký kết Hợp đồng, để khẳng định quyền được thuê khu diện tích Văn phòng theo qui định tại Điều 2 hợp đồng này. Khoản tiền đặt cọc này sẽ được trừ vào tổng số tiền thuê Văn phòng mà Bên B phải trả cho Bên A theo qui định tại khoản 4.2 điều này.

4.2 Phương thức thanh toán

Tổng số tiền thuê Văn phòng cho thời hạn thuê 25 năm là 6.363.000 USD, được Bên B chuyển trả một lần ngay sau khi Bên A hoàn thành hạ tầng công trình và xuất trình biên bản nghiệm thu hạ tầng đã ký với bên thi công.

Thời điểm tính tiền thuê kể từ khi hai Bên ký biên bản bàn giao toàn bộ, một lần diện tích cho thuê Văn phòng để Bên B đưa vào sử dụng.

4.3 Hình thức thanh toán

Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm chuyển tiền.

4.4 Ngoài tiền thuê được quy định tại Điều 4.2, Bên B sẽ không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào dưới bất kỳ hình thức nào về việc thuê Văn phòng.

Điều 5 Chi phí điện, nước sạch, thông tin liên lạc và các dịch vụ khác.

Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí tiêu hao về điện, nước sạch, các dịch vụ khác (nếu có) mà Bên B sử dụng theo đơn giá được các cơ quan kinh doanh điện, nước Việt Nam áp dụng thanh toán cho bên A và thỏa thuận giữa Bên A với Bên B trong Phụ lục số 2.

Điều 6 Thỏa thuận về thiết kế và thi công

Để phù hợp với điều kiện kinh doanh của Bên B, các Bên sẽ thiết kế và thi công các tầng từ 1-3 thuộc phần diện tích đã thuê của Bên B theo quy định chi tiết tại Phụ lục số 3.

Điều 7 Thỏa thuận về duy tu bảo dưỡng công trình:

- 7.1 Bên A chịu trách nhiệm chung về duy tu bảo dưỡng mặt ngoài của tòa nhà và các hệ thống sử dụng chung bao gồm hệ thống xử lý nước thải, xử lý rác thải chung, hệ thống điện, hệ thống thang máy chung. Không bao gồm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và hệ thống xử lý chất hóa học và tiếng ồn quy định tại Phụ lục số 3 của Hợp đồng này cũng như các hệ thống nội bộ khác của Bên B do Bên B tự thiết kế và thi công trên diện tích thuê.
- 7.2 Bên B tự chịu trách nhiệm duy tu bảo dưỡng toàn bộ diện tích thuê bao gồm cả hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý chất hóa học và tiếng ồn và các hệ thống nội bộ khác (nếu có) phục vụ hoạt động của bên thuê trong toàn bộ thời gian thuê.

Điều 8 Trách nhiệm của Bên A

- Ngoài các trách nhiệm khác được quy định trong Hợp đồng này, Bên A sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề dưới đây:
- 8.1 Bên A chịu trách nhiệm và đảm bảo đối với Bên B rằng, Bên A có đầy đủ quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền cho thuê đối với diện tích cho thuê Văn phòng trước và trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này. Nếu theo các yêu cầu hợp lý của Bên B, Bên A sẽ cung cấp các giấy tờ pháp lý chứng minh các quyền đó của Bên A cho Bên B.
- 8.2 Bên A sẽ tiến hành bàn giao toàn bộ diện tích cho thuê Văn phòng trong tình trạng không có người sử dụng cho Bên B theo đúng các quy định tại Điều 2 trên đây. Việc bàn giao diện tích cho thuê Văn phòng giữa Bên A và Bên B sẽ được lập thành biên bản và biên bản này sẽ trở thành phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 8.3 Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên A phải đảm bảo quyền sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ đối với diện tích cho thuê văn phòng cho Bên B. Bên A sẽ chịu trách nhiệm về các tranh chấp đối với diện tích cho thuê văn phòng trước và trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này. Bên A không được gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến các hoạt động bình thường của Bên B. Bên A sẽ không được phép tiếp cận diện tích cho thuê văn phòng kể từ ngày Bên B chính thức hoạt động, trừ trường hợp được Bên B đồng ý trước bằng văn bản. Mọi sự tiếp cận diện

- tích cho thuê văn phòng của Bên A trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này đều phải có sự giám sát của Bên B.
- 8.4 Bên A chịu trách nhiệm nộp đầy đủ và đúng hạn tất cả các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc cho thuê văn phòng theo quy định của pháp luật. Nếu Bên B yêu cầu vì các mục đích tài chính - kế toán hay khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm, Bên A sẽ cung cấp kịp thời và đầy đủ các hoá đơn, chứng từ hợp pháp chứng nhận việc đã nộp tiền sử dụng đất và thuế nêu trên cho Bên B.
- 8.5 Bên A sẽ hỗ trợ Bên B, bằng chi phí của Bên B, trong việc xin và đạt được tất cả các sự chấp thuận cần thiết từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho việc sửa chữa, cải tạo diện tích cho thuê văn phòng theo yêu cầu thiết kế của Bên B phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam; tuy nhiên với điều kiện là việc sửa chữa, cải tạo diện tích cho thuê văn phòng không được làm thay đổi hay ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà, trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Bên A sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B sửa chữa, cải tạo diện tích cho thuê văn phòng phù hợp với yêu cầu sử dụng của Bên B. Tuy nhiên, cả hai Bên đồng ý rằng, Bên B sẽ luôn là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất đối với tất cả các tài sản mà Bên B trang bị tại Khu vực thuê trong suốt thời hạn của Hợp đồng này.
- 8.6 Bên A sẽ bàn giao nguồn cung cấp điện, nước và đồng hồ đo điện, đồng hồ đo nước để Bên B sử dụng tại diện tích cho thuê văn phòng.
- 8.7 Bên A sẽ phối hợp chặt chẽ cùng Bên B trong việc yêu cầu các cơ quan chức năng đảm bảo an ninh trật tự tại diện tích cho thuê văn phòng.
- 8.8 Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên A cam kết và đảm bảo với Bên B rằng việc cho thuê diện tích cho thuê văn phòng là phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 9 Trách nhiệm của Bên B

Ngoài các trách nhiệm khác được quy định trong Hợp đồng này, Bên B sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề dưới đây:

- 9.1 Bên B được sử dụng một cách trọn vẹn và riêng rẽ diện tích văn phòng thuê của Bên A theo đúng mục đích đã quy định trong Hợp đồng này. Trường hợp Bên B cho bên thứ ba thuê lại một phần hay toàn bộ diện tích khu vực đã được thuê trong khoảng thời hạn thuê còn lại để sử dụng theo các điều khoản trong hợp đồng này thì phải thông báo bằng văn bản cho Transerco.

- 9.2 Bên B không được phép mang vào khu vực diện tích văn phòng được thuê các vật liệu gây cháy nổ, chất độc, văn hoá phẩm độc hại và các loại mà nhà nước Việt Nam không cho phép hay các đồ dùng ngoài mục đích cho thuê văn phòng theo quy định tại Hợp đồng này.
- 9.3 Ngay sau khi Hợp đồng này có hiệu lực và diện tích cho thuê văn phòng đã được Bên A bàn giao cho Bên B, Bên B có quyền tiến hành đo đạc, khảo sát, thiết kế, sửa chữa, cải tạo và trang bị cho diện tích được thuê theo yêu cầu sử dụng riêng của mình. Các nội dung sửa chữa, cải tạo diện tích được thuê của Bên B phải tuân thủ các quy định về xây dựng cơ bản hiện hành, không được làm thay đổi hay ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà và không được làm ảnh hưởng hay gián đoạn việc sử dụng chung của tòa nhà trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về an toàn, kỹ thuật xây dựng, những thiệt hại do Bên B gây ra trong suốt quá trình cải tạo, sửa chữa và sử dụng diện tích được thuê. Thời hạn cải tạo phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- 9.4 Bên B có quyền treo các biển hiệu của mình bên ngoài diện tích được thuê, phù hợp với các quy định của Nhà nước về biển hiệu quảng cáo.
- 9.5 Bên B sẽ không làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và an ninh trật tự chung tại diện tích được thuê và trong khu vực; Bên B phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy nổ. Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm về sự cố hay hỏa hoạn do Bên B hoặc Bên thứ ba có liên quan đến Bên B gây ra tại diện tích được thuê và trong khu vực.
- 9.6 Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền thuê cho Bên A theo đúng các quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- 9.7 Bên B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác tại địa phương (nếu có) liên quan đến các hoạt động kinh doanh của mình tại diện tích văn phòng thuê của Bên A, đối với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bên B tự chịu trách nhiệm và giải quyết các vấn đề có liên quan đến các nhân viên cũng như hoạt động kinh doanh của Bên B tại diện tích được thuê theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc các tranh chấp với các pháp nhân, thể nhân khác.

Điều 10 Hiệu lực và thời hạn hợp đồng:

- 10.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Bên B chuyển khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng theo qui định tại Điều 4.1 của Hợp đồng này và sẽ có hiệu lực đến hết thời hạn thuê được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng. Các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
- 10.2 Trong trường hợp có bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này trở nên vô hiệu hoặc không thể thực hiện được theo pháp luật Việt Nam, thì chỉ có điều khoản liên quan đó bị coi là vô hiệu và không thể thi hành được. Phần còn lại của Hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc ; coi như là điều khoản nói trên đã không được đưa vào hợp đồng này. Các bên sẽ thảo luận và thỏa thuận với nhau một điều khoản hữu hiệu để thay thế điều khoản đã bị bãi bỏ.
- 10.3 Việc hủy bỏ hợp đồng đơn phương dưới bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào sẽ không được Bên còn lại chấp nhận.
- 10.4 Bên A đồng ý rằng trong trường hợp Bên B thành lập pháp nhân mới và có nhu cầu chuyển giao quyền khai thác diện tích văn phòng được thuê và các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này cho pháp nhân đó, sau khi nhận được văn bản thông báo của Bên B, Bên A sẽ thừa nhận tự cách, quyền lợi, nghĩa vụ của pháp nhân đó như đã qui định đối với Bên B tại Hợp đồng này.

Điều 11 Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 11.1 Ngay khi chấm dứt thời hạn của Hợp đồng này mà không có bất kỳ thỏa thuận gia hạn thêm nào.
- 11.2 Cả hai Bên cùng đồng ý từ bỏ các trách nhiệm đã cam kết của mình được quy định trong Hợp đồng này.
- 11.3 Toàn bộ diện tích văn phòng cho thuê bị thu hồi, phá hoặc tháo dỡ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 11.4 Mặc dù đã quy định ở trên, Hợp đồng này chỉ có thể chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của riêng Bên B khi một phần của diện tích được thuê bị thu hồi, phá hoặc tháo dỡ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp này, Bên B sẽ không phải thanh toán cho Bên A bất kỳ khoản bồi thường nào.

Điều 12. Bảo mật

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Các Bên có nghĩa vụ bảo mật những thông tin được Bên kia cung cấp cho Bên mình, ngoại trừ:

- 12.1 Bên cung cấp thông tin đồng ý tiết lộ các thông tin này;
- 12.2 Một Bên bị yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;
- 12.3 Một Bên bị yêu cầu cung cấp thông tin để kiểm toán hoặc để cung cấp tư vấn pháp lý chuyên nghiệp.
- 12.4 Các trường hợp khác theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên.

Điều 13 Bất khả kháng

- 13.1 Trường hợp bất khả kháng là những biến cố vượt ra ngoài sự kiểm soát của các bên và không lường trước được hoặc không thể tránh khỏi dù đã lường trước được và các biến cố đó ngăn cản toàn bộ hoặc một phần khả năng thực hiện nghĩa vụ của các bên. Trường hợp bất khả kháng bao gồm các vụ nổ, hỏa hoạn, thiên tai hoặc dịch họa, chiến tranh, bạo loạn, sự thay đổi chính sách, sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, sự can thiệp quân sự ... và các thảm họa khác tương tự hoặc khác biệt chưa lường hết được.
- 13.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do xuất hiện sự kiện bất khả kháng thì các nghĩa vụ nói trên sẽ được tạm hoãn trong suốt thời gian bị chậm trễ do trường hợp bất khả kháng gây ra và được tự động gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng thời gian tạm hoãn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm vật chất nào.
- 13.3 Bên bị ảnh hưởng bởi trường hợp bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho Bên kia bằng văn bản về trường hợp bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày, ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng và phải cung cấp các chứng cứ thích hợp về sự phát sinh và khoảng thời gian tồn tại của trường hợp bất khả kháng đó. Bên bị ảnh hưởng cũng phải tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- 13.4 Trong vòng 30 ngày từ khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên phải nhanh chóng đàm phán, giải quyết công bằng và cố gắng nhằm hạn chế tới mức tối đa các hậu quả của trường hợp bất khả kháng nói trên.

Điều 14. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

- 14.1 Hợp đồng chịu sự điều chỉnh và được diễn giải theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc tất cả những điều khoản trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo.
- 14.2 Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có bất kỳ tranh chấp, bất đồng nào phát sinh giữa các bên trong hợp đồng này hoặc liên quan đến hợp đồng này, các Bên sẽ cùng nhau thương lượng, hòa giải trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi và phù hợp với pháp luật Việt Nam hiện hành.
- 14.3 Trong trường hợp các Bên không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

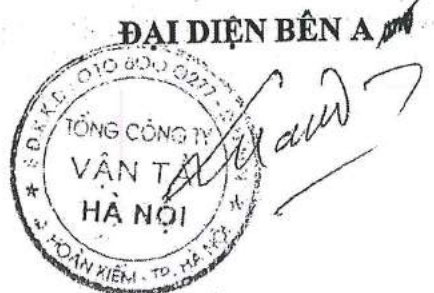
Điều 15 Liên lạc

- 15.1 Mọi thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư giao dịch giữa các bên trong hợp đồng được thực hiện bằng văn bản thông qua Thư bảo đảm; Fax, thư điện tử hoặc các hình thức tương đương khác theo địa chỉ được các bên cung cấp chính thức.
- 15.2 Ngày nhận được thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư giao dịch mà một Bên gửi cho Bên kia là ngày bên được gửi ký nhận trong trường hợp được giao tận tay hoặc gửi thư bảo đảm có ký nhận; xác nhận đã nhận được đối với trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử.

Điều 16 Ngôn ngữ của hợp đồng

Hợp đồng này và các văn bản liên lạc giữa các bên được lập bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt và có giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, đại diện có thẩm quyền hợp pháp của các bên đã ký vào hợp đồng này vào ngày tháng ... năm..., tại thành phố Hà Nội, Việt Nam và được lập thành 06 bộ gồm 06 bản tiếng Anh và 06 bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên sẽ giữ hai (03) bản gốc.



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T

Bùi Xuân Dũng



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Thị Xuân

PHỤ LỤC SỐ: 1
DIỆN TÍCH SỬ DỤNG CHUNG
VÀ BÃI ĐỖ XE KHÔNG TÍNH PHÍ CỦA BÊN B

I. Diện tích cho thuê: 10.125,80 m² (Nguyên tắc tính: theo mép trong của tường, cột theo bản vẽ thiết kế cơ sở của dự án) bao gồm:

- Tầng 1: Toàn bộ tầng 1 từ trục B -> F và từ trục 2 -> 11 trong đó bố trí Showroom, xưởng sửa chữa, sân sảnh và khu vực để biển hiệu.
- Tầng lửng: Toàn bộ mặt sàn tầng lửng (trừ khu vực thang máy, thang bộ, phòng điều hành của Bên A tại trục 3-4; E-F)
- Tầng 2: Toàn bộ mặt sàn tầng 2 (trừ khu vực thang máy, thang bộ).
- Tầng 3: Toàn bộ mặt sàn tầng 3 (trừ khu vực thang máy, thang bộ).

II. Diện tích sử dụng chung:

- Khu kỹ thuật (xử lý nước thải, máy phát điện, bể nước, trạm bơm) tầng hầm: 276 m²
- Đường dốc lên xuống từ vỉa hè lên sân tầng 1: 107 m²
- Cầu thang bộ, thang máy chở người từ tầng hầm lên đến tầng 3: 500 m²

III. Bãi đỗ xe không tính phí:

1. Nguyên tắc tính: Trên cơ sở tỷ lệ tổng diện tích sàn của Bên B thuê so với tổng diện tích sàn của công trình (không tính tầng hầm): $10.125,8/26.480 \approx 38\%$ và số chỗ đỗ xe theo quy hoạch tại hồ sơ thiết kế cơ sở của Dự án đối với tầng 1 và tầng hầm.
2. Trên nguyên tắc tính toán đã nêu hai bên thống nhất Bên B được sử dụng không tính phí 49 chỗ đỗ xe ô tô và 90 chỗ đỗ xe máy gồm các vị trí sau:
 - Sân tầng 1: toàn bộ chỗ đỗ xe ô tô của tầng 1 gồm 46 chỗ đỗ ô tô.
 - Tầng hầm: 03 chỗ đỗ xe ô tô và 90 chỗ đỗ xe máy (trùng đương với 03 dải đỗ xe máy).
3. Nguyên tắc sử dụng: Bên B được sử dụng miễn phí toàn bộ chỗ đỗ xe tại tầng 1 và chịu trách nhiệm bảo vệ, quản lý, duy tu duy trì trong thời gian thuê và 3 chỗ đỗ xe tại tầng hầm do Bên A quản lý, duy tu duy trì.

Ngoài ra, hai Bên thống nhất, trong trường hợp có lãnh đạo của Bên A hoặc lãnh đạo các Sở Ban, ngành, cơ quan của Thành phố đến làm việc với Bên A tại tòa nhà thì Bên B có trách nhiệm tạo điều kiện bố trí một số vị trí đỗ xe thuận tiện (khoảng 02 vị trí) tại tầng 1 để phục vụ công tác đối ngoại, ngoại giao.

PHỤ LỤC SỐ 2

TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN CỦA BÊN B ĐỐI VỚI CÁC CHI PHÍ TIÊU HAO VỀ ĐIỆN, NƯỚC SẠCH VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC

I. Trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng điện:

- Hệ thống điện cho Bên B sử dụng sẽ được thiết kế tách riêng, Bên B có trách nhiệm liên hệ để ký Hợp đồng cung cấp điện, quản lý vận hành và chi trả tiền điện trực tiếp với điện lực Đồng Đa đối với việc tiêu thụ điện của bên B theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II. Trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng nước sạch:

- Bên B có trách nhiệm liên hệ để ký Hợp đồng cấp nước sạch theo hộ riêng và thanh toán tiền sử dụng nước sạch với công ty kinh doanh nước sạch của Thành phố cho toàn bộ khối lượng Bên B sử dụng.

III. Các dịch vụ khác:

- Các dịch vụ khác của Bên A như trông giữ xe máy, xe đạp, ô tô... ngoài phần diện tích Bên B đã thuê và được sử dụng miễn phí (theo phụ lục số 1) thì Bên B thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ theo giá dịch vụ do Bên A quy định.
- Các chi phí khác có liên quan như phí vệ sinh môi trường, an ninh khu vực của địa phương...: các bên tự chi trả theo quy định. Trường hợp đơn vị cung ứng dịch vụ công của Nhà nước không thu riêng từng bên thì bên A sẽ đứng ra thay mặt bên B chi trả và phân bổ lại cho Bên B theo nguyên tắc phân chia tỷ lệ diện tích sử dụng.

PHỤ LỤC SỐ 3
THỎA THUẬN VỀ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG
PHẦN DIỆN TÍCH THUÊ CỦA BÊN B

I. Quy cách vật liệu hoàn thiện:

1. Sân, đường và bãi đỗ xe tầng 1:

- Tường chắn bao quanh mặt đường Trường Chinh, Vương Thừa Vũ ốp đá chẻ tự nhiên.
- Nền vị trí đỗ xe, sảnh và lối đi đổ bê tông XM, lát gạch GRANITO.

2. Vật liệu xây dựng hoàn thiện tầng 1 và tầng lửng:

a. Showroom:

- Nền lát gạch GRANITE nhân tạo kích thước 800x800.
- Vách kính mặt đường dùng cường lực dày 19 mm, Trần thạch cao sơn hoàn thiện, cửa, vách khung nhôm kính an toàn 2 lớp.
- Tường bao quanh xây gạch chỉ, trát vữa XM, sơn hoàn thiện.

b. Tầng lửng:

- Nền lát gạch GRANITE nhân tạo kích thước 600x600.
- Cửa gỗ công nghiệp, vách khung nhôm kính an toàn 2 lớp,
- Trần thạch cao, sơn hoàn thiện.
- Tường bao quanh xây gạch chỉ, trát vữa XM, sơn hoàn thiện.

c. Khu WC:

- Tường bao quanh xây gạch chỉ, trát vữa XM, sơn hoàn thiện.
- Nền lát gạch Ceramic chống trơn, tường ốp gạch Ceramic.
- Trần thạch cao chống ẩm.
- Hệ thống ống cấp nước chịu nhiệt do bên A đầu tư (Bảo hành 01 năm), hết thời hạn bảo hành bên B tự duy tu duy trì, thay mới. Thiết bị vệ sinh trong các khu vệ sinh của bên B do bên B tự đầu tư lắp đặt.

d. Khu sảnh thang máy:

- Nền lát đá GRANITE nhân tạo.
- Tường cửa buồng thang ốp đá GRANITE tự nhiên.

e. Vật liệu xây dựng hoàn thiện tầng 2+3:

- Tường bao quanh xây gạch chỉ, trát vữa XM, sơn hoàn thiện.
- Cửa, vách khung nhôm kính an toàn 2 lớp.

II. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống báo động (báo nhiệt, báo khói) tại các tầng 1, lửng, 2, 3 do bên A đầu tư quản lý vận hành.
- Hệ thống đường ống chữa cháy trên tường trong phần diện tích bên B thuê do Bên A đầu tư quản lý, duy tu duy trì theo toà nhà. Lãng, vòi chữa cháy bên A đầu tư bảo hành 01 năm theo công trình, hết hạn bảo hành bên B tự duy tu, duy trì và thay mới theo quy định. Bên B tự đầu tư bình chữa cháy lưu động theo nhu cầu sử dụng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật về PCCC.
- Hệ thống chữa cháy tại các tầng còn lại do Bên A đầu tư, quản lý và vận hành.

III. Hệ thống điện:

1. Phần điện sử dụng chung cho toàn bộ tòa nhà:

- Trạm biến áp 2500 KVA do bên A đầu tư sử dụng cho cả toà nhà. Đảm bảo cấp nguồn cho bên B công suất 1000KVA
- Điện sử dụng cho thang máy (thang người và thang nâng) do bên A đầu tư, quản lý, vận hành.
- Điện chiếu sáng tầng hầm, máy bơm thoát nước tầng hầm do bên A đầu tư, quản lý, vận hành.

2. Hệ thống điện cho diện tích thuê của bên B:

- Hệ thống điện cho Bên B sử dụng sẽ được thiết kế tách riêng có công suất 1000KVA (nếu Bên B sử dụng vượt công suất 1000KVA thì Bên B tự đầu tư thay thế máy biến áp đảm bảo phục vụ sản xuất của Bên B) để Bên B quản lý vận hành và chi trả tiền điện trực tiếp với điện lực Đồng Đa.
- Bên A đầu tư lắp đặt 01 tủ điện phân phối tại trạm biến áp và bàn giao cho bên B quản lý, vận hành.
- Hệ thống cấp điện đến các tầng: Cấp điện được đi trong máng cáp và hộp kỹ thuật cấp đến các tủ điện tổng các tầng 1, tầng lửng, tầng 2 do bên A đảm nhận. Cấp điện cấp lên tủ điện tầng 3 do Bên B tự đầu tư.
- Điện chiếu sáng trong nhà: Hệ thống dây dẫn, ổ cắm, công tắc, bóng đèn... tầng 1 khu văn phòng và tầng lửng do Bên A đầu tư 1 lần đầu theo thiết kế được duyệt (bảo hành 1 năm theo công trình) và bàn giao cho Bên B quản lý sử dụng. Bên B chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và thay thế nếu hỏng hóc. Hệ thống dây dẫn, ổ cắm, công tắc, bóng đèn... xưởng tầng 1, tầng 2, tầng 3 do Bên B tự đầu tư.
- Điện chiếu sáng ngoài nhà: Do Bên A đầu tư theo thiết kế được duyệt.
- Hệ thống điện động lực: Bên A đầu tư cấp cáp đến tủ điện xưởng tầng 1, tầng 2. Bên B tự đầu tư cấp cáp đến tủ tầng 3. Sau tủ điện xưởng tầng 1, 2, 3 bên B tự đầu tư xây dựng.

3. Điện dự phòng:

- Máy phát điện dự phòng của bên A: cung cấp điện dự phòng cho hệ thống thang máy, chiếu sáng bảo vệ.
- Máy phát điện dự phòng của bên B: do bên B tự đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh của bên B. Bên B tự duy tu, duy trì (Bên A xây dựng bố trí 01 buồng đặt máy phát dự phòng cho bên thuê).

IV. Hệ thống thang máy:

- Thang máy chở ô tô phục vụ cho các tầng do Bên A đầu tư, quản lý, vận hành. Trường hợp bên B có nhu cầu sử dụng thì phải thống nhất với bên A về chi phí sử dụng.
- Thang máy chở người phục vụ cho các tầng do Bên A đầu tư, quản lý, vận hành.

V. Điện nhẹ:

- Hệ thống camera quan sát tòa nhà do Bên A đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành. Hệ thống camera quan sát phục vụ cho Bên B do Bên B tự đầu tư.
- Hệ thống âm thanh thông báo công cộng phục vụ chung cho tòa nhà do Bên A đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành. Hệ thống âm thanh thông báo phục vụ cho điều hành, sản xuất của Bên B do Bên B tự đầu tư.
- Hệ thống mạng cho máy tính và điện thoại nội bộ tầng 1, tầng lửng, 2, 3: Bên A đầu tư lắp đặt dây dẫn theo thiết kế (không đầu tư thiết bị) bàn giao cho bên B quản lý, vận hành, bên A bảo hành 01 năm theo công trình, hết thời hạn bảo hành bên B tự duy tu, duy trì thay thế phục vụ sản xuất kinh doanh của bên B.

VI. Hệ thống điều hòa, thông gió:

- Hệ thống điều hòa, thông gió các tầng 1, tầng lửng, 2, 3: Bên B tự đầu tư lắp đặt.

VII. Hệ thống cấp nước sạch:

- Nước sạch của Thành phố được cấp vào bể chứa tại tầng hầm có 2 ngăn dành riêng cho Bên A, Bên B và có đồng hồ đo đếm riêng. Bên A sẽ lắp đặt máy bơm, nước cấp cho bên B sẽ được bên B bơm lên bể chứa riêng trên mái cấp xuống đi riêng (Bên A chịu trách nhiệm bảo hành thiết bị, máy bơm theo quy định của nhà cung cấp, sau thời gian quy định bên B tự bảo trì và thay mới).

VIII. Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

- Sử dụng chung trong hệ thống thoát nước của toàn bộ công trình.
- Toàn bộ bể phốt của tòa nhà do Bên A đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, duy trì và vận hành.

- Hệ thống xử lý nước thải do Bên B đầu tư xây dựng, quản lý, chịu trách nhiệm duy tu, duy trì và vận hành.
- Bên B có trách nhiệm chính khi làm việc với cơ quan quản lý về môi trường dưới sự hỗ trợ về hồ sơ thủ tục của Bên A. Chi phí kiểm tra về chất lượng nước thải hàng năm (nếu có) sẽ được hai bên chia sẻ chi phí theo tỷ lệ 50/50.

IX. Hệ thống xử lý chất hóa học và tiếng ồn do quá trình sản xuất:

- Bên B cam kết không để bất kỳ hóa chất độc hại hoặc tiếng ồn gây ảnh hưởng đến môi trường theo quy định. Nếu có sử dụng bất kỳ công nghệ nào có thể gây ô nhiễm môi trường, bên B phải tự đầu tư hệ thống thiết bị xử lý trên cơ sở chấp thuận về mặt bằng của bên A và phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép sử dụng.

X. Sơn nội, ngoại thất các tầng:

- Phần sơn nội, ngoại thất tòa nhà do Bên A đầu tư khi xây dựng. Sau khi bàn giao thì Bên B tự duy tu, duy trì sơn nội, ngoại thất các tầng thuê.
- Thời điểm sơn lại ngoại thất: Khi ngoại thất bị xuống cấp ảnh hưởng tới mỹ quan tòa nhà, hai bên thống nhất ít nhất 05 năm sơn lại một lần. Thời điểm và màu sơn sẽ được hai bên thống nhất trước khi thực hiện.

XI. Các vấn đề khác: Ngoài thiết kế đã thống nhất ở trên, trong quá trình sử dụng nếu bên B có nhu cầu thay đổi, bổ xung thì bên B phải thống nhất trước với bên A và tự chi trả chi phí đầu tư.

CHỨNG THỰC BẢN SÁO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 14-11-2017

Số chứng thực: 12965-11 Quyển số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Kỳ Lân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Toàn bộ diện tích mặt bằng cho thuê và các hệ thống, thiết bị kèm theo
theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01DA-IDMC-TCTVT ngày 26/07/2010

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2012, tại toà nhà 315 Trường Chinh, Thanh
Xuân, Hà Nội chúng tôi gồm có:

Bên giao: TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI (Bên A)

Địa chỉ: Số 5, phố Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 38241650

Fax: 39331637

Người đại diện: Ông Nguyễn Phi Thường

Chức vụ: Tổng giám đốc

**Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN (Bên B)**

Địa chỉ: Số 15, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 0437686666

Fax: 0437686597

Người đại diện: Bà Dương Thị Xuân

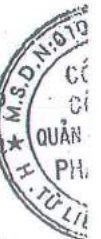
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Căn cứ:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 01DA-IDMC-TCTVT ngày 26/07/2010 (Hợp đồng) giữa Tổng công ty Vận tải Hà Nội và Công ty CP Quản lý đầu tư và Phát triển và các Phụ lục kèm theo;
- Các Biên bản bàn giao các hệ thống, thiết bị kèm theo phục vụ cho hoạt động của phần diện tích mặt bằng Bên B thuê của Bên A theo nội dung của Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng;

Hai Bên thống nhất ký biên bản bàn giao toàn bộ diện tích mặt bằng Bên A cho Bên B thuê và các hệ thống, thiết bị kèm theo theo nội dung của Hợp đồng, cụ thể như sau:

1. Toàn bộ diện tích mặt bằng cho thuê gồm: Showroom; Phòng dịch vụ; Văn phòng làm việc; Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; Sảnh và phòng chờ; các khu kỹ thuật sử dụng riêng; các vị trí đỗ xe ô tô, xe máy miễn phí... theo đúng thoả thuận tại khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng và Phụ lục số 1 của Hợp đồng.
2. Toàn bộ hệ thống, thiết bị kèm theo phục vụ cho hoạt động của phần diện tích mặt bằng cho thuê gồm: Hệ thống điện, điện nhẹ, thông tin liên lạc.



PCCC, cấp nước, thoát nước, điều hoà thông gió...theo đúng các điều khoản của Hợp đồng và Phụ lục số 3 của Hợp đồng.

3. Bên B có nghĩa vụ thanh toán các chi phí về điện, nước sạch và các dịch vụ khác... kể từ ngày Bên B sử dụng theo quy định tại Hợp đồng và Phụ lục số 2 của Hợp đồng.

Hai bên thống nhất Bên A đã bàn giao đầy đủ, toàn bộ diện tích văn phòng cho thuê cho Bên B theo đúng thoả thuận tại Hợp đồng.

Toàn bộ công việc bàn giao được kết thúc cùng ngày. Hai bên thống nhất với các nội dung bàn giao trên và không có ý kiến gì khác. Biên bản này được lập thành 6 bản gốc có giá trị hiệu lực pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 3 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thuường

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Dương Thị Xuân



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**

Số: 72./QĐ-IDMC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Vv: Giao diện tích thuê theo Hợp đồng số 01DA-IDMC-TCTVT
cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân quản lý**

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư và Phát triển;
- Căn cứ Thỏa thuận Hợp tác giữa Toyota Tsusho Corporation và Công ty CP Quản lý đầu tư và phát triển IDMC;
- Căn cứ Hợp đồng thuê nhà số 01DA-IDMC-TCTVT ngày 26/7/2010.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao toàn bộ diện tích thuê tại Hợp đồng số 01DA-IDMC-TCTVT ký ngày 26/7/2010 giữa Công ty CP Quản lý đầu tư và phát triển IDMC và Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, cho Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân quản lý và sử dụng bắt đầu từ ngày 01/5/2011.

Điều 2. Ban quản lý dự án phối hợp cùng Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân thực hiện tiếp nhận mặt bằng để quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý.

Điều 3. Các Ông (bà) Ban giám đốc Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân, các phòng, ban chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- HĐQT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu V

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng Giám đốc



Trịnh Cao Huy

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2488/GUQ - TCT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2016

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN



TỔNG TP. HÀNH CHÍNH - KHÁCH HÀNG

Duyệt *Chị Minh Anh*

Căn cứ Quyết định số 72/2004/QĐ-UB ngày 14/5/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Vận tải Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con; Quyết định số 112/2004/QĐ-UB ngày 20/7/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung Quyết định số 72/2004/QĐ-UB và Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty vận tải Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Vận tải Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 944/GUQ-TCT ngày 01/6/2016.
- Căn cứ Hợp đồng thuê địa điểm số 01DA-IDMC-TCTVT ngày 26/07/2010.

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

Tên giao dịch: HANOI TRANSPORT CORPORATION LTD.

Tên viết tắt: TRANSERCO.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Trung - Số CMND: 001070000054 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/11/2012.

Chức danh: Tổng giám đốc Tổng công ty vận tải Hà Nội

Địa chỉ: Số 5 phố Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043. 8241650

Fax: 043. 9331637

ỦY QUYỀN CHO

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Tên giao dịch: TOYOTA THANH XUAN COMPANY LTD

Tên viết tắt: TOYOTA THANH XUAN Co.,LTD

Người đại diện: Ông Kim Văn Quyết. Số CMND: 011393783 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/5/2011.

Chức danh: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 043. 565.6666 Fax: 043. 853.6868

Phạm vi ủy quyền: Được thay mặt Tổng công ty Vận tải Hà Nội:

- Chịu trách nhiệm trực tiếp làm việc với cơ quan quản lý về môi trường dưới sự hỗ trợ về mặt pháp lý của Tổng công ty Vận tải Hà Nội, liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước của "Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành" tại địa chỉ số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Gọi tắt là Tòa nhà 315 Trường Chinh).

- Trực tiếp làm việc, ký các biên bản làm việc và các biên bản khác có liên quan với các Đoàn kiểm tra về tình hình môi trường, tài nguyên nước tại Tòa nhà 315 Trường Chinh.
- Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, duy trì và vận hành Hệ thống xử lý nước thải của Tòa nhà 315 Trường Chinh.
- Thực hiện những hồ sơ môi trường cụ thể như sau:
- Hồ sơ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Xây dựng Quy trình và nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải cho Tòa nhà.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp.
- Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của Tòa nhà định kỳ theo đúng quy định pháp luật.
- Thu gom, vận chuyển và xử lý các chất thải nguy hại theo quy định.
- Chịu trách nhiệm về mặt pháp lý theo quy định hiện hành của Pháp luật về những hồ sơ, văn bản có liên quan đến hồ sơ môi trường của Tòa nhà.

Bên được ủy quyền tại văn bản này phải:

- Thực hiện đúng nội dung - phạm vi được ủy quyền;
- Không được phép ủy quyền lại cho bên thứ ba;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bên ủy quyền về những công việc được ủy quyền trên.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.



Kim Văn Quyết



Nguyễn Hoàng Trung

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo)
- Trưởng BKS (để kiểm tra)
- Bên ủy quyền, Bên được ủy quyền
- Ban TCKT, KHĐT, TC-TL, VP
- Lưu VP TCT, Công ty TNHH Toyota TX.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tổng Công ty vận tải Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp: 0101148154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/6/2016

Địa chỉ trụ sở: Số 5 phố Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

CE 039042

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



010035216000139

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **Khu 2**, tờ bản đồ số:
b) Địa chỉ: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
c) Diện tích: 5022,8m², (bằng chữ: năm nghìn không trăm hai mươi hai phẩy tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Xây dựng Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
e) Thời hạn sử dụng: 50 năm kể từ ngày 21/5/2012
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

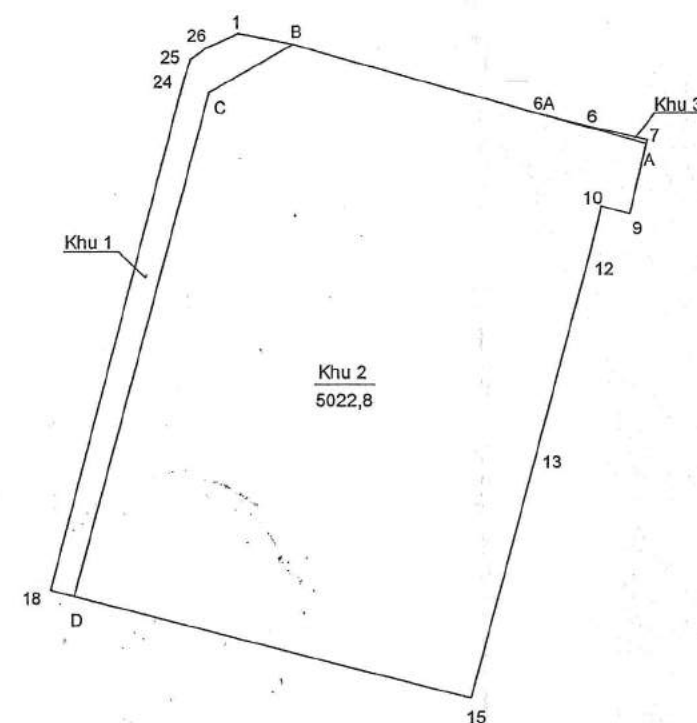
5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Số tờ, số thửa sẽ được hiệu chỉnh khi có bản đồ địa chính chính quy.
- 356,0m² đất (khu 1+khu 3) nằm trong chỉ giới quy hoạch mở đường; giao chủ đầu tư làm vỉa hè phục vụ chung trong khu vực; sau khi làm xong, bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định.
- Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 và Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Theo Biên bản bàn giao mốc giới ngày 29/4/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: Quyền số: SCT/BS

Ngày: 26/9/2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TU. CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Ánh Hương



Nguyễn Hữu Nghĩa

Số vào sổ cấp GCN: CT 04205

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đã Lúa A. Tân ngày 6/10/2010

BẢN SAO

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1406/QHKT-P2

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2010

V/v: Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại khu đất số 315 đường Trường Chinh, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Kính gửi: **Tổng Công ty Vận tải Hà Nội** /

Địa chỉ: Số 5 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội nhận được hồ sơ kèm theo công văn số 561/TCT-BQLDA ngày 31/3/2010 của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội đề nghị thỏa thuận quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ khu đất do Tổng công ty đang quản lý sử dụng tại số 315 đường Trường Chinh, Quận Thanh Xuân để lập dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành. Sau khi xem xét, Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến như sau:

Theo Bản trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty CP Phát triển công nghệ trắc địa Việt Nam lập tháng 6/2009, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/7/2009 và UBND phường Khương Mai xác nhận không có tranh chấp khiếu kiện ngày 09/7/2009, khu nhà và đất nêu trên hiện do Tổng Công ty Vận tải Hà Nội sử dụng làm Bãi đỗ xe, sản xuất, kinh doanh với diện tích khoảng 5348,8m² có vị trí: phía Bắc giáp đường Trường Chinh, phía Tây giáp đường Vương Thừa Vũ, phía Nam giáp dân cư hiện có thuộc phường Khương Mai, phía Đông giáp Xi nghiệp may 247 phòng không không quân. Hiện trạng trên khu đất có 1 số công trình cao 1 tầng.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại công văn số 9365/UBND-KH&ĐT ngày 29/9/2009 chấp thuận giao Tổng công ty Vận tải Hà Nội nghiên cứu lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại địa điểm trên theo đúng qui mô đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến tại công văn số 1644/QHKT-P2 ngày 07/7/2009; Theo đề nghị của Tổng công ty tại công văn số 313/TCT-BQLDA ngày 05/02/2010, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có công văn số 698/QHKT-P2 ngày 10/3/2010 chấp thuận về nguyên tắc đầu tư xây dựng công trình Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành tại địa điểm nêu trên và nêu các yêu cầu để Tổng công ty bổ sung hoàn chỉnh bản vẽ theo qui định.

Sau khi xem xét bản vẽ Quy hoạch Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc tại khu đất nêu trên do Công ty Kiến trúc HAAI lập tháng 12/2009 và tháng 01/2010 gửi kèm theo công văn số 561/TCT-BQLDA ngày 31/3/2010. Căn cứ Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận về nguyên tắc Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án thiết kế sơ bộ về kiến trúc với những nội dung và yêu cầu sau:

1/ Về quy hoạch tổng mặt bằng: Tổng diện tích đất nghiên cứu 5.348,8m² trong đó: Diện tích đất nằm trong phạm vi mở đường là 261,2m², diện tích đất nghiên cứu xây dựng công trình là 5.087,6m²; Diện tích xây dựng 3.300m²; Tổng diện tích sàn xây dựng 28.345m² (chưa kể diện tích sàn tầng hầm); Mật độ xây dựng 64%; Tầng cao công trình 08 tầng; Công trình có khoảng lùi so với chỉ giới đường Trường Chinh 6m, đến chỉ giới đường Vương Thừa Vũ là 6,5m; Khoảng cách từ công trình đến ranh giới phía Đông ô đất chỗ nhỏ nhất khoảng 6m, đến ranh giới phía Nam ô đất chỗ nhỏ nhất khoảng 8,3m với các lưu ý:

- Kiểm tra kích thước công trình để định vị công trình đảm bảo khoảng lùi theo đề xuất. Hoàn thiện sân đường nội bộ, đảm bảo yêu cầu tập kết thoát người theo qui định.

2/ Về phương án kiến trúc sơ bộ: có chức năng “ Nhà để xe cao tầng kết hợp văn phòng điều hành” với nội dung và yêu cầu sau:

- Tầng hầm: bố trí để xe, bảo vệ, kỹ thuật toà nhà, chiều cao 3m. Có giải pháp kỹ thuật để đảm bảo không ảnh hưởng đến các công trình lân cận khu đất, đảm bảo độ dốc và bán kính quay xe theo Tiêu chuẩn thiết kế và các yêu cầu về PCCC, thoát hiểm được cơ quan thẩm quyền thẩm định và thoả thuận theo quy định, đảo bảo yêu cầu diện tích khoang chầy theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Tầng 1 bố trí sảnh, văn phòng giao dịch, kiểm soát bảo dưỡng: Diện tích sàn xây dựng 3.300m², cao 3,95m; Tầng lửng bố trí văn phòng: Diện tích sàn xây dựng 1.085m², chiều cao 3,25m; Tầng 2 và 3 bố trí để xe, bảo vệ, phòng chức năng, mỗi tầng có: diện tích sàn xây dựng 3.300m² và cao 4,95m; Từ tầng 4 đến 6 bố trí để xe, bảo vệ, mỗi tầng có: diện tích sàn xây dựng 3.300m² và cao 3,3m ; Tầng 7 và 8 bố trí văn phòng: diện tích sàn xây dựng tầng 7 là 3.300m², tầng 8 là 3.075m², chiều cao mỗi tầng 3,3m; Trên mái bố trí tum thang kỹ thuật và không gian phục vụ cho công trình: Diện tích sàn xây dựng 1.085m², giảm chiều cao kỹ thuật tum thang xuống khoảng 3m. Tổng diện tích sàn xây dựng 27.260m² (kể cả diện tích tum thang, nhưng không bao gồm diện tích tầng hầm), chiều cao công trình tính từ cao độ sân đường nội bộ đến đến điểm mái 33.6m.

Quá trình triển khai các công việc tiếp theo cần lưu ý:

- Bổ sung thang thoát hiểm cho tầng hầm lên mặt đất và cho các tầng đảm bảo bán kính 25m theo Tiêu chuẩn thiết kế (phương án có cự ly thoát người tới thang trên 30m không phù hợp yêu cầu PCCC).

- Cần có phương án, giải pháp bố trí trang thiết bị và hệ thống cấp nước PCCC phải được cơ quan PCCC thoả thuận theo qui định.

- Các tầng bố trí văn phòng cần tính toán đủ diện tích khu vệ sinh và nghiên cứu bố trí tại vị trí thuận tiện sử dụng.

- Có giải pháp thiết kế đảm bảo yêu cầu môi trường, hạn chế ảnh hưởng tiếng ồn, khói bụi ... tại khu vực và được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận.

- Nghiên cứu kỹ hình thức kiến trúc công trình (chi tiết kiến trúc mặt đứng, sử dụng vật liệu, màu sắc...) để phù hợp với chức năng sử dụng và đóng góp hiệu quả cho cảnh quan kiến trúc tại khu vực.

(Bản vẽ được xác nhận kèm theo công văn này và lưu trữ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội).

Sở Quy hoạch-Kiến trúc Hà Nội trả lời để Tổng công ty Vận tải Hà Nội được biết hoàn chỉnh phương án thiết kế công trình trong quá trình triển khai các công việc tiếp theo qui định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ... tháng ... năm 20...

Nơi nhận:

- Như trên:

- Giám đốc Sở (để b/c):

- Lưu VP-P2 (03)

UBND PHƯỜNG NGUYỄN DU, HBT-HÀ NỘI
CHỖ THỰC BẮN SẴO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 17-05-2010

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Tuấn Định

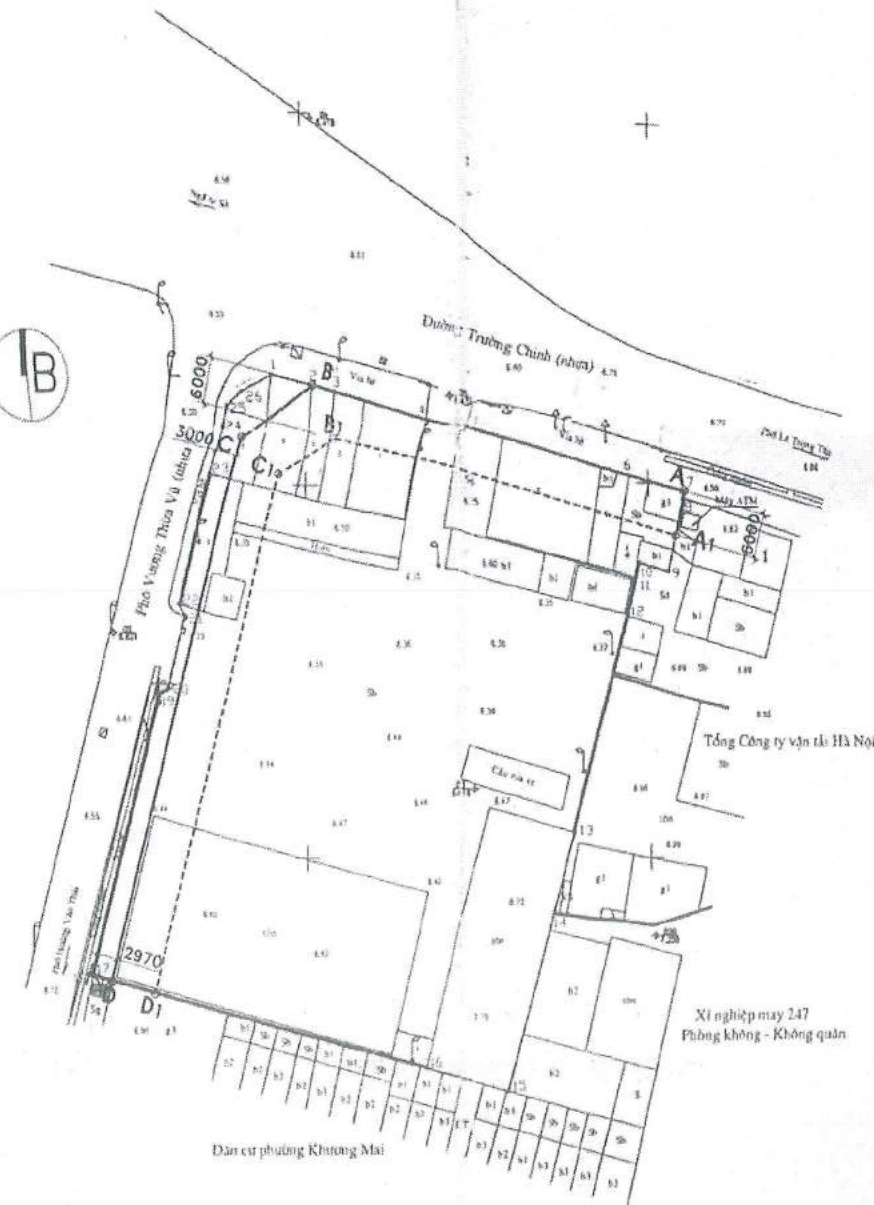
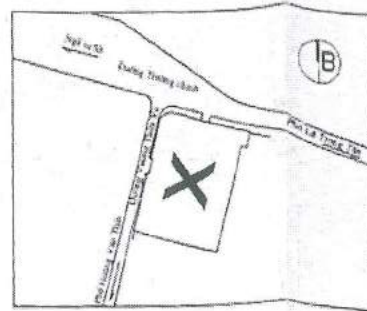
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Nguyễn Trọng Lâm

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hạnh

VỊ TRÍ KHU ĐẤT NGHIÊN CỨU



GHI CHÚ:

Ranh giới khu đất: 1, 2, 32, 33
 Chỉ giới đường bộ: A-B-C-D
 Chỉ giới xây dựng: A-B-C-D

- Bản vẽ này do Ban Quản lý Quy hoạch, Xây dựng, Công an, Cảnh sát, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát an ninh, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Cảnh sát môi trường và Cảnh sát văn hóa phối hợp thực hiện.
 - Bản vẽ này chỉ dùng để tham khảo và không được sử dụng để xây dựng.

CÁC CĂN CỨ VÀ CƠ SỞ ĐỀ XUẤT:

- Căn cứ luật xây dựng nước Cộng hòa Việt Nam năm 2004.
 - Căn cứ quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 15/05/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.
 - Căn cứ công văn số 1644/QĐKT ngày 07/02/2009 của Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội về việc trả lời thông tin thắc mắc của Ban Quản lý Quy hoạch, Xây dựng, Công an, Cảnh sát, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát an ninh, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Cảnh sát môi trường và Cảnh sát văn hóa.
 - Căn cứ công văn số 1239/TC-UBND ngày 14/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.
 - Căn cứ báo cáo số 1007/BC-UBND ngày 14/08/2009 của Sở Quy hoạch và Xây dựng Hà Nội về việc trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.
 - Căn cứ công văn số 1239/TC-UBND ngày 14/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.
 - Căn cứ công văn số 1239/TC-UBND ngày 14/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.
 - Căn cứ công văn số 1239/TC-UBND ngày 14/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 của khu vực nghiên cứu.

TU VẤN THIẾT KẾ ĐỀ XUẤT:

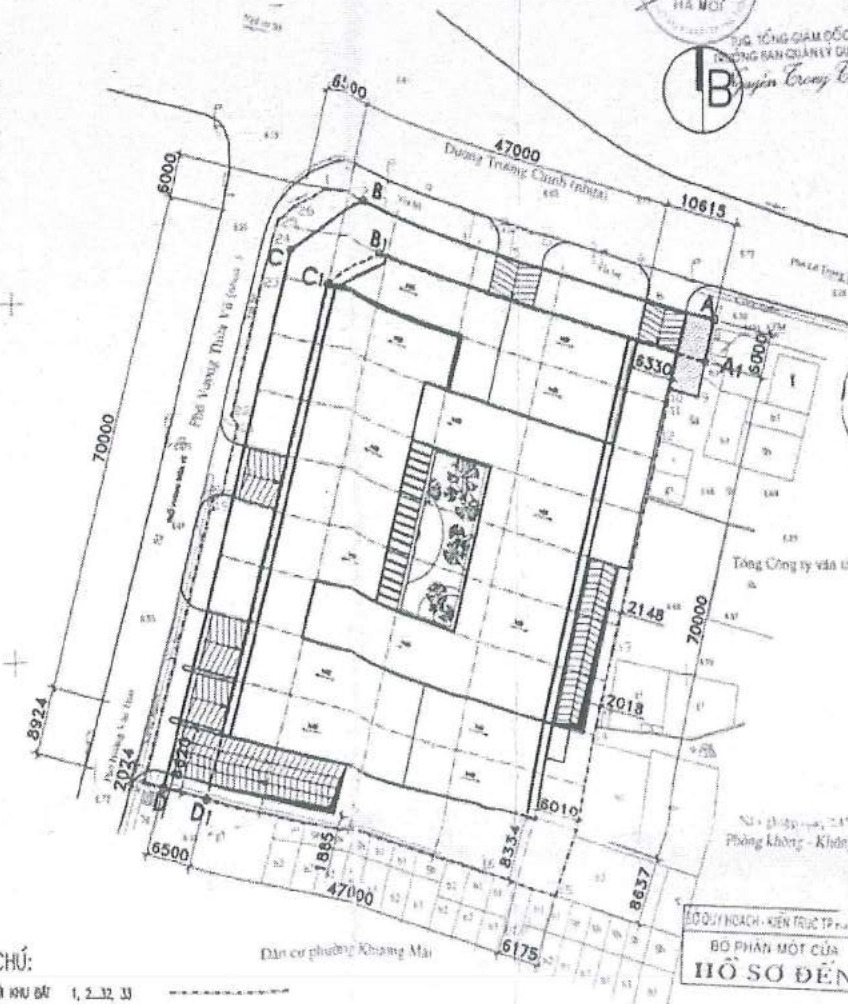
- Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch tổng mặt bằng có diện tích 5348,8 m² được chia thành các lô: 1, 2, 32, 33.
 + Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch tổng mặt bằng có diện tích 5087,6 m² được chia thành các lô: 1, 2, 32, 33.
 + Phần đất dành để xây dựng có diện tích 3300 m² được chia thành các lô: 1, 2, 32, 33.

GHI CHÚ:

- Mốc A, B, C, D là chỉ giới đường bộ.
 - Các mốc được xác định bằng tọa độ và bán kính theo tỷ lệ 1/500.
 - Các mốc được xác định bằng tọa độ và bán kính theo tỷ lệ 1/500.
 - Các mốc được xác định bằng tọa độ và bán kính theo tỷ lệ 1/500.
 - Các mốc được xác định bằng tọa độ và bán kính theo tỷ lệ 1/500.

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHÍNH	
Tổng diện tích khu đất nghiên cứu lập quy hoạch	5348,8 m ²
- Trong đó:	
+ Phần diện tích dành để xây dựng	281,2 m ²
+ Phần diện tích dành để xây dựng	5087,6 m ²
Diện tích xây dựng	3300 m ²
Tổng diện tích sàn (chưa kể diện tích tầng hầm)	28345 m ²
Mật độ xây dựng	64%
Hệ số sử dụng đất	5,8 lần
Loại công trình (không kể thực vụ xây)	8 tầng

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG (TỶ LỆ 1:500)



CHI CHÚ:

Ranh giới khu đất: 1, 2, 32, 33
 Chỉ giới đường bộ: A-B-C-D
 Chỉ giới xây dựng: A-B-C-D

QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC HÀ NỘI CHẤP THUẬN BẢN VẼ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG DO CÔNG TY KIẾN TRÚC HAUI - TRƯỜNG DH KIẾN TRÚC HÀ NỘI ĐỀ XUẤT TRONG BẢN VẼ NÀY ĐỂ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG. (KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 1644/QĐKT P.2, NGÀY 07/02/2009)

HÀ NỘI NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2010
 SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC HÀ NỘI

KT. GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN VĂN SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ
 TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

KT. GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN VĂN SƠN

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG - 1:500

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI - NHÀ ĐỂ XE CAO TẦNG VÀ VÁN PHÒNG ĐIỀU HÀNH 115 TRƯỜNG CHÍNH

PAKT

QH.01

1233-TC/12-2009

Hà Nội, ngày 30 tháng 04 năm 2013



SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 01.001229.T
(Cấp lần: 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân

Địa chỉ văn phòng: Số 15 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 043 7686666 Fax: 043 7686597

Tài khoản số: 0491008688888 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số: 011022001177-KD ngày cấp: 11/5/2011

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và danh sách chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Các trách nhiệm khác:
Đăng ký cấp lại Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có sự thay đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCMT.



Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 01.001229.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần đầu ngày tháng năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: TOYOTA Thanh Xuân – Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân

Địa chỉ: Số 315 đường Trường Chinh, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 043 5656666

Fax: 043 8536868

2. Danh sách CTNH đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30.000	17 02 03
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc (giẻ lau dính dầu, mùn cưa dính dầu, lọc buồng sơn, lọc mặt nạ, giấy ráp dính sơn và matid)	Rắn	4.800	18 02 01
3	Bộ lọc dầu thải	Rắn	120	15 01 02
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ hộp đựng dầu, sơn, dung môi)	Rắn	60	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ hộp đựng dầu, sơn, dung môi)	Rắn	60	18 01 03
6	Sơn thải khô, matid thải	Rắn	120	08 01 01
7	Dung môi pha rửa thải	Lỏng	1.200	08 01 05
8	Nước làm mát	Lỏng	240	19 10 01
9	Cặn lắng bề nước thải	Bùn	12.000	12 06 06
10	Xăng dầu rửa thải	Lỏng	12	17 06 02
11	Ắc quy thải	Rắn	12	19 06 01
12	Má phanh chứa amiăng	Rắn	2,4	15 01 06
13	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,2	16 01 06
14	Kim loại dính dầu	Rắn	12	11 04 01
	Tổng số		48.639,6	

001172
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TOYOTA
THANH XUÂN
THANH XUÂN - T.P

YẾ
RUC

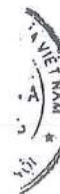
3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

<i>TT</i>	<i>Tên chất thải</i>	<i>Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)</i>	<i>Số lượng trung bình (kg/năm)</i>
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	348
2	Nhựa phế liệu thải không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	348
3	Kim loại phế liệu không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	144
4	Kính	Rắn	216
5	Lốp cao su	Rắn	144
	Tổng số		1200

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: không có

5. Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



26

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
Số: 81 /CNTD - PCCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA
Ngày 31/3/2004

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 03 năm 2004 của Bộ Công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số: 132/TCT-BQLDA ngày 24/01/2011, của: Tổng Công ty vận tải Hà Nội.

Người đại diện là ông (bà): Trần Văn Nhân; Chức danh: Trưởng ban quản lý dự án.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CHỨNG NHẬN

Công trình: NHÀ ĐỂ XE CAO TẦNG VÀ VẬN PHÒNG ĐIỀU HÀNH

Địa điểm: Số 315, Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

Chủ đầu tư: Tổng Công ty vận tải Hà Nội

Đơn vị thiết kế: Công ty kiến trúc HAAI - Trường Đại học Kiến trúc

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Bậc chịu lửa công trình. Thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống đèn thoát nạn; Hệ thống cấp nước chữa cháy và bình chữa cháy cho công trình.

Theo các tài liệu và bản vẽ ghi ở trang 2

Các yêu cầu kèm theo:

- Khoảng ngăn cháy tầng hầm cho phép 3000m², màn nước Drencher bố trí thành 2 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun ≥ 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước. Thang bộ trong nhà có buồng thang kín, điều áp với áp suất dương khi cháy theo quy định, cửa buồng thang là cửa chống cháy tự đóng có giới hạn chịu lửa ≥ 45 phút, vách ngăn các phòng máy biến áp, nhân viên trực ở tầng hầm là vách ngăn cháy. Bổ sung đèn chiếu sáng sự cố trong buồng thang bộ.

- Bổ sung hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler cho các tầng 4, 5, 6. Máy bơm chữa cháy phải đảm bảo lưu lượng và áp lực cho hệ thống Sprinkler ở vị trí cao nhất. Lượng nước dự trữ dùng cho chữa cháy có khối tích 312m³, chưa gồm nước dùng màn ngăn cháy. Bổ sung họng chữa cháy vách tường đảm bảo mỗi điểm trong công trình có 02 họng chữa cháy phun đến.

Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP. Hà Nội sẽ kiểm tra, nghiệm thu Hệ thống PCCC của công trình trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (để hướng dẫn)
- Chủ đầu tư.
- Cơ quan thiết kế (để thiện)
- Lưu Phòng CS PCCC



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Nghĩa

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011
KT. TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: Trần Văn Vu

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 9 năm 2022
UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2867/QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Cơ sở: “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”

**Địa điểm: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN

Nguyễn Chanh Khương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 7410/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ký: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thành lập đoàn kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; thành lập Đoàn kiểm tra thực tế công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở: “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành”;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở: “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành” đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1329/TTr-CCBVMT-ĐTM ngày 26/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Cơ sở: “Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành” (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Tổng Công ty vận tải Hà Nội (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô của Cơ sở:

1.1. Vị trí của Cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

1.2. Quy mô của Cơ sở: Tổng diện tích đất $5.378,8m^2$ trong đó $5.022,8m^2$ đất (khu 2) xây dựng công trình cao 8 tầng (không kể tầng hầm, tầng lửng và tum thang) với tổng diện tích sàn $32.090m^2$. Số lượng xe ô tô bảo dưỡng khoảng 15.000 lượt xe/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường:

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất $60m^3/ngày.đêm$, công nghệ xử lý hóa lý, sinh học đảm bảo đạt Quy chuẩn 40: 2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Từ 01/01/2017 nước thải phải được thu gom xử lý đạt Quy chuẩn 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ buồng sơn được xử lý bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Từ 01/01/2017 phải được xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Chất thải rắn thông thường và phế liệu được thu gom, lưu giữ tại kho chứa với diện tích $10m^2$ và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích $20m^2$, xây dựng riêng biệt và đảm bảo quy cách theo quy định.

2.3. Chủ động xử lý, khắc phục ngay sự cố làm ô nhiễm môi trường và có báo cáo cho cơ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

2.4. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Trong quá trình hoạt động của Cơ sở, nếu có sự thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này chỉ phục vụ cho công tác quản lý môi trường của cơ sở, không được sử dụng cho các mục đích khác.

Giao Chi cục bảo vệ môi trường Hà Nội thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường quận Thanh Xuân, Tổng Giám đốc Tổng Công ty vận tải Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - UBND Thành phố (để b/c);
 - Giám đốc Sở
 - PGĐ Sở Lê Tuấn Định;
 - Lưu: VT, CCBVMT(2).
- MHS 133967.CCMT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Định



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 570 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Tổng Công ty vận tải Hà Nội ngày 15/11/2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 11825/TTr-STNMT-TNN ngày 17/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính tại số 5 phố Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được phép xả nước thải từ Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành, địa chỉ tại số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

2. Vị trí xả nước thải:

a) Tại số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

b) Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000):

X = 2 323 592; Y = 585 545



3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội - QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B, $C_{\max} = C$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột B, $K = 1,2$ cụ thể theo bảng như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B, $C_{\max} = C$			
1	Độ màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5 - 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Sunfua	mg/l	0,5
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
QCVN 14:2008/BTNMT cột B, $K = 1,2$			
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
12	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
14	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12

7. Thời hạn của Giấy phép là: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Tổng Công ty Vận tải Hà Nội:

1. Tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải:

a) Vị trí quan trắc: 01 (một) vị trí tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

b) Thông số quan trắc: theo quy định tại Khoản 6 Điều 1.

c) Tần suất quan trắc:

- Lưu lượng nước thải: hàng ngày.

- Chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần.

3. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Điều 10 Thông tư 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012:

a) Thực hiện thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Tài nguyên và Môi trường các cấp theo quy định; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải, phải báo cáo ngay tới Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

Điều 3. Tổng Công ty Vận tải Hà Nội được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Tổng Công ty Vận tải Hà Nội còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND quận Thanh Xuân; Chủ tịch hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải Hà Nội và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5; *la*
- Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
- PCT UBND TP Nguyễn Quốc Hùng;
- VPUB: PCVP, P. ĐT;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, HS, ĐT Quyết.
- (70638/2019-Dung)

3190-11 *nv*
1 CUA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: 076.22/SC – TTX

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ luật số 55/2014/QH13 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.
- Căn cứ Nghị Định số 38/2015/ND-CP ngày 15/6/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015, về quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ đề nghị của **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN** về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2022

Tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Sông Công. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Địa chỉ : Số 315 – Đường Trường Chinh - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Người đại diện : **Bà Võ Thị Thanh Tâm** Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại : 043. 5656666 Fax: 043. 5501709

Tài khoản :

Mã số thuế : 0105348644

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện : **Bà BÙI THỊ HƯƠNG** Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại : 0989.691.668 Fax:

Tài khoản : 0961000555888 Tại Ngân hàng Vietcombank – CN Đông Anh

Mã số thuế : 4601328385

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình hoạt động của **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN** theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp (Bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN**. Các chất thải có thể ở dạng rắn, bùn hoặc lỏng.

2. Địa điểm giao nhận chất thải tại **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN**, địa chỉ: Số 315 – Đường Trường Chinh - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

3. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Sông Công, thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên..

4. Thời gian giao nhận: Bên A báo trước cho Bên B mỗi giai đoạn thực hiện trước 01 ngày.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Đơn giá và thể thức thanh toán:

1. Đơn giá cụ thể theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	Kg	17 02 03	1.000	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	Kg	18 02 01	4.000	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	Kg	15 01 02	4.000	TĐ
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	4.000	TR + TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	4.000	TR + TC
6	Sơn thải khô, matid thải	Kg	08 01 01	4.500	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải	Kg	08 01 05	4.500	TĐ
8	Nước làm mát	Kg	19 10 01	6.000	XLN
9	Ắc quy thải	Kg	19 06 01	4.000	PD + TC
10	Cặn lắng bể nước thải	Kg	12 06 06	4.000	TĐ + HR
11	Xăng dầu rửa thải	Kg	17 06 02	3.000	TĐ
12	Má phanh chứa amiăng	Kg	15 01 06	4.500	C
13	Bóng đèn huỳnh quang, neo thải	Kg	16 01 06	6.000	HBĐ
14	Kim loại dính dầu	Kg	11 04 01	4.000	TR
15	Pin Hybrid thải	Kg	19 06 02	4.500	PR + TC
16	Pin Hybrid thải	Kg	19 06 05	4.500	PR + TC

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%
- Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.
- 2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.
- 3. Phương thức thanh toán:
 - Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).
 - Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, căn cứ trên khối lượng được thu gom, vận chuyển và xử lý nạo vét theo biên bản giao nhận giữa hai Bên.
 - Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện sau 10 (mười) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.
- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.
- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- d. Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.
- e. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- f. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- g. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN** cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- h. Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT
- i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.
- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:
 - Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP.

- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2015
 - Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 55/2015-QH13, Hiệu lực ngày 01/01/2015.
- c. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.
 - d. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.
 - e. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
 - f. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.
 - g. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

Điều 5: Trọng tài

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có thay đổi, vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế Thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Trường hợp bất khả kháng

- a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.
- b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.
- c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 7: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.
2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.
3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên A đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung, thì mặc nhiên hợp đồng được gia hạn thêm 01 năm cho các năm tiếp theo.
2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thanh Tâm

ĐẠI DIỆN BÊN B

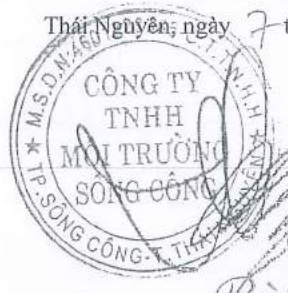


GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

SÔNG CÔNG
ENVIRONMENT CO., LTD.



Tỉnh/ Thành Phố Thái Nguyên		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 004/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX					
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên		ĐT		0989691668			
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên		ĐT		0989691668			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã Số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT					
Địa chỉ cơ sở/đại lý:		ĐT					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN		Mã số QLCTNH: 01.001229.T					
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		ĐT		0243 5656666			
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		ĐT		0243 5656666			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	3.800	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	90	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	7	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	3	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	4	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	3	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	115	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	25	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	1	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	1	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	1	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa); Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác(ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBD); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:..... Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 29V 0825	
7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm						Ký <i>Hoàng Văn Tâm</i> Ngày: 29 / 04 / 2022	
7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng):						Ký _____ Ngày: _____	
6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.			
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022  TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Võ Thị Thanh Tâm</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				Thái Nguyên, ngày 7 tháng 5 năm 2022  GIÁM ĐỐC <i>Bùi Thị Hương</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			

Liên số

 1 ☐

 2 ☐

 3 ☐

 4 ☒

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 003/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã Số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT

Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã số QLCTNH: 01.001229.T

Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

Địa chỉ cơ sở : Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	2.600	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	70	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	6	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	3	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	2	TĐ
7	Dùng môi pha rửa thải		x		08 01 05	100	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	20	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	1	TĐ
10	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	1	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa(TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác(ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBĐ); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

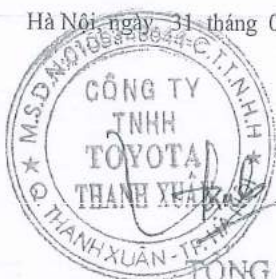
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7,1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký *Tâm* Ngày: 31 / 03 /2022

7,2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thanh Tâm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ Hà Nội		CHUNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 02/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX	
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN		Mã số QLCTNH: 01.001229.T	
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội		ĐT: 043.5656666	
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội		ĐT: 043.5656666	
2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX	
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên		ĐT: 0907 003 666	
Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên		ĐT: 0907 003 666	
3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):		Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:	
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		ĐT:	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)		Tờ số.....trên tổng số....tờ	

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		170203	2.600	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất , vật liệu lọc	x			180201	55	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			150102	5	TĐ
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	3	TR + TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			180103	2	TR+ TC
6	Sơn thải khô, matid thải	x			080101	2	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		080105	80	TĐ
8	Nước làm mát		x		191001	15	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		170602	1	TĐ
10	Kim loại dính dầu	x			110401	1	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế(TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) : Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Số phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Đinh Quang Ngọc Ký Ngày: 28/2/2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng): _____ Ký _____ Ngày: _____

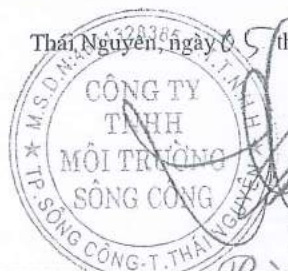
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

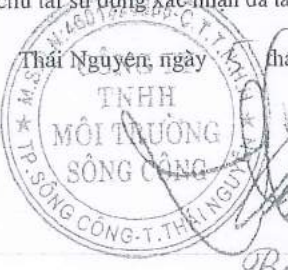
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022


TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Võ Thị Thanh Loan

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 3 năm 2022


GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hương
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỈNH/THÀNH PHỐ Hà Nội				CHUNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX			
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN				Mã số QLCTNH:		01.001229.T	
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội				ĐT:		043.5656666	
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội				ĐT:		043.5656666	
2. Chủ hành nghề QLCTNH: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG				Mã số QLCTNH:		1-2-3-4-5-6.134.VX	
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên				ĐT:		0907 003 666	
Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên				ĐT:		0907 003 666	
3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):				Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				ĐT:			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)						Tờ số.....trên tổng số.....tờ	
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		170203	4.000	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			180201	95	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			150102	8	TĐ
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	4	TR + TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			180103	3	TR+ TC
6	Sơn thải khô, matid thải	x			080101	4	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		080105	120	TĐ
8	Nước làm mát		x		191001	25	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		170602	1	TĐ
10	Ắc quy thải	x			190601	2	PD + TC
11	Kim loại dính dầu	x			110401	1	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế(TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa); Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....			
Số phương tiện:.....				Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: <i>Đinh Quang Ngọc</i>				Ký: <i>[Chữ ký]</i>		Ngày: 5/2/2022	
7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng):				Ký: <i>[Chữ ký]</i>		Ngày: <i>[Chữ ký]</i>	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
 Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC <i>[Chữ ký]</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 Thái Nguyên, ngày <i>2</i> tháng <i>2</i> năm 2022 GIÁM ĐỐC <i>[Chữ ký]</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			

Liên số: 1

☐

2

☐

3

☐

4

☒

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 009/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã Số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT
Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã số QLCTNH: 01.001229.T
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
I	Cặn lắng bể nước thải			x	120605	2,000	SẤY

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBĐ); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 20H00517

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký: *Tâm*, Ngày: 24/9/2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2022 *Valle*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thanh Tâm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 2 tháng 10 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 005/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG	Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên	ĐT 0989691668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên	ĐT 0989691668
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: TNHH TOYOTA THANH XUÂN	Mã Số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:	ĐT
Địa chỉ cơ sở/đại lý:	ĐT
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN	Mã số QLCTNH: 01.001229.T
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	ĐT 0243 5656666
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	ĐT 0243 5656666

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	4,400	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	88	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	6	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	3	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	3	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	105	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	20	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	2	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	1	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	1	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa); Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác(ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBD); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký Tam Ngày: 31 / 05 /2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thanh Tâm
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 6 tháng 6 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 006/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã Số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT

Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã số QLCTNH: 01.001229.T

Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	3,800	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	90	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	8	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	4	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	3	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	120	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	20	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	1	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	2	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	1	TR
12	Má phanh chứa Amiang	x			150106	2	C
13	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	1	HBĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBD); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký tên Ngày: 30 / 06 /2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Lohi Lohanh Lâm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 7 tháng 7 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 007/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: **TOYOTA** Mã Số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT
Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT
3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN** Mã số QLCTNH: 01.001229.T
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
Địa chỉ cơ sở : Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	3,800	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	88	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	7	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	3	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	3	TĐ
6	Sơn thải khô, matit thải	x			08 01 01	4	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	125	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	25	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	1	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	1	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	2	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBĐ); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký *Hoàng Văn Tâm* Ngày: 30 / 07 / 2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2(chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Bùi Thị Thanh Tâm

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số

1 ☐

2 ☒

3 ☐

4 ☐

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 008/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã Số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT
Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã số QLCTNH: 01.001229.T
Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	4,200	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	95	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	6	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	4	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	3	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	3	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	120	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	25	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	2	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	1	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	1	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBĐ); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký *Tâm* Ngày: 31 / 08 / 2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2022 *ruk*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Thanh Tâm
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 9 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐

Tỉnh/ Thành Phố
Thái Nguyên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0010/2022/1-2-3-4-5-6.134VX/TOTX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 - xã Tân Quang - TP Sông Công - tỉnh Thái Nguyên ĐT 0989691668

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã Số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT

Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN Mã số QLCTNH: 01.001229.T

Địa chỉ văn phòng: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

Địa chỉ cơ sở: Số 315 đường Trường Chinh, p Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT 0243 5656666

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng(kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu tổng hợp thải		x		17 02 03	3,800	TĐ
2	Giẻ lau dính dầu, hóa chất, vật liệu lọc	x			18 02 01	98	TĐ
3	Bộ lọc dầu thải	x			15 01 02	7	TĐ
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	3	TR
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	4	TĐ
6	Sơn thải khô, matid thải	x			08 01 01	3	TĐ
7	Dung môi pha rửa thải		x		08 01 05	115	TĐ
8	Nước làm mát		x		19 10 01	20	XLN
9	Xăng dầu rửa thải		x		17 06 02	1	TĐ
10	Ắc quy thải	x			19 06 01	1	TC
11	Kim loại dính dầu	x			11 04 01	2	TR

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: Tận thu/ tái chế (TC); Trung hòa (TH); PT Phân tách/ chiết lọc/kết tủa; Oxy hóa (OH); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); TR (Tẩy rửa); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD; Máy hủy bóng đèn (MHBĐ); Hệ thống xử lý nước (HTXLN)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cảng nhập khẩu:.....
Ngày xuất cảng:..... Cảng xuất khẩu:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 29V 0825

7.1 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hoàng Văn Tâm Ký: *Trần* Ngày: 30 / 09 / 2022

7.2 Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2022 *mlh*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thanh Tâm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 10 năm 2022



CHAM ĐOC

Bùi Thị Hương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1, nhà 1717, Khu DT Trưng Hòa Nhân Chính,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 09 năm 2022

Mã số khách hàng

570075620

Mã số thuế: 0101624050

Ký hiệu: 1K22TYY

Số: **00347992**

Tên, địa chỉ khách hàng

**TỔNG CÔNG TY VẠN TÀI HÀ NỘI-TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI
THÁC TÒA NHÀ****Số 5 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà
Nội.**

Mã số thuế: 0101148154



Số hộ sử dụng nước

1

Thời gian sử dụng

02/08/2022 - 01/09/2022

Ngày hóa đơn

06/09/2022

Ngày ghi - Số đọc

01/09/2022 - N8000

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THU	ĐỊNH MỤC TIÊU THU	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
154.048	152.696	1.352	203	13.357	2.711.471
			1.149	25.378	29.159.322

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CÔNG

31.870.793

Trong đó: - Tiền nước

27.713.733

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)

2.771.373

- Tiền thuế VAT (5%)

1.385.687

TIỀN ĐỒNG HỒ

0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC

0

TỔNG CỘNG

31.870.793

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 06/09/2022

Số tiền bằng chữ: Ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: FAF942AC

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÒA NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1, nhà 1717, Khu BT Trung Hòa Nhân Chính,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 08 năm 2022

Mã số khách hàng

570075620

Mã số thuế: 0101624050

Ký hiệu: 1K22TTY

Số: 00175866



Tên, địa chỉ khách hàng

**TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI-TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI
THÁC TÒA NHÀ**Số 5 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà
Nội.

Mã số thuế: 0101148154

Số hộ sử dụng nước

1

Thời gian sử dụng

02/07/2022 - 01/08/2022

Ngày hóa đơn

04/08/2022

Ngày ghi - Số đọc

01/08/2022 - N8000

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
152.696	151.303	1.393	209	13.357	2.791.613
			1.184	25.378	30.047.552

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CÔNG

92.839.165

Trong đó: - Tiền nước

28.555.796

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)

2.855.580

- Tiền thuế VAT (5%)

1.427.789

TIỀN ĐỒNG HỒ

0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC

0

TỔNG CỘNG

32.839.165



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 04/08/2022

Số tiền bằng chữ: Ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 30D9D385

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÒA NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Địa chỉ: Tầng 1, nhà 1717, Khu DT Trung Hòa Nhân Chính,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 07 năm 2022

Mã số khách hàng

570075620

Mã số thuế: 0101624050

Ký hiệu: 1K22TYY

Số: 00030933

Tên, địa chỉ khách hàng

**TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI-TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI
THÁC TÒA NHÀ**Số 5 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà
Nội.

Mã số thuế: 0101148154



Số hộ sử dụng nước

1

Thời gian sử dụng

02/06/2022 - 01/07/2022

Ngày hóa đơn

06/07/2022

Ngày ghi - Số đọc

01/07/2022 - N8000

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THU	ĐINH MỨC TIÊU THU	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
151.303	150.041	1.262	189	13.357	2.524.473
			1.073	25.378	27.230.594

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG 29.755.067

Trong đó: Tiền nước 25.873.971

- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%) 2.587.397

- Tiền thuế VAT (5%) 1.293.699

TIỀN ĐỒNG HỒ 0

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC 0

TỔNG CỘNG 29.755.067

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Ký ngày: 06/07/2022

Số tiền bằng chữ: Hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại hoadon.viwaco.vn/tra-cuu. Mã tra cứu hóa đơn: 758A11F6

TUQ: TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÒA NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-019

Địa chỉ (Address): Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP.Hà Nội

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN - SỐ TK: 111000002773 - Tại NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TAN

Số (No): 213126

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Tên đơn vị (Company name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0101148154

Địa chỉ (Address): Số 5 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD11000025202

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2022 từ ngày 30/07/2022 đến ngày 17/08/2022	kWh	72.240	-	223.421.520
	(kèm theo bảng kê số 1281414979 ngày 19 tháng 08 năm 2022)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					223.421.520
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.873.722
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 241.295.242
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN
Ngày ký: 19/08/2022 22:45:05TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀO NHÀ
Nguyễn Thanh Hương

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-019

Địa chỉ (Address): Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP.Hà Nội

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN - Số TK: 111000002773 - Tại NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TAN

Số (No): 213419

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Tên đơn vị (Company name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0101148154

Địa chỉ (Address): Số 5 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD11000025202

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 18/08/2022 đến ngày 29/08/2022 (kèm theo bảng kê số 1281501730 ngày 31 tháng 08 năm 2022)	kWh	45.120		138.370.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					138.370.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 11.069.664
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 149.440.464
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN
Ngày ký: 31/08/2022 17:08:12TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀO NHÀ
Nguyễn Thanh Hương

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-019

Địa chỉ (Address): Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP.Hà Nội

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN - Số TK: 111000002773 - Tại NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TAN

Số (No): 106634

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Tên đơn vị (Company name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0101148154

Địa chỉ (Address): Số 5 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD11000025202

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 18/07/2022 đến ngày 29/07/2022 (kèm theo bảng kê số 1278407015 ngày 31 tháng 07 năm 2022)	kWh	50.880	-	157.665.840
Cộng tiền hàng (Total amount):					157.665.840
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 12.613.267
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 170.279.107
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn một trăm linh bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN
Ngày ký: 31/07/2022 21:15:04

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀO NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-019

Địa chỉ (Address): Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP.Hà Nội

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN - Số TK: 111000002773 - Tại NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TAN

Số (No): 106401

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Tên đơn vị (Company name): Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0101148154

Địa chỉ (Address): Số 5 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PD1100002502

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMICK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 30/06/2022 đến ngày 17/07/2022	kWh	75.840	-	235.073.760
	(kèm theo bảng kê số 1278314757 ngày 19 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					235.073.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 18.805.901
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 253.879.661
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN
Ngày ký: 19/07/2022 13:04:27



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀO NHÀ
Nguyễn Thanh Hương



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN

Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP.Hà Nội
MST: 0100101114-019

19001288

Mẫu số: 01GKT0/001
Ký hiệu: AN/22E
Số: 0635774

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

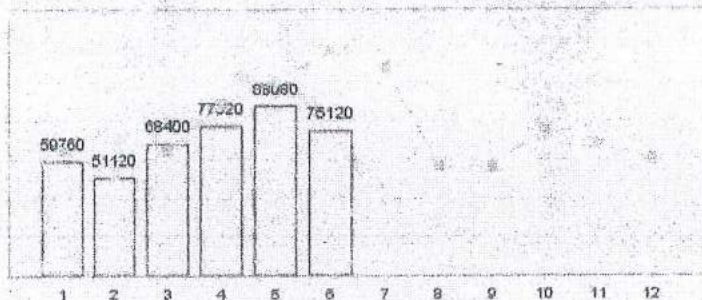
(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: **Tổng Công ty Vận tải Hà Nội**
Địa chỉ: **Số 5 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN**
Điện thoại: **0912990719**
Email:
Mã số thuế: **0101148164**
Địa chỉ sử dụng điện: **315 Trường Chinh, P. Khương Mai**
Mục đích sử dụng điện: **100 % Kinh doanh - Giờ bình thường
100 % Kinh doanh - Giờ cao điểm
100 % Kinh doanh - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng: **Dưới 380V**

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2022 (19 ngày từ 30/05/2022 đến 17/06/2022)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (KWH)
13057382				
Khung giờ thấp điểm	240	725	697	6.720
Khung giờ cao điểm	240	1.644	1.560	20.160
Khung giờ bình thường	240	4.010	3.809	48.240
				Tổng: 75.120



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	2.666	48.240	128.607.840
Khung giờ cao điểm	4.587	20.160	92.473.920
Khung giờ thấp điểm	1.622	6.720	10.899.840
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		75.120	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			231.981.600
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			18.658.528
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			250.640.128

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng



TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀO NHÀ
Nguyễn Thanh Hương

Người ký: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN



Mã khách hàng

PD11000025202



Số tiền thanh toán

250.640.128 đồng



Hạn thanh toán

24/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

69 Đinh Tiên Hoàng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

19001288

evnhanoi@evnhanoi.vn

<https://www.facebook.com/Ngoihaevnhanoi>

EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Phương

Hà Nội, ngày 17/06/2022



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN

Khu Nội chính-P.Nhân Chính-Q.Thanh Xuân-TP Hà Nội
MST: 0100101114-019

19001288

Mẫu số: 01GKT0/001
Ký hiệu: AN/22E
Số: 0636026

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Số 6 phố Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, VN

0912990719

0101148154

315 Trường Chinh, P. Khương Mai

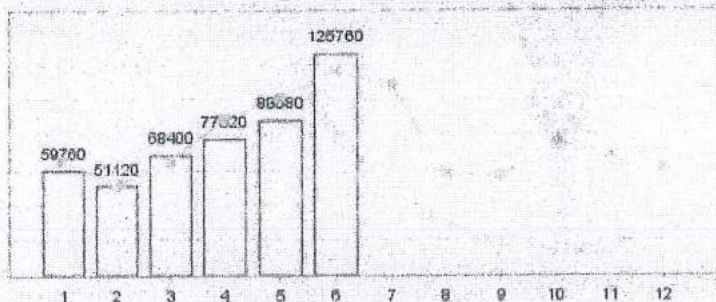
100 % Kinh doanh - Giờ bình thường
100 % Kinh doanh - Giờ cao điểm
100 % Kinh doanh - Giờ thấp điểm

Dưới 380V

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2022 (12 ngày từ 18/06/2022 đến 29/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
13067382				
Khung giờ thấp điểm	240	742	725	4.080
Khung giờ cao điểm	240	1.701	1.644	13.680
Khung giờ bình thường	240	4.147	4.010	32.880
				Tổng: 50.640



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	2.666	32.880	87.658.080
Khung giờ cao điểm	4.587	13.680	62.750.160
Khung giờ thấp điểm	1.622	4.080	6.617.760
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		50.640	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			157.026.000
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			12.662.080
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			169.688.080

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng.



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC TÒA NHÀ

Nguyễn Thanh Hương

Người ký: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH XUÂN



Mã khách hàng

PD11000025202



Số tiền thanh toán

169.688.080 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

69 Đinh Tiên Hoàng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

19001288

evnhanoi@evnhanoi.vn

<https://www.facebook.com/Ngoihoaevnhanoi>

EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Phương

Hà Nội, ngày 30/06/2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101148154

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 06 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 12 tháng 04 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HANOI TRANSPORT CORPORATION LTD**

Tên công ty viết tắt: **TRANSESCO**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 5 phố Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: **024.38241650**

Fax: **024.39331637**

Email: **transerco@transerco.com.vn**

Website: **http://transerco.com.vn**

3. Vốn điều lệ

1.200.000.000.000,000

đồng.

Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 79 phố Đinh Tiên Hoàng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG TRUNG**

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 28/12/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070000054

Ngày cấp: 06/11/2012

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T02 phòng 3012 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: T02 phòng 3012 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chứng thực ban chính
Số chứng thực: 6027-01
Quyền số: SGT/B

Ngày: 01-10-2021

Người thực hiện chứng thực
(Ký ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

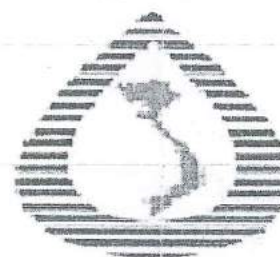
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Quyết

Nguyễn Hải Hùng

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ VÀ CÁC GIẤY TỜ LIÊN QUAN

1. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm;
2. Biên bản nghiệm thu, bàn giao hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm;
3. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, giấy chứng nhận CO, CQ của 05 buồng sơn sấy...
4. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý, giấy chứng nhận xuất xưởng của 03 buồng sơn nhanh và bản vẽ buồng sơn nhanh...
5. Mặt bằng tổng thể của dự án
6. Mặt bằng thoát nước mưa, nước thải và vị trí lấy mẫu
7. Sơ đồ nguyên lý thoát nước thải, nước mưa

CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC VIỆT
SỐ 30/93, LÊ THANH NGHỊ, Q. HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI
TEL: 0916.841.373



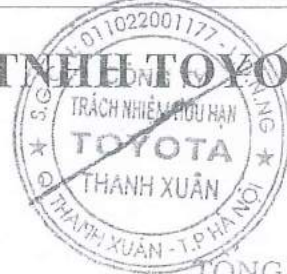
NƯỚC VIỆT, JSC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 60 M³/NGÀY.ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 315, ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH, QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Kim Văn Quyết

NHÀ THẦU

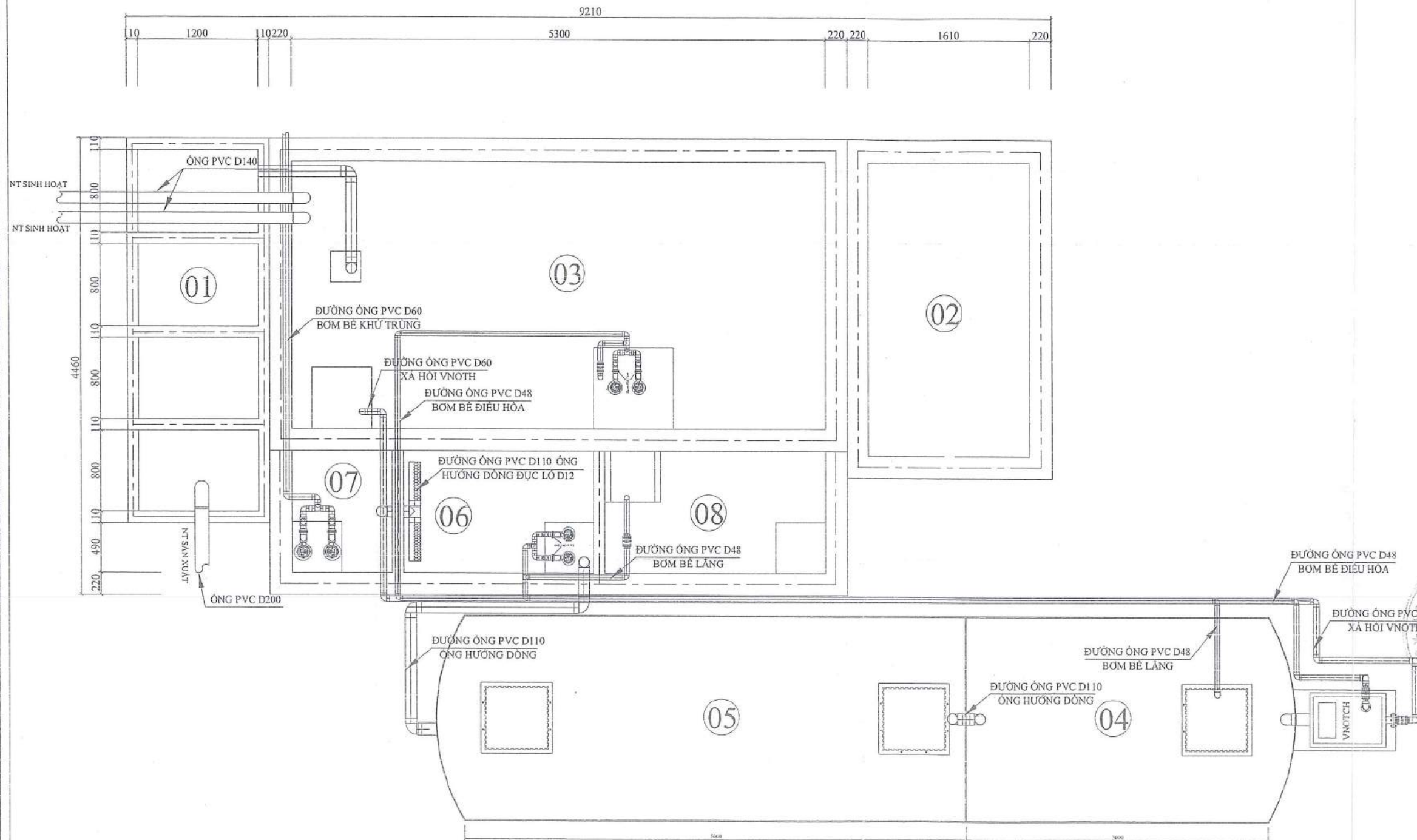
CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT



GIÁM ĐỐC
Phạm Duy Sơn

HÀ NỘI, THÁNG 1 NĂM 2019

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC VÀ ĐƯỜNG BÙN



GHI CHÚ:

01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT

02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ

03: BỂ ĐIỀU HÒA

04: BỂ THIẾU KHÍ

05: BỂ HIẾU KHÍ

06: BỂ LẮNG

07: BỂ KHỬ TRÙNG

08: BỂ CHỨA BÙN

LẦN	NGÀY
01	
02	
03	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 30, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 9916.841.373

GIÁM ĐỐC	PHẠM HUY SƠN
CHỦ TRÌ	PHẠM HUY SƠN
THIẾT KẾ	PHẠM VĂN GIÁP
KIỂM TRA	KHƯƠNG ĐÌNH KIỆM

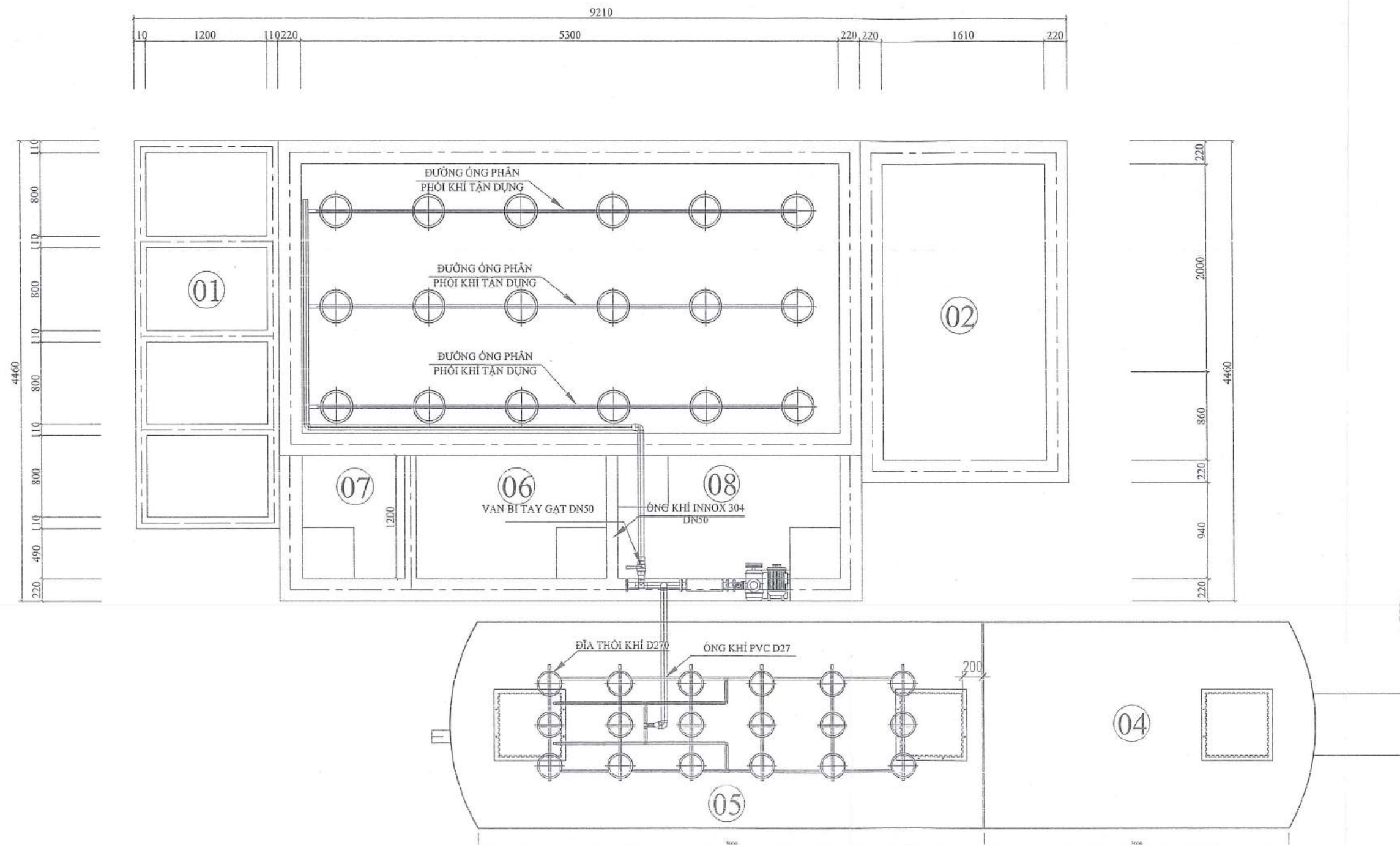
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ			
NGÀY	2019	KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN: 02

MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ



GHI CHÚ:

- 01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT
- 02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ
- 03: BỂ ĐIỀU HÒA
- 04: BỂ THIẾU KHÍ

- 05: BỂ HIẾU KHÍ
- 06: BỂ LẮNG
- 07: BỂ KHỬ TRÙNG
- 08: BỂ CHỨA BÙN

LẦN	NGÀY
01	
02	
03	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỞ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 99, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373



PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÍ	PHẠM HUY SƠN
THIẾT KẾ	PHẠM VĂN GIÁP
KIỂM TRA	KHUƠNG ĐÌNH KHIÊM

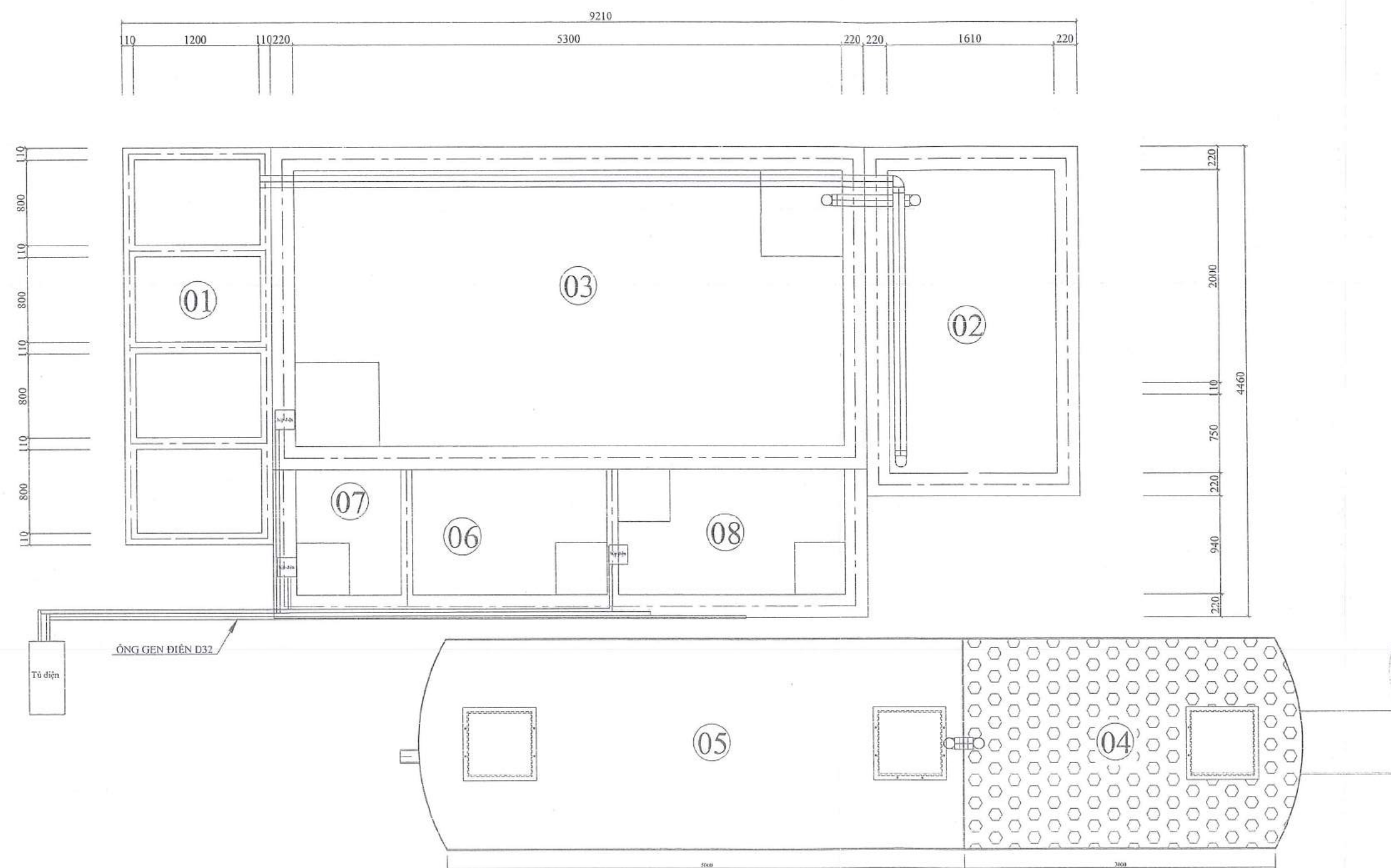
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ	
NGÀY	2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN: 02

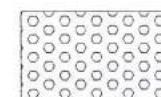
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐIỆN VÀ KHUNG ĐỆM



GHI CHÚ:

- 01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT
02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ
03: BỂ ĐIỀU HÒA
04: BỂ THIẾU KHÍ

- 05: BỂ HIẾU KHÍ
06: BỂ LẮNG
07: BỂ KHỬ TRÙNG
08: BỂ CHỨA BÙN



ĐỆM CẦU D105

LẦN	NGÀY
01	
02	
03	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 88, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373



PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ	PHẠM HUY SƠN	
THIẾT KẾ	PHẠM VĂN GIÁP	
KIỂM TRA	KHUƠNG ĐÌNH KIỆM	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

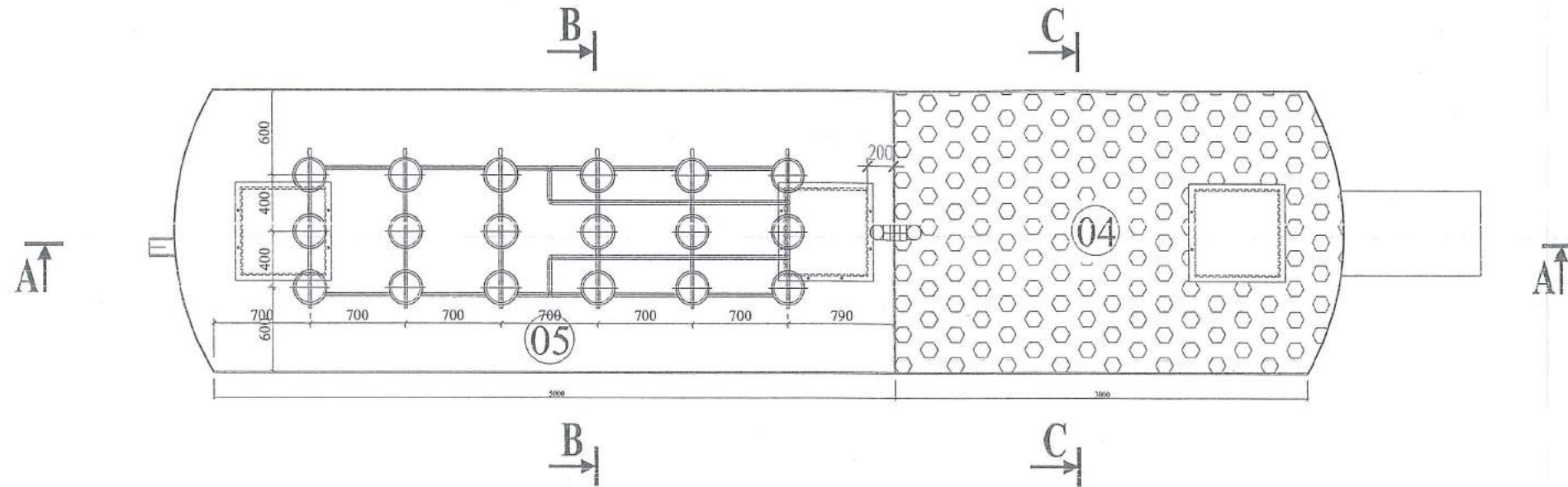
TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 1-1

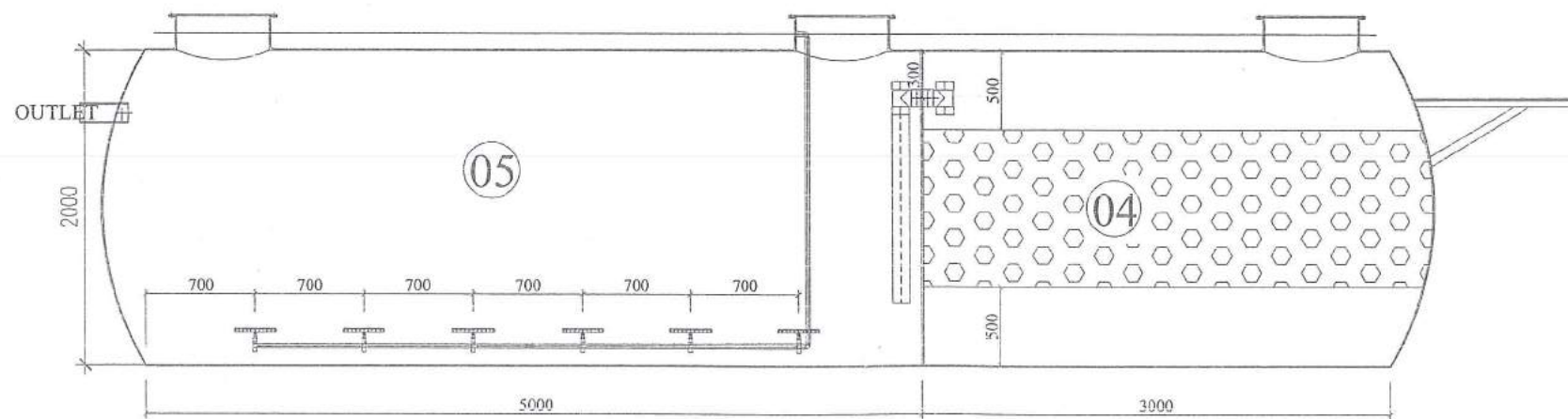
TỶ LỆ			
NGÀY	2019	KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN: 02

CHI TIẾT TRONG BỖN COMPOSITE

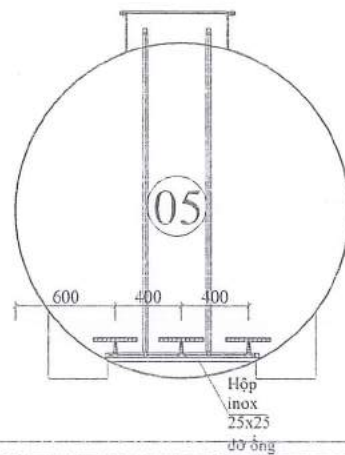
MẶT BẰNG



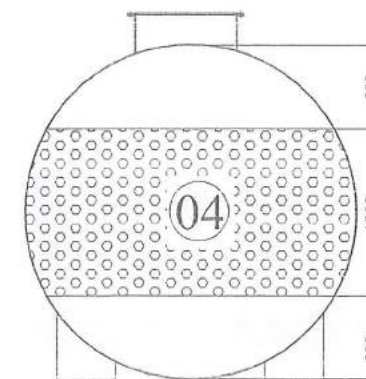
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



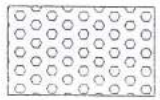
MẶT CẮT C-C



GHI CHÚ:

04: BỀ THIỂU KHÍ

05: BỀ HIỂU KHÍ



: ĐỆM CẦU D105

LẦN	NGÀY	
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 10/93, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373

GLAM ĐỌC

PHẦN

CÔNG NGHỆ

11-11-1964

VIỆT

PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GLÁP

KIỂM TRA

KHƯƠNG ĐÌNH KHIÊM

BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT TRONG BỐN COMPOSITE

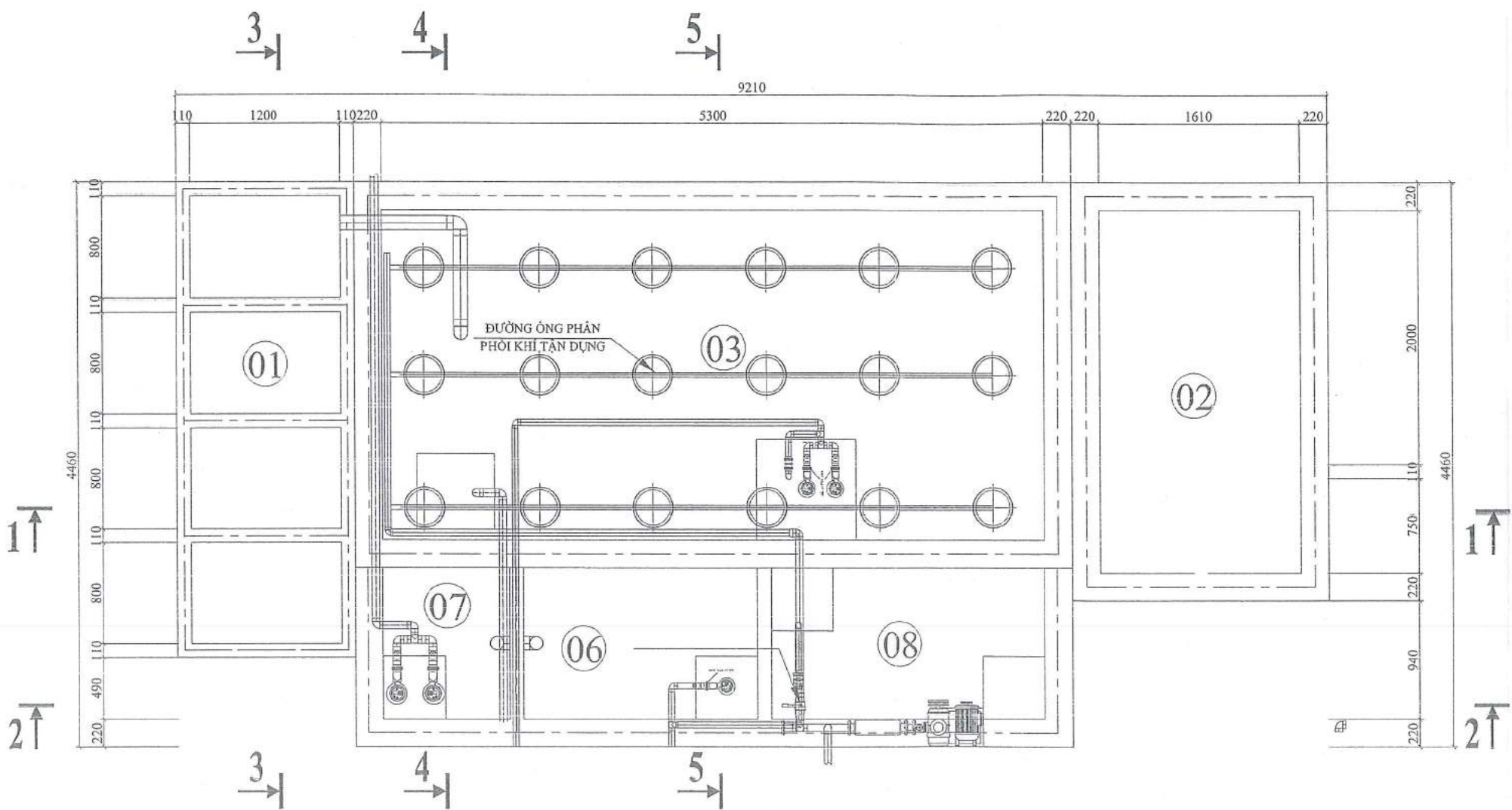
TỶ LỆ

NGÀY	2019
------	------

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CN: 02

CHI TIẾT CÔNG NGHỆ PHẦN XÂY DỰNG



GHI CHÚ:

- 01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT
02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ
03: BỂ ĐIỀU HÒA
04: BỂ THIÊU KHÍ

- 05: BỂ HIẾU KHÍ
06: BỂ LẮNG
07: BỂ KHỬ TRÙNG
08: BỂ CHỨA BÙN

LẦN NGÀY

01

02

03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 88, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373

GIÁM ĐỐC

PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA

KHUƠNG ĐÌNH KIỆM

BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CÔNG NGHỆ
PHẦN XÂY DỰNG

TỶ LỆ

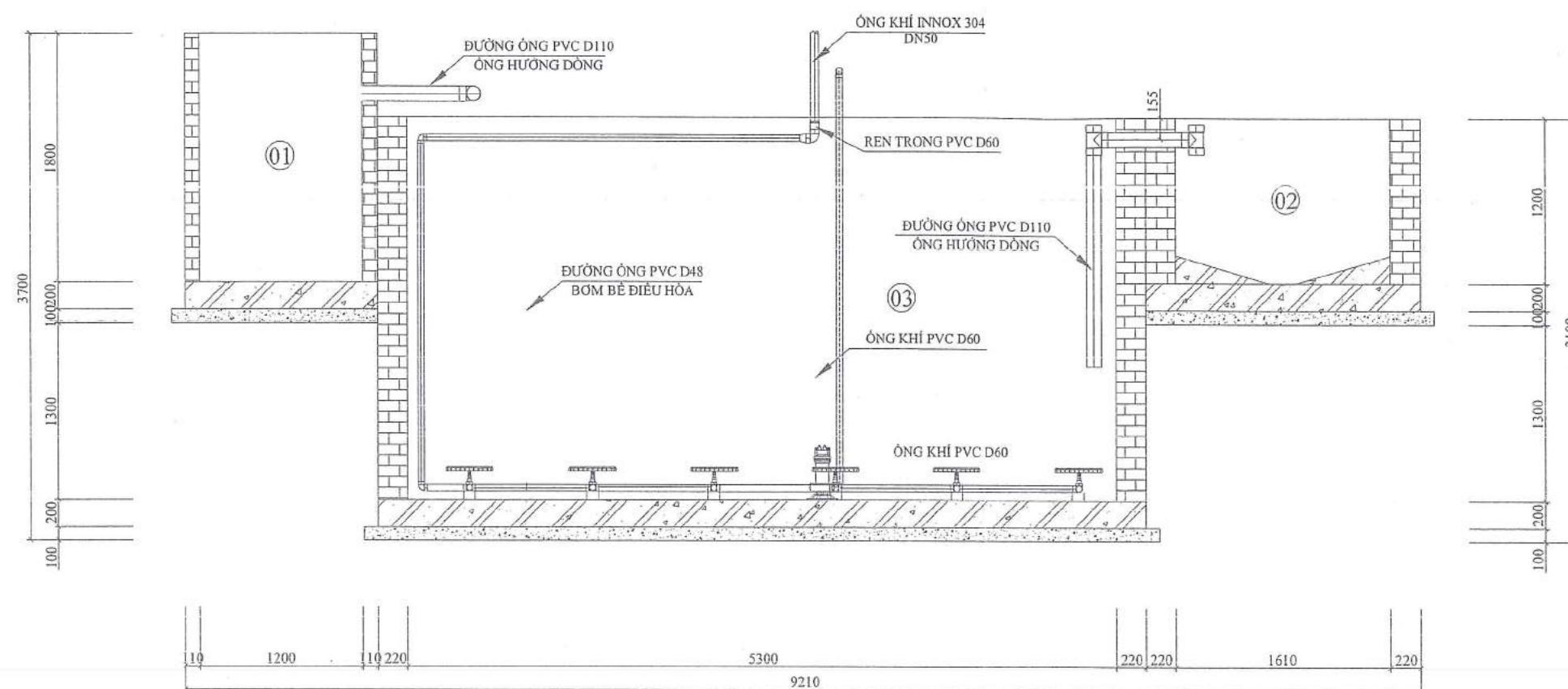
NGÀY

2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ

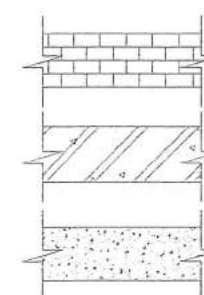
CN: 02

MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:

- 01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT
02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ
03: BỂ ĐIỀU HÒA



GẠCH ĐẶC

BÊ TÔNG CỐT THÉP

BÊ TÔNG LÓT ĐÁY

LẦN NGÀY

01

02

03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỨ LIÊM, HÀ NỘI

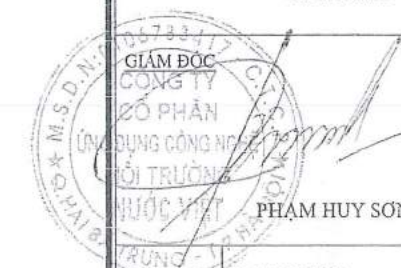
CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 89, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373



CHỦ TRÌ

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA

KHUƠNG ĐÌNH KHIÊM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ

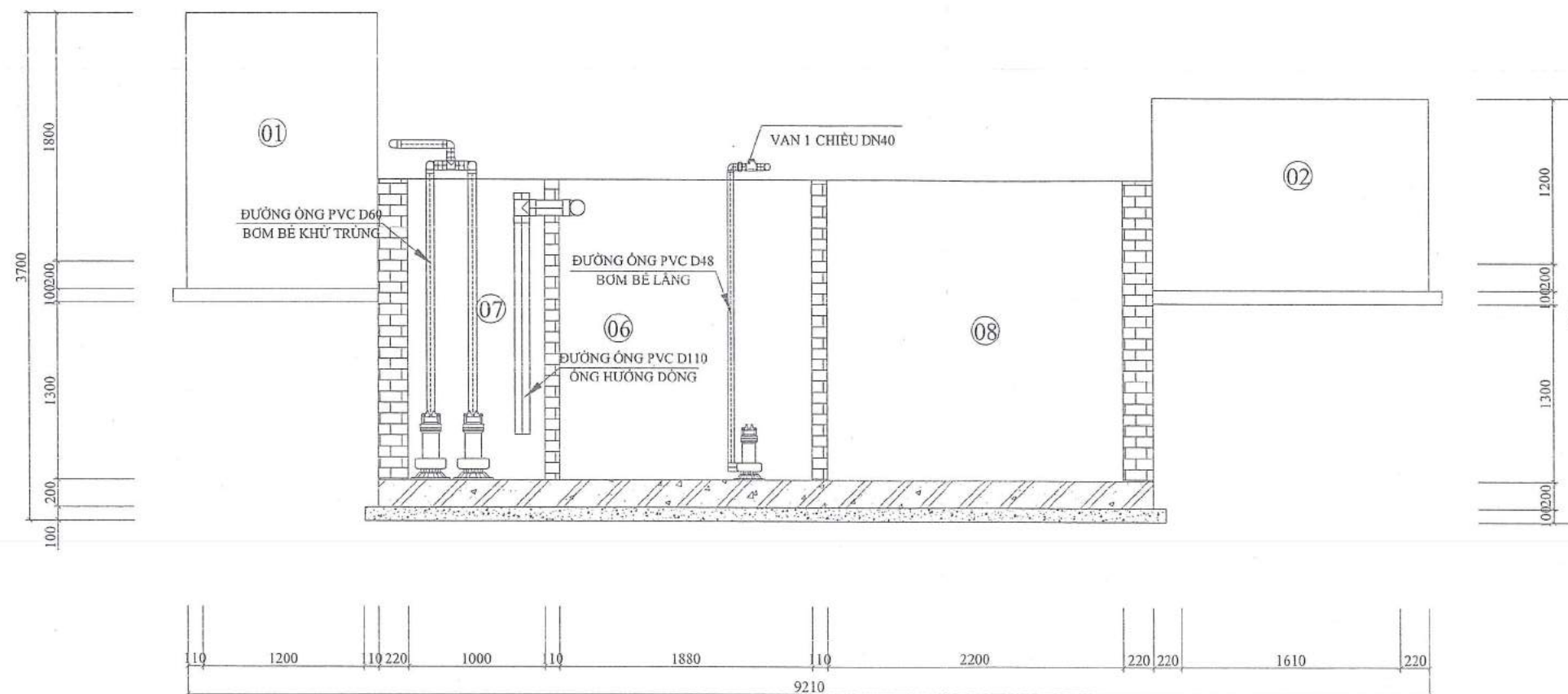
NGÀY

2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CN: 02

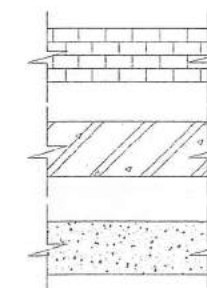
MẶT CẮT 2 - 2



GHI CHÚ:

01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT
02: BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ
03: BỂ ĐIỀU HÒA
04: BỂ THIẾU KHÍ

05: BỂ HIẾU KHÍ
06: BỂ LẮNG
07: BỂ KHỬ TRÙNG
08: BỂ CHỨA BÙN



GẠCH ĐẶC

BÊ TÔNG CỐT THÉP

BÊ TÔNG LÓT ĐÁY

LẦN NGÀY

01

02

03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỨ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 33, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373



PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA

KHƯƠNG ĐÌNH KIỆM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 2-2

TỶ LỆ

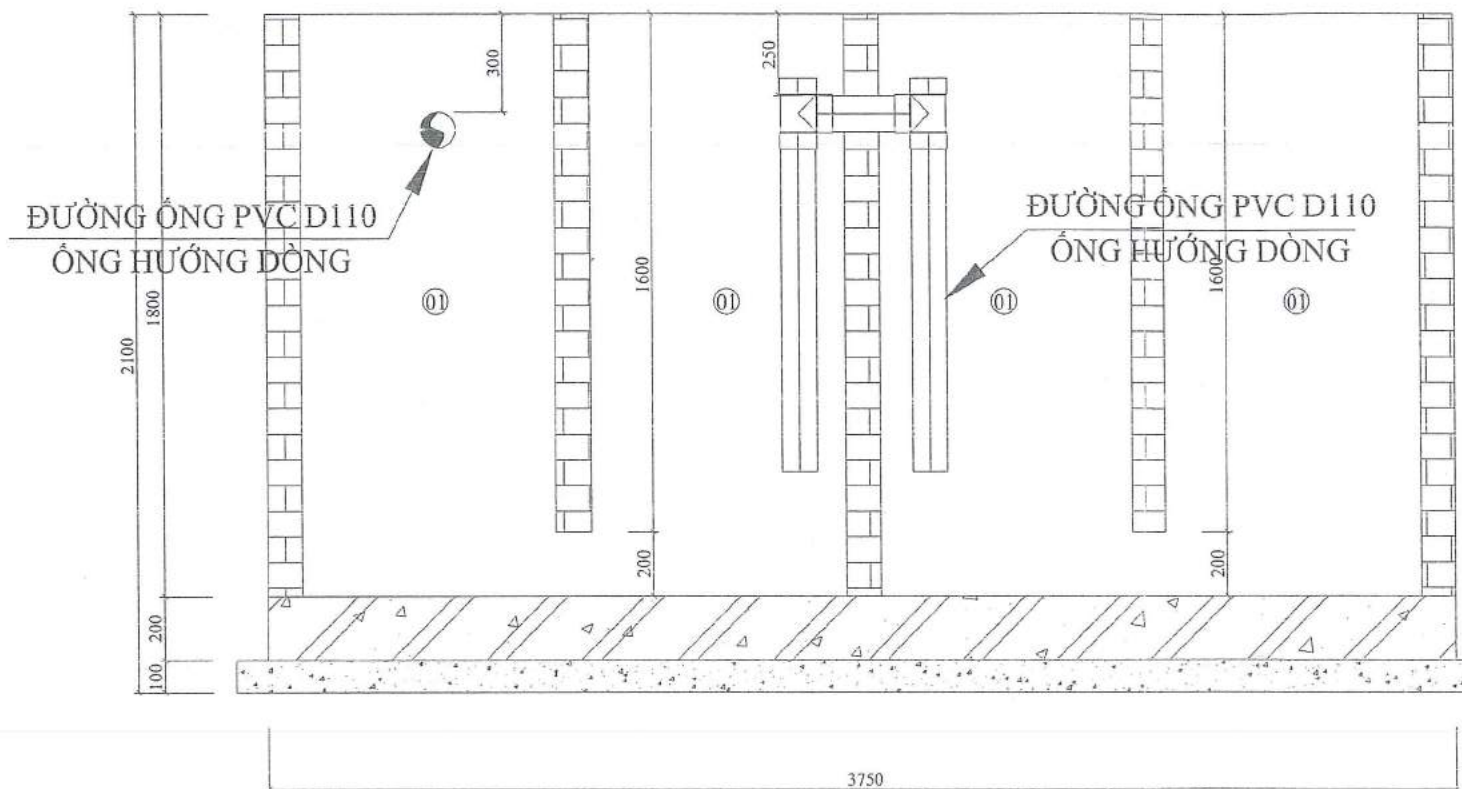
NGÀY

2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ

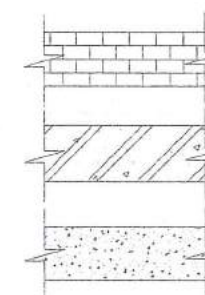
CN: 02

MẶT CẮT 3 - 3



GHI CHÚ:

01: BỂ TÁCH DẦU SẢN XUẤT



GẠCH ĐẶC

BÊ TÔNG CỐT THÉP

BÊ TÔNG LÓT ĐÁY

LẦN NGÀY

01

02

03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỨ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 99, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373

GIÁM ĐỐC

ÔNG TỶ

PHẦN

CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG

NƯỚC VIỆT

PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA

KHUƠNG ĐÌNH KIỆM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ

NGÀY

2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CN: 02

LẦN	NGÀY	
01		
02		
03		

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ DÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

Add: Số 19/93, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373

NGÀY 2019

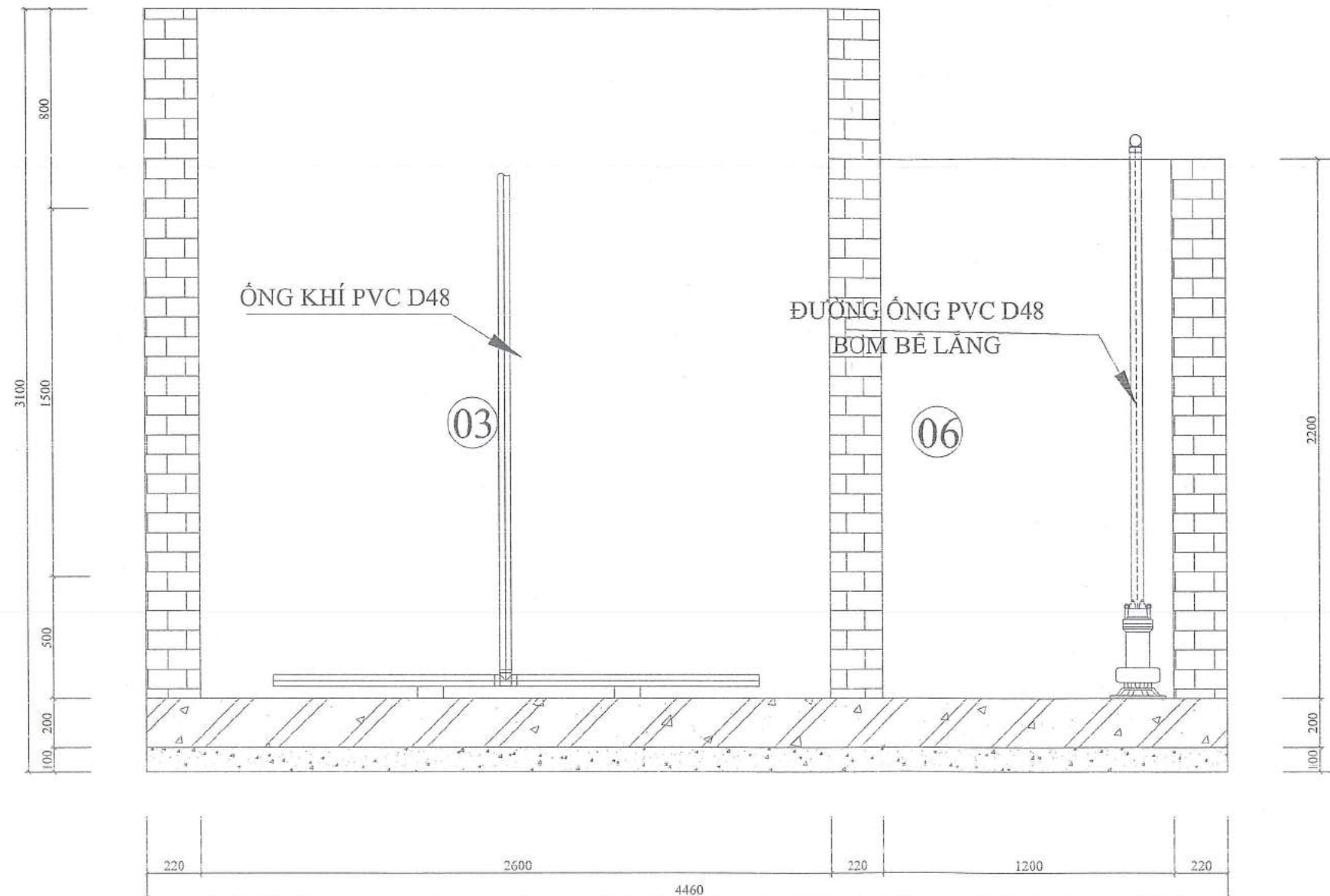
NGAY	:
------	---

MẶT CẮT 4-4

CN: 02



MẶT CẮT 5 - 5



GHI CHÚ:

03: BỂ ĐIỀU HÒA
06: BỂ LẮNG

LẦN	NGÀY
01	
02	
03	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

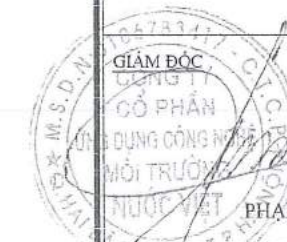
CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 39, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373



PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA KHUONG DINH KHIEM

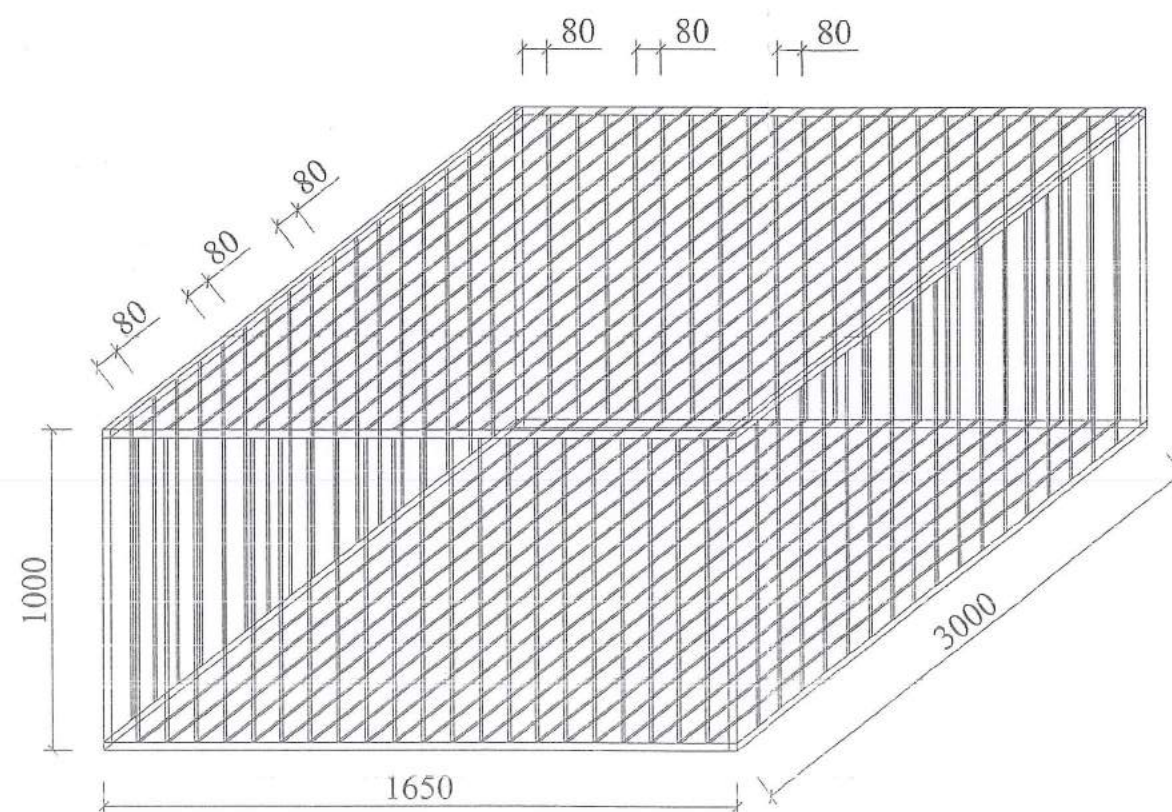
BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 5-5

TỶ LỆ	NGÀY	KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN: 02
	2019		

CHI TIẾT KHUNG CHỨA ĐỆM CẦU



LẦN NGÀY

01

02

03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Add: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỨ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Add: Số 39, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 0916.841.373

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

CỔ PHẦN

U DC N G C O N G H I

M O I T R U O N G

N U O C V I E T

PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRƯỞNG

PHẠM HUY SƠN

THIẾT KẾ

PHẠM VĂN GIÁP

KIỂM TRA

KHUƠNG ĐÌNH KIỆM

BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT KHUNG CHỨA
ĐỆM CẦU

TỶ LỆ

NGÀY

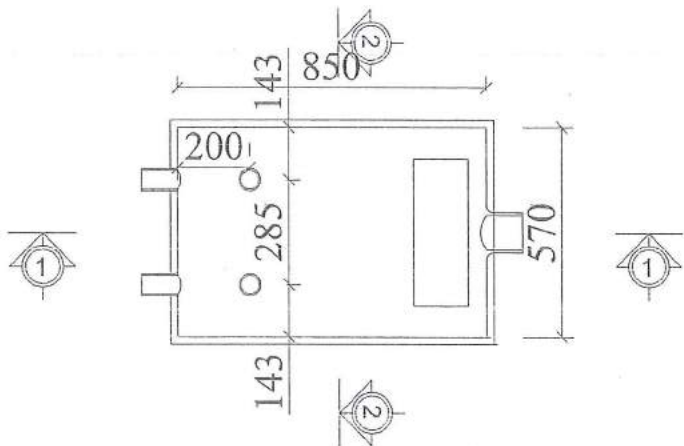
2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ

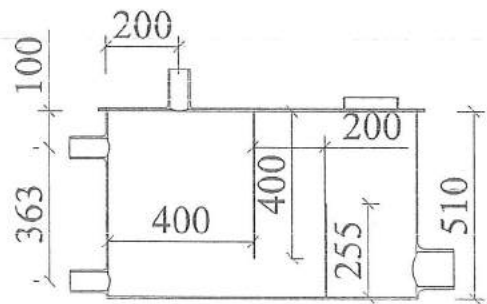
CN: 02

CHI TIẾT V-NOTCH

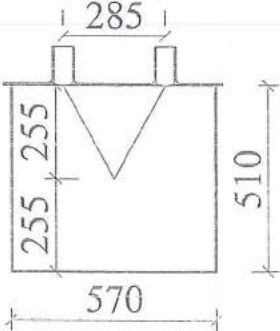
MẶT BẰNG V-NOTCH



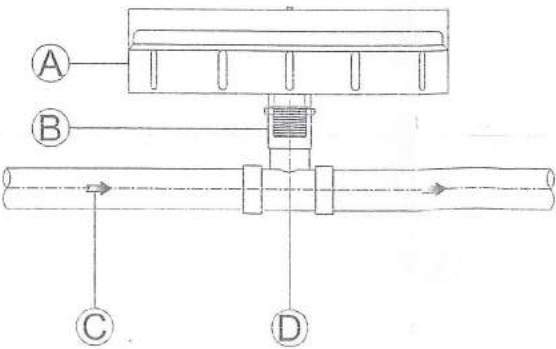
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ TÍNH



- CHÚ THÍCH:
- A ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ TÍNH D270
 - B REN TRONG D27 PVC
 - C ỐNG D27 PVC
 - D TÊ PVC D27

LẦN	NGÀY	
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TOYOTA THANH XUÂN

Địa: SỐ 15 PHẠM HÙNG, MỸ ĐÌNH, TỨ LIÊM, HÀ NỘI

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN UDCNMT NƯỚC VIỆT

Địa: Số 16, Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Tel: 0916.341.373

GIÁM ĐỐC

PHẠM HUY SƠN

CHỦ TRÌ	PHẠM HUY SƠN	
THIẾT KẾ	PHẠM VĂN GIÁP	
KIỂM TRA	KHƯƠNG ĐÌNH KHIÊM	

BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ			
MẶT CẮT 2-2			
TỶ LỆ			
NGÀY	2019	KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN: 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31. tháng 12 năm 2018



BIÊN BẢN SỐ:

**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Gói thầu : Cung cấp vật tư và thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân
Công trình : Tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân
Địa điểm : 315 Đường Trường Chinh – Thanh Xuân – Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Công việc được nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành bàn giao hệ thống xử lý nước thải
- Vị trí: Tại tầng hầm Tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Bên giao thầu: Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân

- Ông : Kim Văn Quyết Chức vụ : Tổng giám đốc
- Ông : Nguyễn Hồng Tân Chức vụ : Trưởng phòng hành chính nhân sự
- Ông : Cao Thanh Nghĩa Chức vụ : Nhân viên

b. Đại diện: Trung tâm quản lý và khai thác tòa nhà

- Ông : Nguyễn Tiến Sơn Chức vụ : Trưởng phòng quản lý tòa nhà

c. Đại diện Bên nhận thầu: Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ môi trường Nước Việt

- Ông : Phạm Huy Sơn Chức vụ : Giám đốc
- Ông : Khương Đình Khiêm Chức vụ : Chỉ huy trưởng
- Ông : Lê Minh Đức Chức vụ : Kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu :

- Bắt đầu : 15^h 00... ngày 31... tháng 12... năm 2018
- Kết thúc : 16^h 30... ngày 31... tháng 12... năm 2018
- Tại công trình: Tại tầng hầm Tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân.

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số: 01.11/2018/HĐKT/TTX-NV ký ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân và Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ môi trường Nước Việt về việc “Cung cấp vật tư và thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân” thuộc công trình “Tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân”.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt.
- Giấy tờ CO, CQ thiết bị.
- Tài liệu hướng dẫn vận hành.
- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.

5. Đánh giá về chất lượng của bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng được thực hiện:

a) Về chất lượng:

- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật của thiết kế, các quy định quy phạm kỹ thuật. tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của thi công lắp đặt.
- Chung loại đúng với cam kết trong hợp đồng.

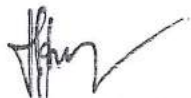
b) Các ý kiến khác (nếu có):

- Không.

6. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu.

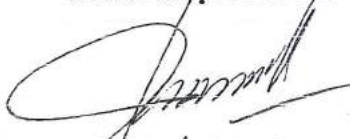
**ĐẠI DIỆN
BÊN GIAO THẦU**


Nguyễn Tấn

**TRUNG TÂM QUẢN LÝ
VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ**


Nguyễn Tấn

**ĐẠI DIỆN
BÊN NHẬN THẦU**


Phạm Huy Sơn

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG

Tên/số hợp đồng: Số 01.11/2018/HĐKT/TTX-NV ký ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Bên giao thầu: Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân

Bên nhận thầu: Công ty CP ứng dụng công nghệ môi trường Nước Việt.

Công trình: Tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân

Tên gói thầu: Cung cấp vật tư và thi công cái tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tòa nhà TOYOTA Thanh Xuân

Giải đoạn/lần thanh toán số: Quyết toán

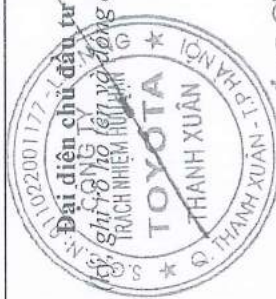
Căn cứ vào hợp đồng và khối lượng nghiệm thu vật liệu, thiết bị sản phẩm.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá thanh toán (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)		Chú thích
			Trong hợp đồng	Quyết toán		Trong hợp đồng	Quyết toán	
1	PHẦN CẢI TẠO THIẾT BỊ + THI CÔNG				363,850,000	363,850,000	363,850,000	
1	Bồn Composite	Bồn	1	1	150,000,000	150,000,000	150,000,000	Việt Nam
	DxHxt: 2000x8000x10mm							
2	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí	cái	2	2	25,000,000	25,000,000	25,000,000	Tsurumi - Nhật bản
	Thông số kỹ thuật:							
	- Điện 3 pha / 380V/50Hz							
	- Lưu lượng: 5m3/h							
	- Cột áp: 4m H2O							
3	Thiết bị đo lưu lượng Vnotch	cái	1	1	6,000,000	6,000,000	6,000,000	Nước Việt
	Thông số kỹ thuật:							
	Sản xuất: Nước việt							
	Vật liệu: Nhựa composite							
4	Bơm nước thải tuần hoàn bùn bể lắng	cái	1	1	0	0	0	Tận dụng bơm đang có tại nội
	Thông số kỹ thuật:							
	- Điện 3 pha / 380V/50Hz							
	- Lưu lượng: 2.5m3/h							
	- Cột áp: 3m H2O							

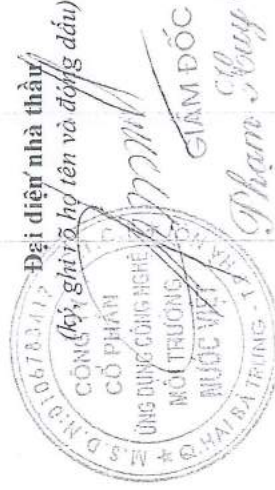


5	Bơm nước thải tuần hoàn bùn bể khử 2						cái	1	1	0	0	Tận dụng bơm đang có
	Thông số kĩ thuật:											
	- Điện 3 pha / 380V/50Hz											
	- Lưu lượng: 2.5m3/h											
6	Bơm nước thải đầu ra						cái	2	2	30,000,000	30,000,000	Tsurumi - Nhật bản
	Thông số kĩ thuật:											
	- Điện 3 pha / 380V/50Hz											
	- Lưu lượng: 5m3/h											
7	Máy thổi khí						cái	1	1	32,950,000	32,950,000	Longtech - taiwan
	Thông số kĩ thuật:											
	- Điện 3 pha / 380V/50Hz											
	- Lưu lượng: 2,5m3/min											
8	- Cột áp: 3m H2O						m3	4.5	4.5	18,900,000	18,900,000	Việt Nam
	Giá thể vi sinh cố định D105mm											
9	Giá thể vi sinh di động						m3	4	4	26,000,000	26,000,000	Việt Nam
10	Khung chứa giá thể vi sinh cố định bằng inox 304						Hệ	1	1	15,000,000	15,000,000	Việt Nam
	Đường ống công nghệ đi đường bơm, ống qua vách ống uPVC C2 và đi đường khí ống inox 304											
11	- Ống uPVC						hệ	1	1	30,000,000	30,000,000	Nước Việt
	- Van 2 đầu rắc co											
	- Ống dẫn khí nhựa PVC chìm trong nước											
	- Ulbon bắt ống và linh kiện giữ ống đi kèm											
12	- Chi thi van						tủ	1	1	30,000,000	30,000,000	Nước Việt
	Điện - điện điều khiển + dây điện Cadisun kết nối thiết bị vào tủ điện											
	- Linh kiện Hàn- Việt											
	- Tủ điện trong nhà											
	- Có đèn báo sự cố											

II	Chi phí vận hành					64,500,000	64,500,000	64,500,000	Nước Việt
1	Vận chuyển	hệ	1			20,000,000	20,000,000	20,000,000	Nước Việt
2	Lắp đặt thi công cải tạo lại hệ thống	hệ	1			20,000,000	20,000,000	20,000,000	Nước Việt
3	Nuôi cấy vi sinh	hệ	1			20,000,000	20,000,000	20,000,000	Nước Việt
	Cung cấp chủng loại vi sinh tươi và chế phẩm vi sinh								Nước Việt
	Nuôi cấy và kiểm soát mật độ vi sinh định bám trên vật liệu mang vi sinh								Nước Việt
4	Chi phí phân tích	Công tác	1			4,500,000	4,500,000	4,500,000	Nước Việt
Tổng đầu tư (chưa bao gồm VAT 10%)									428,350,000
Tổng đầu tư (bao gồm VAT 10%)									471,185,000



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Quyết



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Quyết



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03175/2022/PKQ/22.819

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN THĂNG LONG
Địa chỉ: Số 23 Dịch vụ 2, Ngõ 2 KĐT Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
Loại mẫu: Khí thải
Ngày quan trắc: 23/11/2022
Thời gian thử nghiệm: 23/11/2022 - 01/12/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT01	B
1	Nhiệt độ	°C	PPNB 05	45	-
2	Độ ẩm ^(#)	%	US EPA Method 04	5	-
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	PPNB 06	< 2,62	500
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	PPNB 06	< 1,88	850
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	PPNB 06	< 1,14	1.000
6	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,0005	5 ⁽¹⁾
7	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,0008	750 ⁽¹⁾
8	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,0006	870 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- ⁽¹⁾ QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- KT01: Mẫu khí thải ống thoát khí phòng sơn tại tầng 9 (20°00'07"; 105°49'23").

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa



VIỆN TRƯỞNG
TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (#) không có trong Vimcerts 306, Lấy và phân tích mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
5. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.43/15.08.2022

Khách hàng : Công ty TNHH Môi trường và phát triển Thăng Long
Địa chỉ : Km 29+200 Quốc Lộ 6, Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2022

Thời gian thử nghiệm : 05/08/2022 - 15/08/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả KT	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	33,4	-
2	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	5	-
3	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	<2,62	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	<1,88	850
5	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	<1,14	1000
6	Benzen	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH	5 ⁽¹⁾
7	Xylene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH	870 ⁽¹⁾
8	Toluene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH	750 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Khí thải ống thoát khí phòng sơn tại tầng 9. Tọa độ: X(m): 2323375, Y(m): 585355

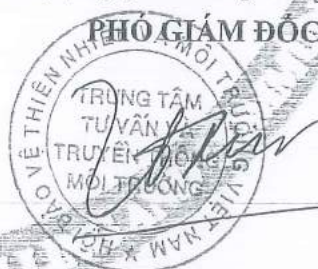
- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 17/02/2021



Số TN: 0881/QTVH/2022/2015/MTX-KQ/HN231/2526

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Tên khách hàng | : Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân |
| 2. Cơ sở được lấy mẫu | : Toà nhà Toyota Thanh Xuân |
| 3. Địa chỉ | : 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội |
| 4. Loại mẫu | : Khí thải |
| 5. Ký hiệu mẫu | : KT |
| 6. Ngày lấy mẫu | : 12/05/2022 |

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	oC	MTX.QTMT.KT-05	23,0	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 04	2,2	-
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	3,80	1000
4	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	5,02	850
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	3,48	500

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- KT (HN231.22Q2.KT): Mẫu khí thải ra môi trường (buồng phun sơn).
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2022



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERS 228 do Bộ TN& MT cấp



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số 0103-81... 2022

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh
3	Địa chỉ quan trắc	Toà nhà Toyota Thanh Xuân: 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4	Tên mẫu	- KT: Mẫu khí thải ra môi trường (buồng phun sơn)
5	Ngày quan trắc: 12/05/2022 Ngày phân tích mẫu: 12 – 19/05/2022	

TT	Thông số	Đơn vị	PP.Thử nghiệm	Kết quả	QCVN 20:2009 /BTNMT
				KT	
1	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	750
2	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	5
3	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	870

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2022

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hoàng Giang



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.
4. Khách hàng chịu trách nhiệm với thông tin mẫu gửi phân tích

Số TN: 0547/QTVH/2022/1164/MTX-KQ/HN231/2524

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH TOYOTA Thanh Xuân
2. Cơ sở được lấy mẫu : Toà nhà Toyota Thanh Xuân
3. Địa chỉ : 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 23/03/2022



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCVN 19:2009 /BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	oC	MTX.QTMT.KT-05	25,0	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 04	2,0	-
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	4,56	1000
4	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	3,76	850
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	2,62	500

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- KT (HN231.22Q1.KT): Mẫu khí thải ra môi trường (buồng phun sơn).
- (*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (✓) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện;
- (-) : Không quy định; (+) : Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERS 228 do Bộ TN&MT cấp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số 0068-T/3.0/TC/2022

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh
3	Địa chỉ quan trắc	Công ty Cổ phần ứng dụng Công nghệ Môi trường Nước Việt: Toà nhà Toyota Thanh Xuân - Tại 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4	Tên mẫu	- KT: Mẫu khí thải ra môi trường (buồng phun sơn)
5	Ngày quan trắc: 23/03/2022 Ngày phân tích mẫu: 23 – 30/03/2022	

TT	Thông số	Đơn vị	PP.Thử nghiệm	Kết quả	QCVN 20:2009 /BTNMT
				KT	
1	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	750
2	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	870
3	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,08	5

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ TRÁCH
PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hoàng Giang

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu phân tích của nhà thầu phụ.
4. Khách hàng chịu trách nhiệm với thông tin mẫu gửi phân tích



Số TN: 0154/QTVH/2022/286/MTX-KQ/HN231/1788

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần ứng dụng Công nghệ Môi trường Nước Việt
2. Cơ sở được lấy mẫu : Toà nhà Toyota Thanh Xuân
3. Địa chỉ : 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT
6. Ngày lấy mẫu : 30/12/2021

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT	QCTĐHN 01: 2014/BTNMT
1	Nhiệt độ	oC	MTX.QTMT.KT-05	23,0	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA Method 04	2	-
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	1000
4	NO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	-
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.QTMT.KT-06	0,00	500

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- KT (HN231.21T12.KT): Mẫu khí thải ra môi trường (buồng phun sơn).

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM KÝ HÁN
TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG XANH

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





NGUYEN GIA

VIMCERTS_251

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255 - 0338172255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.MTX/20220111/TN10-16071

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client information

Khách hàng – Client	: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
Địa chỉ - Address:	: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Tòa nhà Toyota Thanh Xuân Lô 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu: Type/Sign of Sample:	Khí thải KT: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải ra môi trường (buồng phun sơn)
Ngày quan trắc - Monitoring date	30/12/2021
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	30/12/2021

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/12/2021

Ngày trả kết quả - Results date: 11/01/2022

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 20:2009/ BTNMT Standard
				KT	
1	Toluen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<1,5**	750
2	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,9**	870
3	Benzen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,9**	5

Ghi chú – Remark:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của thông số;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu PQT & PTMT không giải quyết việc khiếu nại.

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga

Cán bộ chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hưng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Yêu cầu thử nghiệm số: DV-150)

Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân
Địa điểm lấy mẫu : Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành- Số 315
đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Mẫu khí thải
Vị trí lấy mẫu : KK 01- Mẫu không khí tại ống thoát khí thải ra môi
trường (buồng phun sơn)
Số lượng : 01 mẫu
Tình trạng mẫu : Còn nguyên niêm phong
Thời gian nhận mẫu : 16/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 16/10 - 11/12/2021

KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	21,3	QCVN 46:2012/BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	58,7		-
3	CO	mgN/m ³	299,3	TCVN 7242:2003	1000
4	NO ₂	mgN/m ³	294,3	TCVN 7172:2002	1000
5	SO ₂	mgN/m ³	132,6	US EPA Method 6	500
6	Bụi tổng	mgN/m ³	106	TCVN 5067:1995	200
7	Độ ồn	dBA	66,1	TCVN 7878-2:2010	70 ⁽¹⁾
8	Toluen	mgN/m ³	36	US EPA Method 18	750 ⁽²⁾
9	Benzen	mgN/m ³	KPH	US EPA Method 18	5 ⁽²⁾
10	Axeton	mgN/m ³	KPH	US EPA Method 18	-

Trang: 3/4

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả phân tích, phòng phân tích môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm

3. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường Việt Nhật

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vilas.

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIET NHAT CENTER OF ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NHẬT

Tel: 024.6658 9768 * Fax: 04.7306 3838 * Email: vicetvn@gmail.com

Ghi chú:

- + (-): Không quy định
- **Quy chuẩn so sánh:**
- + **QCTĐHN 01:2014/BTNMT (cột B):** Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội
- + **(1) QCVN 26:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- + **(2) QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2021

TM. TRƯỞNG PTN


Nguyễn Văn Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Minh Hằng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả phân tích, phòng phân tích môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
3. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường Việt Nhật
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vilas.
5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIMCERTS 034
Số: 4141/KQPT/2021

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
D/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông
Tel: 024.32007660 - 0775.034034



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Trung tâm công nghệ Môi trường Việt Nhật
Địa chỉ : LK11-26 khu đô thị An Hưng-Dương Nội-Hà Đông
Đơn vị quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân_ Số 315 đường Trường Chinh,
P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: KT
Mã mẫu : KT070621_008
Ngày quan trắc : 05/06/2021
Thời gian phân tích : 06/06/2021-21/06/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT		
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	33	SOP-MTKS-KT08	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	68	QCVN 46:2012/BTNMT	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	0,8	SOP-MTKS-LM8000A	-
4	Tiếng ồn ^(b)	dBA	70	TCVN 7878-2:2010	-
5	CO	mg/Nm ³	2,9	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	1000
6	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	3,55	SOP-MTKS-ĐKT 10/01	1000
7	SO ₂	mg/Nm ³	1,49	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	500
8	Bụi tổng	mg/Nm ³	127,63	US EPA Method 5	200
9	Toluen	mg/Nm ³	0,246	US EPA Method 0031	750 ⁽¹⁾
10	Benzen	mg/Nm ³	0,272	US EPA Method 0031	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí tại ống thoát khí thải ra môi trường

Tọa độ: X=2323327,7; Y=585376,6

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

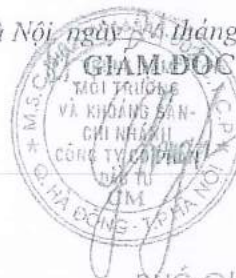
^(b): Thông số được đo ở môi trường không khí xung quanh

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034

Phạm Thị Thảo

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2021



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

^(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần hoặc toàn bộ kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

(KPH): Không phát hiện.

(KPT): Không phân tích.



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.
Tel: 024.32007660 - 0775.034034

VIMCERTS 034
Số: 1234/KQPT/2021

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân
Địa chỉ : Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: KT
Mã mẫu : KT120321_001
Ngày quan trắc : 11/03/2021
Thời gian phân tích : 11/03/2021-25/03/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT		
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	30	SOP-MTKS-KT08	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	68	QCVN 46:2012/BTNMT	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	0,4	SOP-MTKS-LM8000A	-
4	Tiếng ồn ^(b)	dBA	73	TCVN 7878-2:2010	-
5	CO	mg/Nm ³	2,51	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	1000
6	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	3,38	SOP-MTKS-ĐKT 10/01	1000
7	SO ₂	mg/Nm ³	1,18	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	500
8	Bụi tổng	mg/Nm ³	124,5	US EPA Method 5	200
9	Toluen	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0031	750 ⁽¹⁾
10	Benzen	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0031	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí tại ống thoát khí thải ra môi trường

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

^(b): Thông số được đo ở môi trường không khí xung quanh

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034

Phạm Thị Thảo



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân
 Địa điểm lấy mẫu : Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành Số 315
 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh
 Xuân, thành phố Hà Nội
 Loại mẫu : Mẫu khí thải
 Vị trí lấy mẫu : KK 01 - Mẫu không khí tại ống thoát khí thải ra môi
 trường (buồng phun sơn)
 Số lượng : 01 mẫu
 Tình trạng mẫu : Còn nguyên niêm phong
 Thời gian nhận mẫu : 03/12/2020
 Thời gian thử nghiệm : 04/12 - 14/12/2020

KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	21,2	QCVN 46:2012/BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	51,7		-
3	CO	mg/Nm ³	280,4	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	1000
4	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	134,98	SOP-MTKS-ĐKT 10/01	1000
5	SO ₂	mg/Nm ³	132,3	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	500
6	Bụi tổng	mgN/m ³	116	US EPA Method 5	200
7	Độ ồn	dBA	76,1	TCVN 7878-2:2010	70 ⁽¹⁾
8	Toluen	mg/Nm ³	34	US EPA Method 0031	750 ⁽²⁾
9	Benzen	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0031	5 ⁽²⁾
10	Axeton [#]	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0011	-

Ghi chú:

- + (-): Không quy định
- + Phép thử số 3,4,5,6,8,9,10 do nhà thầu phụ thực hiện
- **Quy chuẩn so sánh:**
- + **QCTĐHN 01:2014/BTNMT (cột B):** Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội
- + **(1) QCVN 26:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

+ (2) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

(#): Thông số chỉ mang tính chất tham khảo

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

TM. TRƯỞNG PTN


Nguyễn Thị Mỹ Linh



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Minh Thắng





TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHẢO SÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 – 0775.034034



VIMCERTS 034
Số: 1880-1/KQPT/2020

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Trung tâm công nghệ Môi trường Việt Nhật
Địa chỉ : Tầng 2, Công ty Cổ phần Miza, cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê,
Xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều
hành Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, thành phố
Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: KT
Mã mẫu : KT031220_015
Ngày quan trắc : 03/12/2020 Ngày nhận mẫu: 04/12/2020
Thời gian phân tích : 04/12/2020 – 12/12/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT		
1	CO	mg/Nm ³	280,4	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	1000
2	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	134,98	SOP-MTKS-ĐKT 10/01	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	132,3	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	500
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	116	US EPA Method 5	200
5	Toluen	mg/Nm ³	34	US EPA Method 0031	750 ⁽¹⁾
6	Benzen	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0031	5 ⁽¹⁾
7	Axeton [#]	mg/Nm ³	KPH	US EPA Method 0011	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí tại ống thoát khí thải ra môi trường(buồng phun sơn)

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

• (#): Thông số chỉ mang tính chất tham khảo

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034
Phạm Thị Thảo

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2020



PHÓ GIÁM ĐỐC

Khuất Anh Tuấn

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

• (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Yêu cầu thử nghiệm số: DV-292)

Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân

Địa điểm lấy mẫu : Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội

Loại mẫu : Mẫu nước thải

Vị trí lấy mẫu : Điểm xả cuối của cơ sở

Số lượng, thể tích mẫu : 01 chai, 1.500ml

Tình trạng mẫu : Còn nguyên niêm phong

Thời gian lấy mẫu : 10/ 09/ 2020

Thời gian thử nghiệm : 11/09 – 17/09/2020

KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
1	pH*	-	6,91	TCVN 6492:2011	5,5-9
2	Màu	Pt/Co	57	TCVN 6185:2015	150
3	BOD ₅ *	mg/l	33,1	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD*	mg/l	112	SMWW 5220-C:2012	150
5	TSS*	mg/l	40	TCVN 6625:2000	100
6	TDS	mg/l	304	SOP-MTKS – ĐN09/01	1.000
7	Sunfua	mg/l	0,084	TCVN 6637:2000	0,5
8	Amoni*	mg/l	3,5	TCVN 6179-1:1996	10
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)*	mg/l	1,2	TCVN 6180:1996	-
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,2	SMEWW 5520B&F:2012	-
11	Photphat (PO ₄ ³⁻)*	mg/l	1,14	TCVN 6202:2008	-
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,5	SMEWW 5540B&C:2012	-
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,8	SMEWW 5520B&F:2012	10
14	Tổng N	mg/l	6,4	TCVN 6638:2000	40
15	Tổng P*	mg/l	1,82	TCVN 6202:2008	6

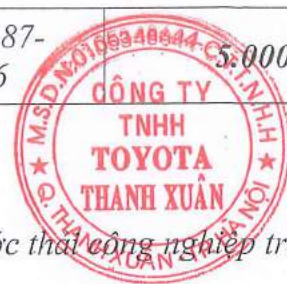
16	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	TCVN 6187-2:1996	5.000
----	---------------	-----------	-------	------------------	-------

Ghi chú:

"-" Không quy định

Phép thử số 2,6,7,10,12,13,14,16 do nhà thầu phụ thực hiện

QCTĐHN 02:2014/BTNMT(cột B): Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội



Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2020

TRƯỞNG PTN

Khai

Nguyễn Thị Khai



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Minh Thắng



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.
Tel: 024.32007660 – 0775.034034

VIMCERTS 034
Số:017612/KQPT/2020

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Trung tâm công nghệ Môi trường Việt Nhật
Địa chỉ : Tầng 2, Công ty Cổ phần Miza, cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê,
Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều
hành Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, thành phố
Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: NT
Mô tả mẫu : Có cặn
Mã mẫu : N100920_31
Ngày quan trắc : 10/09/2020 Ngày nhận mẫu: 11/09/2020
Thời gian phân tích : 11/09/2020 – 17/09/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (cột B)
			NT		
1.	Màu	Pt/Co	57	TCVN 6185:2015	150
2.	TDS	mg/l	304	SOP-MTKS – ĐN09/01	1.000
3.	Sunfua	mg/l	0,084	TCVN 6637:2000	0,5
4.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,2	SMEWW 5520B&F:2012	-
5.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,5	SMEWW 5540B&C:2012	-
6.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,8	SMEWW 5520B&F:2012	10
7.	Tổng N	mg/l	6,4	TCVN 6638:2000	40
8.	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Điểm xả cuối của cơ sở

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải Công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034
Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2020



PHÓ GIÁM ĐỐC

Khuất Anh Tuấn

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Yêu cầu thử nghiệm số: DV-400)

Tên khách hàng

: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân

Địa điểm lấy mẫu

: Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành Số 315
đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội

Loại mẫu

: Mẫu nước thải

Vị trí lấy mẫu

: Điểm xả cuối của cơ sở

Số lượng, thể tích mẫu

: 01 chai, 1.500ml

Tình trạng mẫu

: Còn nguyên niêm phong

Thời gian lấy mẫu

: 03/12/2020

Thời gian thử nghiệm

: 04/12 - 14/12/2020

KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
1	pH*	-	6,82	TCVN 6492:2011	5,5-9
2	Màu	Pt/Co	59	TCVN 6185:2015	150
3	BOD ₅	mg/l	33,1	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD*	mg/l	108,6	SMWW 5220-C:2012	150
5	TSS*	mg/l	42	TCVN 6625:2000	100
6	TDS	mg/l	365	SOP-MTKS – ĐN09/01	1.000
7	Sunfua	mg/l	0,092	TCVN 6637:2000	0,5
8	Amoni*	mg/l	3,6	TCVN 6179-1:1996	10
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	1,33	TCVN 6180:1996	-
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,4	SMEWW 5520B&F:2012	-
11	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	1,16	TCVN 6202:2008	-
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,8	SMEWW 5540B&C:2012	-
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,2	SMEWW 5520B&F:2012	10
14	Tổng N	mg/l	6,8	TCVN 6638:2000	40
15	Tổng P	mg/l	1,16	TCVN 6202:2008	6
16	Tổng Coliform	MPN/100ml	2.800	TCVN 6187-2:1996	5.000



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 – 0775-034037



VIMCERTS 034
Số:1880/KQPT/2020

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Trung tâm công nghệ Môi trường Việt Nhật
Địa chỉ : Tầng 2, Công ty Cổ phần Miza, cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khế,
Xã Nguyễn Khế, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: NT
Mô tả mẫu : Có cặn
Mã mẫu : N031220_020
Ngày quan trắc : 03/12/2020 Ngày nhận mẫu: 04/12/2020
Thời gian phân tích : 04/12/2020 – 12/12/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (cột B)
			NT		
1.	Màu	Pt/Co	59	TCVN 6185:2015	150
2.	TDS	mg/l	365	SOP-MTKS – ĐN09/01	1.000
3.	Sunfua	mg/l	0,092	TCVN 6637:2000	0,5
4.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	3,4	SMEWW 5520B&F:2012	-
5.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,8	SMEWW 5540B&C:2012	-
6.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,2	SMEWW 5520B&F:2012	10
7.	Tổng N	mg/l	6,8	TCVN 6638:2000	40
8.	Tổng Coliform	MPN/100ml	2.800	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Điểm xả cuối của cơ sở

- Quy chuẩn so sánh:

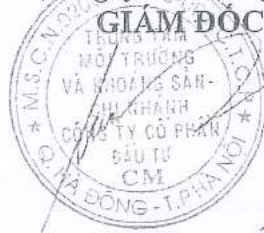
+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải Công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034
Phạm Thị Thảo

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2020



PHÓ GIÁM ĐỐC

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.
- (-): Không có quy định.
- (KPH): Không phát hiện.
- (KPT): Không phân tích.



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.

Tel: 024.32007660 – 0775.034034

VIMCERTS 034
Số:1233/KQPT/2021

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân
Địa chỉ : Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: NT
Mô tả mẫu : Có cặn
Mã mẫu : N120321_004
Ngày quan trắc : 11/03/2021
Thời gian phân tích : 11/03/2021-25/03/2021



Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,5-9
2	Màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	21,22	150
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	68	100
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2012	119,17	150
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	44,06	50
6	TDS	mg/l	SOP – MTKS – ĐN09/01	371	-
7	NO ₃ ⁻ N	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ .E:2017	0,63	-
8	Sunfat (SO ₄ ²⁻) [#]	mg/l	SMEWW 4500- SO ₄ ²⁻ E:2017	23,59	-
9	NH ₄ ⁺ N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	5,13	10
10	PO ₄ ³⁻ P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,99	-
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,01	6
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	7,28	40
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	3,2	10
14	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2017	3,0	-
15	Chất HDBM	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	0,52	-
16	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4300	5000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Điểm xả cuối của cơ sở

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải Công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

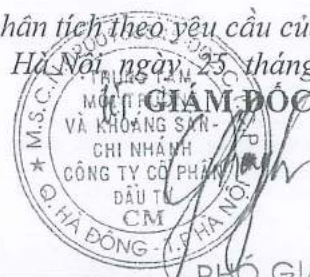
Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

(#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcert 034 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng Hà Nội ngày 25 tháng 03 năm 2021

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

VIMCERTS 034

Phạm Thị Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(*) : Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phân tích.

- (KPT): Không phân tích.



VIMCERTS 034
Số: 4140/KQPT/2021

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.
Tel: 024.32007660 – 0775.034034



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Trung tâm công nghệ Môi trường Việt Nhật
Địa chỉ : LK11-26 khu đô thị An Hưng-Dương Nội-Hà Đông
Đơn vị quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Số 315 đường Trường Chinh,
P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 01 Ký hiệu: NT
Mô tả mẫu : Có cặn
Mã mẫu : N070621_045
Ngày quan trắc : 05/06/2021
Thời gian phân tích : 06/06/2021-21/06/2021

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCTĐHN02:2014/ BTNMT Cột B
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,03	5,5-9
2	Màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	29,7	150
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	60	100
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2012	131,25	150
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	42,69	50
6	TDS	mg/l	SOP – MTKS – DN09/01	492	-
7	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ .E:2017	4,15	-
8	Sunfat (SO ₄ ²⁻) [#]	mg/l	SMEWW 4500- SO ₄ ²⁻ E:2017	26,5	-
9	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,34	10
10	PO ₄ ³⁻ _P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,82	
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,21	6
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	12,61	40
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,6	10
14	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2017	2,0	-
15	Chất HDBM	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	0,557	-
16	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4300	5000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Điểm xả cuối của cơ sở

Tọa độ: X=2323376,1; Y=585343,4

- Quy chuẩn so sánh:

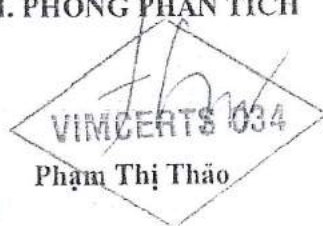
+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải Công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.
- (-): Không có quy định.
- (KPH): Không phát hiện.
- (KPT): Không phân tích.

(#): Thông số chưa được công nhận trong Vincert 034 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Phòng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.
- (-): Không có quy định.
- (KPI): Không phát hiện.
- (KPT): Không phân tích.

BỘ TƯ LỆNH HÓA HỌC
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

Giấy phép hoạt động Khoa học Công nghệ số A-358 do Bộ KH&CN cấp
Chứng chỉ công nhận Cơ sở kiểm nghiệm chất lượng số C5-02/QĐ-TĐC
Chứng chỉ công nhận PTN phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số 599.2020/QĐ-VPCNCL



Trụ sở: Số 282 Đ. Lạc Long Quân
P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội
ĐT, Fax: (84) 04.375.92.957

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 442 / 18 / 12 / 2021



1	Tên mẫu	Nước thải
2	Địa điểm lấy mẫu	Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
3	Địa chỉ	Số 315 Trường Chinh – Phường Khương Mai – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.
4	Người lấy mẫu	Khách hàng gửi
5	Đặc điểm mẫu	NT: Mẫu nước thải sau xử lý
6	Phương pháp lấy mẫu:	Theo TCVN
7	Ngày lấy mẫu:	20/12/2021
	Ngày phân tích mẫu:	20-28/12/2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 14:2008 /BTNMT	QCTĐHN 02:2014/B TNMT
				NT		
1	pH	-	TCVN 6492-11	7,1	5-9	5,5-9
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185 : 1996	123,7	-	150
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:08	40,6	50	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2012	98,5	-	150
5	TSS	mg/l	TCVN 6625-00	78,1	100	100
6	TDS	mg/l	HD.QT 01-02	464,6	1000	-
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	TCVN 4582-98	3,1	20	-
8	Sunfua	mg/l	TCVN 4567-88	0,17	4,0	0,5
9	Amoni	mg/l	EPA Method 350.2	3,4	10	10
10	Nitrat	mg/l	TCVN 6180-96	1,1	50	-
11	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6494:1999	17,8	-	40
12	Tổng phot pho	mg/l	SMEWW-4500-P-B&E-2012	3,7	-	6
13	Phosphat	mg/l	SMEWW 4500-P.B&E:12	1,1	10	-
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520.B:2012	7,6	-	10
15	Tổng các chất HDBM	mg/l	TCVN 6622-00	3,8	10	-
16	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2-09	3600	5000	5000

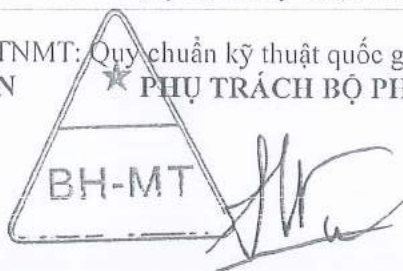
Ghi chú: - "-": Không quy định; (+): Trích kết quả

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

KIỂM ĐỊNH VIÊN

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN



ThS Chu Tuấn Linh

ThS Lã Xuân Thảo

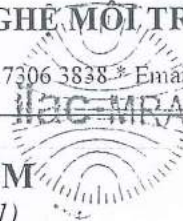
ThS Đặng Xuân Hoài

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Trung tâm CNXLMT trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm CNXLMT.
- (*) Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.



VIET NHAT CENTER OF ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NHẬT

Tel: 024.6658 9768 * Fax: 04.7306 3838 * Email: vietnhat@gmail.com



VILAS 1171

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Yêu cầu thử nghiệm số: DV-151)

Tên khách hàng
Địa điểm lấy mẫu

: Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân
: Nhà để xe cao tầng và văn phòng điều hành
Số 315 đường Trường Chinh, P. Khương Mai, Q. Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội

Loại mẫu
Vị trí lấy mẫu
Số lượng, thể tích mẫu
Tình trạng mẫu
Thời gian lấy mẫu
Thời gian thử nghiệm

: Mẫu nước thải
: Điểm xả cuối của cơ sở
: 01 chai, 1.500ml
: Còn nguyên niêm phong
: 16/10/2021
: 16/10 - 11/12/2021



KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
1	pH*	-	6,95	TCVN 6492:2011	5,5-9
2	Màu	Pt/Co	142	TCVN 6185:2015	150
3	BOD ₅	mg/l	38	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD*	mg/l	118,6	SMWW 5220-C:2012	150
5	TSS*	mg/l	72	TCVN 6625:2000	100
6	TDS	mg/l	442	SOP-MTKS – ĐN09/01	1.000
7	Sunfua	mg/l	0,22	TCVN 6637:2000	0,5
8	Amoni*	mg/l	4,7	TCVN 6179-1:1996	10
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	1,03	TCVN 6180:1996	-
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2,4	SMEWW 5520B&F:2012	-
11	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	0,62	TCVN 6202:2008	-
12	Tổng các chất	mg/l	3,67	SMEWW	-

Trang: 1/4

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả phân tích, phòng phân tích môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
3. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường Việt Nhật
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vilas.
5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIET NHAT CENTER OF ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NHẬT

Tel: 024.6658 9768 * Fax: 04.7306 3838 * Email: vicetvn@gmail.com

	hoạt động bề mặt			5540B&C:2012	
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	8,4	SMEWW 5520B&F:2012	10
14	Tổng N	mg/l	19,4	TCVN 6638:2000	40
15	Tổng P	mg/l	4,02	TCVN 6202:2008	6
16	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.800	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

+ (-) Không quy định

+ **QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B):** Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

Cột B: Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2021

TM. TRƯỞNG PTN

Nguyễn Văn Hải



PHÓ GIÁM ĐỐC

*PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Minh Hằng*

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả phân tích, phòng phân tích môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
3. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường Việt Nhật
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được công nhận Vilas.
5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

HAC MRA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.44/15.08.2022

Khách hàng : Công ty TNHH Môi trường và phát triển Thăng Long
Địa chỉ : Km 29+200 Quốc Lộ 6, Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân - Số 315 đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2022

Thời gian thử nghiệm : 05/08/2022 - 15/08/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT/ Cột B	Cột B	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,6	6 ÷ 9	5 ÷ 9
2	TDS	CEC.QTMT.N-08	mg/L	547	-	1.000
3	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	72	150	-
4	Chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	65	100	100
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	38,1	50	50
6	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	59,3	150	-
7	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	6,8	10	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ N) ^(a)	TCVN 7323-2:2004	mg/L	8,5	-	50
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	16,6	40	-
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P) ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,25	-	10
11	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,74	6	-
12	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,44	0,5	4
13	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	2,7	-	20
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,2	10	-
15	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	3,27	-	10
16	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	4.000	5.000	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải sau xử lý tại hố ga hầm 1. Tọa độ: X(m): 2323334, Y(m): 585333

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

4. "-": Không quy định

5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 17/02/2021



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



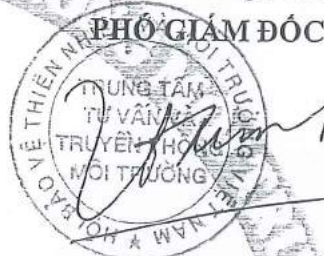
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- **Cột B:** Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- **Cột B:** Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

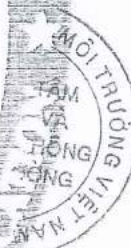
Bùi Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Minh



CEC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 17/02/2021